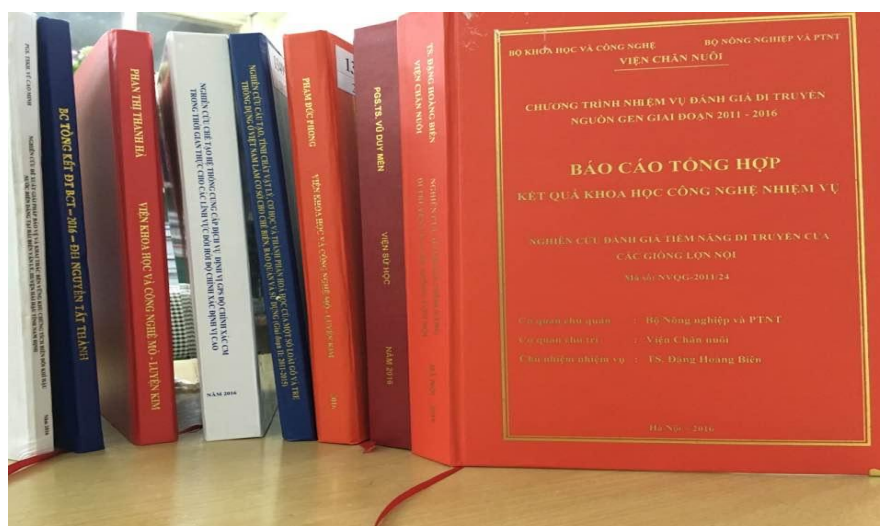


# THÔNG BÁO

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN

### NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



**SỐ 07**  
**2022**



**THÔNG BÁO**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN**  
**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**(Định kỳ 1 số/tháng)**

**BAN BIÊN TẬP**

*Trưởng ban:* THS. VŨ ANH TUẤN

*Phó Trưởng ban:* ThS. Võ Thị Thu Hà  
ThS. Trần Thị Hoàng Hạnh

*Ủy viên thư ký:* ThS. Nguyễn Thị Thưa  
CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu  
CN. Nguyễn Thu Hà

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	ii
Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	3
Bảng tra kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	4
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	9
Phụ lục: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	111

## LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”***.

Xuất bản phẩm ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”*** được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: <http://sti.vista.gov.vn>. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 1 số/tháng nhằm thông báo kịp thời thông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

**CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

***Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội***

**ĐT: (024) 39349116- Fax: (024) 39349127- E-mail: [quanly@vista.gov.vn](mailto:quanly@vista.gov.vn)**

Website: <http://www.vista.gov.vn/>

## GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

74479.1-2020. Nghiên cứu đề xuất một số khu vực có thể phục hồi và tái tạo hệ sinh thái rạn san hô phục vụ du lịch sinh thái biển Khánh Hòa/ Võ Sĩ Tuấn, TS. Nguyễn Văn Long; CN. Phan Kim Hoàng; ThS. Thái Minh Quang; ThS. Phan Thị Kim Hồng; ThS. Mai Xuân Đạt; ThS. Phạm Sĩ Hoàn; ThS. Phạm Bá Trung; CN. Hứa Thái Tuyên; TS. Hoàng Xuân Bền - Khánh Hòa - Viện Hải dương học Nha Trang, 2018 - 01/2015 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

③
⑥
⑦
⑧
⑨

⑩—Tổng quan về các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, đa dạng sinh học ở vùng biển Khánh Hòa. Đánh giá hiện trạng hệ sinh thái rạn san hô ở các khu vực có tiềm năng sử dụng cho mục tiêu du lịch sinh thái biển. Điều tra hiện trạng sử dụng và quản lý tài nguyên tại các khu vực tiềm năng. Phân tích các yếu tố tích cực và hạn chế liên quan đến phục hồi rạn san hô và phát triển du lịch sinh thái và đề xuất các khu vực có thể phục hồi và tái tạo rạn san hô nhằm sử dụng cho du lịch sinh thái. Xây dựng mô hình phục hồi, tái tạo rạn san hô với sự tham gia quản lý của doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: KHA-2019-002

①	Mã tra cứu
②	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
③	Tên nhiệm vụ
④	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
⑤	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
⑥	Cấp nhiệm vụ
⑦	Nơi viết báo cáo
⑧	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
⑨	Năm viết báo cáo
⑩	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

**BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP  
THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**

<b>1. Khoa học tự nhiên .....</b>	<b>9</b>
10101. Toán học cơ bản .....	9
10102. Toán học ứng dụng.....	10
10201. Khoa học máy tính .....	10
10202. Khoa học thông tin .....	10
10299. Khoa học máy tính và khoa học thông tin khác.....	11
10302. Vật lý các chất cô đặc.....	13
10303. Vật lý hạt và trường.....	14
10304. Vật lý hạt nhân .....	14
10305. Vật lý plasma và chất lỏng .....	15
10306. Quang học .....	15
10399. Khoa học vật lý khác.....	16
10403. Hoá lý .....	17
10404. Hoá học cao phân tử (polyme).....	17
10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân) .....	18
10501. Địa chất học.....	18
10508. Trắc địa học và bản đồ học .....	20
10509. Các khoa học môi trường .....	21
10510. Khí tượng học và các khoa học khí quyển.....	22
10609. Di truyền học .....	22
10611. Thực vật học.....	23
10614. Sinh thái học.....	23
10616. Công nghệ sinh học .....	24

<b>2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ.....</b>	<b>24</b>
20102. Kỹ thuật xây dựng .....	25
20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị .....	25
20104. Kỹ thuật giao thông vận tải .....	26
20105. Kỹ thuật thủy lợi .....	27
20106. Kỹ thuật địa chất công trình .....	28
20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..	29
20205. Viễn thông.....	30
20299. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin không xếp vào mục nào khác.....	31
20301. Kỹ thuật cơ khí nói chung.....	31
20302. Chế tạo máy nói chung.....	32
20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp.....	32
20308. Kỹ thuật và công nghệ hàng không, vũ trụ .....	33
20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng.....	34
20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng .....	34
20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân .....	35
20403. Kỹ thuật hoá dược .....	35
20505. Cán kim loại; kéo kim loại; sản xuất sản phẩm kim loại; sản xuất ống kim loại, v.v.....	35
20508. Vật liệu điện tử.....	36
20511. Màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ.....	36
20604. Kỹ thuật chẩn đoán bệnh .....	37
20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật.....	38
20702. Kỹ thuật dầu khí (dầu mỏ, khí đốt) .....	42
20704. Viễn thám .....	42

20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học.....	47
21002. Các quy trình nano (các ứng dụng ở cấp nano). (Vật liệu sinh học kích thước không phải nano được xếp vào 209).....	47
21099. Công nghệ nano khác .....	48
<b>3. Khoa học y, dược .....</b>	<b>48</b>
30101. Giải phẫu học và hình thái học.....	48
30199. Y học cơ sở khác .....	49
30202. Sản khoa và phụ khoa .....	50
30204. Hệ tim mạch .....	50
30207. Hệ hô hấp và các bệnh liên quan.....	51
30209. Gây mê .....	51
30210. Chấn thương, Chỉnh hình .....	51
30218. Nội tiết và chuyển hoá (bao gồm cả đái tháo đường, rối loạn hormone)... ..	52
30219. Tiêu hoá và gan mật học .....	53
30221. Ung thư học và phát sinh ung thư .....	53
30304. Dinh dưỡng; Khoa học về ăn kiêng .....	54
30399. Các vấn đề y tế khác.....	55
30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc .....	55
30404. Hoá dược học .....	56
30499. Dược học khác.....	57
30502. Công nghệ sinh học liên quan đến thao tác với các tế bào, mô, cơ quan hay toàn bộ sinh vật (hỗ trợ sinh sản); công nghệ tế bào gốc .....	57
30599. Công nghệ sinh học y học khác .....	58
<b>4. Khoa học nông nghiệp .....</b>	<b>58</b>

40102. Thổ nhưỡng học .....	59
40103. Cây lương thực và cây thực phẩm.....	59
40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả.....	63
40105. Cây công nghiệp và cây thuốc .....	72
40106. Bảo vệ thực vật.....	75
40107. Bảo quản và chế biến nông sản .....	75
40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác .....	76
40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi.....	79
40206. Sinh trưởng và phát triển của động vật nuôi .....	80
40402. Tài nguyên rừng .....	80
40403. Quản lý và bảo vệ rừng .....	80
40406. Nông lâm kết hợp .....	81
40499. Khoa học công nghệ lâm nghiệp khác .....	81
40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản.....	82
40504. Nuôi trồng thủy sản.....	82
40505. Hệ sinh thái và đánh giá nguồn lợi thủy sản .....	85
40599. Khoa học công nghệ thủy sản khác.....	85
40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;.....	86
40699. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp khác.....	87
<b>5. Khoa học xã hội .....</b>	<b>87</b>
50102. Tâm lý học chuyên ngành .....	88
50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh .....	88
50202. Kinh doanh và quản lý .....	91
50299. Kinh tế học và kinh doanh khác.....	94
50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.. ..	95



50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác .....	97
50401. Xã hội học nói chung .....	98
50404. Dân tộc học.....	98
50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội .....	99
50501. Luật học .....	101
50602. Hành chính công và quản lý hành chính .....	103
50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị.....	103
50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội .....	104
50702. Địa lý kinh tế và văn hoá.....	105
50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị.....	106
50801. Báo chí.....	106
599. Khoa học xã hội khác .....	107
<b>6. Khoa học nhân văn.....</b>	<b>107</b>
60101. Lịch sử Việt Nam .....	107
60199. Các vấn đề lịch sử và khảo cổ học khác .....	108
60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam..	108
60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ .....	109
699. Khoa học nhân văn khác .....	110

## THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP

### 1. Khoa học tự nhiên

#### 10101. Toán học cơ bản

82261.07-2022 **Hình học của các đa tạp phức và Hình học Diophantine/** GS. TSKH. Đỗ Đức Thái, TS. Phạm Nguyễn Thu Trang; PGS. TS. Nguyễn Văn Trào; PGS. TS. Phạm Việt Đức; TS. Phạm Đức Thoan; ThS. Trần Đức Anh; ThS. Phạm Ngọc Mai - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2021; 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu về hình học của các đa tạp phức hyperbolic, trong đó tập trung nghiên cứu về tính Zalcman của các đa tạp phức. Nghiên cứu về hướng kì dị của các đường cong chỉnh hình, trong đó tập trung nghiên cứu về hướng kì dị của các đường cong chỉnh hình Brody vào đa tạp đại số xạ ảnh từ góc độ của Lí thuyết đa thể vị. Nghiên cứu về phân bố giá trị của ánh sáng phân hình, tập trung nghiên cứu về lý thuyết Nevanlinna của ánh sáng Gauss của mặt cực tiểu nhúng trong  $Rm$ . Nghiên cứu những vấn đề về điểm nguyên trên đa tạp đại số trong hình học Diophantine.

Số hồ sơ lưu: 19672

82262.07-2022 **Công thức tính nón pháp tuyến cho tập bù theo nón circular và áp dụng vào bài toán tối ưu/** ThS. Võ Đức Thịnh, Thái Doãn Chương; Nguyễn Lê Hoàng Anh; Huỳnh Ngọc Cẩm; Huỳnh Thị Phương Nga; Đặng Thị Bích Tuyền - Đồng Tháp - Trường

Đại học Đồng Tháp, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Thiết lập được công thức tính cho một số nón pháp tuyến của tập bù theo các nón circular. Thiết lập điều kiện đủ cho dưới chính quy metric và áp dụng nghiên cứu điều kiện tối ưu và tính ổn định của tập nghiệm một số bài toán tối ưu. Sử dụng các đặc trưng, các tính chất ổn định của ánh xạ đa trị thông qua các vi phân suy rộng để nghiên cứu tính ổn định nghiệm của bài toán tối ưu.

Số hồ sơ lưu: 19674

82505.07-2022 **Một số bài toán không chỉnh cho phương trình đạo hàm riêng/** PGS. TS. Nguyễn Huy Tuấn, Lê Đình Long; Võ Văn Âu; Hồ Thị Kim Vân; Nguyễn Hữu Cần - Thành phố Hồ Chí Minh - Phòng thí nghiệm Khoa học Môi trường, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu một số phương pháp chỉnh hóa mới để khảo sát các bài toán ngược. Các bài toán này có nhiều ý nghĩa trong các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật. Xác định điều kiện đầu và bài toán xác định hàm nguồn cho các phương trình khuếch tán với đạo hàm cấp không nguyên có rất nhiều ứng dụng khác nhau trong các lĩnh vực khoa học công nghệ, vật lý, cơ học, y học, xử lý ảnh, kinh tế. Đưa ra các phương pháp chỉnh hóa nhằm tìm nghiệm xấp xỉ của bài toán trên. Chứng minh bài toán xấp xỉ là chỉnh. Sau đó, khảo sát tốc độ hội tụ giữa

nghiệm chính hóa và nghiệm chính xác.

Số hồ sơ lưu: HCM-042-2021

### **10102. Toán học ứng dụng**

82094.07-2022 **Phát triển và ứng dụng phương pháp phần tử chuyển động cho các bài toán động lực học kết cấu tấm Mindlin trên nền đàn nhớt/ PGS.TS. Lương Văn Hải, TS. Trần Minh Thi; TS. Nguyễn Thái Bình; TS. Cao Văn Vui; ThS. Cao Tấn Ngọc Thân; KS. Nguyễn Xuân Vũ - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa, 2021; 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Phát triển phương pháp phần tử chuyển động cho bài toán khảo sát ứng xử của tấm dày Mindlin trên nền đàn nhớt và nền hai thông số có xét đến ảnh hưởng của cơ cấu tiêu tán năng lượng. Các công thức ma trận khối lượng, cản, và độ cứng tổng thể của phần tử chuyển động sẽ được xây dựng. Tiếp tục phát triển phương pháp phần tử chuyển động cho tấm dày Mindlin đề xuất ở trên cho bài toán khảo sát ứng xử của tấm composite, tấm FGM và tấm trên nền nhiều lớp. Đề tài cũng chỉ tập trung vào nghiên cứu tính toán lý thuyết, tuy nhiên việc thực hiện các thí nghiệm để kiểm tra kết quả của mô phỏng này sẽ được phát triển trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: 19634

### **10201. Khoa học máy tính**

82117.07-2022 **Nghiên cứu và áp dụng công nghệ lưu trữ đám mây cung cấp dịch vụ quản lý, chia sẻ dữ liệu phi cấu trúc, thử**

**nghiệm cho hệ thống mail của Bộ Tài nguyên và Môi trường/ KS. Lê Văn Hùng , Lê Văn Hùng ; Nguyễn Thùy Dương ; Nguyễn Văn Hiệu ; Nguyễn Bá Quân; Nguyễn Văn Thi; Đỗ Văn Thắng ; Nguyễn Thanh Phong; Phạm Văn Hiếu; Đặng Tiến Hiền; Phan Thị Phương Thanh - Hà Nội - Trung tâm Thông tin lưu trữ và Thư viện tài nguyên môi trường quốc gia , 2021; 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Đánh giá công nghệ lưu trữ đám mây trên thế giới và Việt Nam. Phân tích đánh giá hiện trạng hạ tầng, công nghệ, quản lý và chia sẻ dữ liệu phi cấu trúc của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đề xuất giải pháp, xây dựng hệ thống, quản lý và chia sẻ dữ liệu phi cấu trúc. Thiết kế, xây dựng hệ thống lưu trữ đám mây và cung cấp dịch vụ quản lý, chia sẻ dữ liệu; thử nghiệm trên hệ thống mail của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Số hồ sơ lưu: 19638

### **10202. Khoa học thông tin**

82118.07-2022 **Nghiên cứu, xây dựng và đề xuất cơ chế cập nhật quản lý và khai thác bộ danh mục điện tử dùng chung của ngành tài nguyên môi trường / KS. Nguyễn Tuấn Anh , Nguyễn Tuấn Anh; Lê Văn Cường ; Ngô Thị Anh Vân ; Nguyễn Thành Trung ; Đinh Thị Thanh Hiền ; Nguyễn Ngọc Nhật ; Phạm Hoài Nam ; Bùi Thị Phương ; Trần Thị Minh Thùy ; Đoàn Thị Hồng Nhung - Hà Nội - Trung tâm Thông tin lưu trữ và Thư viện tài nguyên môi trường quốc gia , 2021; 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Rà soát các danh mục dữ liệu, đánh giá hiện trạng quản lý, nhu cầu khai thác, sử dụng dữ liệu danh mục ngành tài nguyên môi trường. Đề xuất bộ danh mục dùng chung ngành tài nguyên môi trường và giải pháp xây dựng cơ chế cung cấp, cập nhật, quản lý, lưu trữ, đảm bảo an toàn dữ liệu và cơ chế khai thác, sử dụng, kết nối, trao đổi dữ liệu. Đề xuất nội dung quy định hệ thống danh mục điện tử dùng chung ngành tài nguyên môi trường. Xây dựng, thử nghiệm hệ thống danh mục điện tử dùng chung ngành Tài nguyên môi trường.

Số hồ sơ lưu: 19639

82259.07-2022 **Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý môi trường tỉnh Bắc Kạn/** ThS. Nguyễn Văn Hiếu, ThS. Nguyễn Văn Hiếu; KS. Phạm Thái Hoàng; TS. Nguyễn Thanh Hải; KS. Đỗ Hồng Anh; TS. Đoàn Thanh Hải; CN. Ngô Thị Hương - Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên - Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên, 2018; 09/2017 - 10/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Dự án nghiên cứu đã đánh giá được thực trạng công tác quản lý và hiện trạng môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, rút ra những điểm mạnh và điểm yếu để khắc phục. Xây dựng được cơ sở dữ liệu môi trường hoàn chỉnh khai thác online. Xây dựng được phần mềm online đầy đủ chức năng công việc trong quản lý điểm quan trắc môi trường của tỉnh Bắc Kạn và triển khai cho địa phương. Tổ chức được 01 hội thảo gồm với 29/40 đại biểu được mời và tổ chức được 01 lớp tập huấn

khai thác CSDL và sử dụng phần mềm quản lý môi trường trực tuyến cho 30/40 cán bộ được mời của các phòng Tài nguyên & Môi trường, Sở Tài Nguyên & Môi trường, Sở Khoa học và một số đơn vị khác trong tỉnh sử dụng thành thạo sau khóa học.

Số hồ sơ lưu: 07/2019 Quyền số 01-STD-QLCNCN

### **10299. Khoa học máy tính và khoa học thông tin khác.**

80535.07-2022 **Nâng cao năng lực ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và giảng dạy tại trường THPT Trần Hưng Đạo - tỉnh Nam Định/** ThS. Nguyễn Hữu Đức, CN. Trịnh Minh Nghĩa - Nam Định - Trường THPT Trần Hưng Đạo, 2019; 06/2018 - 11/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng hệ thống mạng LAN tại hai phòng thực hành tin học của nhà trường đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập. Trang bị các thiết bị CNTT phục vụ quản lý, giảng dạy và học tập. Ứng dụng phần mềm “Quản lý trường học, ngân hàng đề thi và điều hành công việc” giúp nâng cao công tác quản lý và giảng dạy tại nhà trường. Đào tạo nâng cao trình độ về CNTT cho cán bộ, giáo viên để đáp ứng yêu cầu quản lý và giảng dạy.

Số hồ sơ lưu: NDH-013-2020

80536.07-2022 **Phát triển ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và điều hành tại cơ quan Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh Nam Định/** Nguyễn Tài Sơn, - Nam Định - Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh, 2018; 06/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Trang bị thêm một số thiết bị, xây dựng mới hệ thống mạng LAN, phục vụ công tác quản lý, điều hành chỉ đạo của Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh Nam Định. Ứng dụng phần mềm “Quản lý nhân sự” và xây dựng website phục vụ công tác quản lý, tiếp nhận văn bản lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao hiệu quả lãnh đạo... Đào tạo tin học nâng cao hiệu quả khai thác mạng LAN, mạng Internet và các phần mềm ứng dụng cho cán bộ nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ cơ quan.

Số hồ sơ lưu: NDH-012-2020

80571.07-2022 **Ứng dụng CNTT vào công tác quản lý và giảng dạy tại trường THPT Hoàng Văn Thụ, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định/** Hoàng Trung Sâm, Lê Thắng Cảnh - Nam Định - Trường THPT Hoàng Văn Thụ, 2018; 03/2018 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mới hệ thống mạng LAN, trang bị thêm một số máy, thiết bị cơ bản phục vụ công tác quản lý, giảng dạy của nhà trường. Ứng dụng phần mềm “Quản lý trường học” phục vụ công tác quản lý, giảng dạy cho giáo viên. Đào tạo tin học nâng cao hiệu quả khai thác mạng LAN, mạng Internet và các phần mềm ứng dụng cho cán bộ nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ của trường.

Số hồ sơ lưu: NDH-005-2020

80575.07-2022 **Ứng dụng CNTT xây dựng hệ thống phần mềm quản lý, lưu trữ cơ sở dữ liệu trong công tác thi đua khen**

**thưởng tỉnh Nam Định/** Đinh Ngọc Hải, Hoàng Thị Hào - Nam Định - Ban Thi đua khen thưởng tỉnh Nam Định, 2018; 03/2018 - 11/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu thi đua khen thưởng tỉnh Nam Định. Số hóa các hồ sơ và văn bản vào kho tài liệu lưu trữ điện tử. Trang bị thêm một số thiết bị, nâng cao năng lực ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý tại Ban thi đua khen thưởng.

Số hồ sơ lưu: NDH-002-2020

80577.07-2022 **Ứng dụng CNTT trong quản lý và giảng dạy tại trường chuẩn Quốc gia THCS Bạch Long, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định/** Phạm Văn Mạnh, Lê Văn Thủy - Nam Định - Trường THCS Bạch Long, 2018; 03/2018 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng, nâng cấp hệ thống mạng LAN của nhà trường đáp ứng yêu cầu quản lý và giảng dạy, Trang bị các thiết bị, máy móc CNTT phục vụ công tác quản lý và giảng dạy tại nhà trường. Đào tạo nâng cao trình độ về CNTT cho cán bộ, giáo viên đáp ứng yêu cầu quản lý và giảng dạy. Ứng dụng phần mềm quản lý trường học để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động chỉ đạo, thực hiện công tác quản lý và điều hành tại nhà trường. Ứng dụng phần mềm Violet 1.9 để giúp giáo viên có thêm công cụ trong việc soạn giáo án điện tử, nâng cao chất lượng bài soạn qua đó nâng cao hiệu quả giảng dạy.

Số hồ sơ lưu: NDH-001-2020

### 10302. Vật lý các chất cô đặc

81949.07-2022 Nghiên cứu chế tạo tổ hợp nano có độ xốp cao và điện dung cao sử dụng graphene và sunfua kim loại ứng dụng làm vật liệu điện cực cho siêu tụ/ PGS.TS. Nguyễn Văn Hòa, TS. Trần Ngọc Lê; TS. Trần Quang Ngọc; TS. Nguyễn Hữu Nghĩa; TS. Nguyễn Văn Tăng; TS. Nguyễn Công Minh; CN. Phạm Anh Đạt; ThS. Đào Thị Ngà - Khánh Hòa - Trường Đại học Nha Trang, 2021; 04/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp tổ hợp nano có chứa graphene và các sunfua kim loại (CoS, NiS, MnS,...), đồng thời tổng hợp aerogel có chứa graphene và 2 kim loại khác nhau (NiCo<sub>2</sub>S<sub>4</sub>, NiMn<sub>2</sub>S<sub>4</sub>, CoMn<sub>2</sub>S<sub>4</sub>). Đo đạc tính chất vật liệu thu được gồm: hình dạng, kích thước, diện tích bề mặt, độ dẫn điện, thành phần vật liệu. Tiến hành chế tạo siêu tụ: phủ các vật liệu thu được lên các điện cực khác nhau và ghép các điện cực thành một siêu tụ. Đánh giá tính chất điện hóa của các điện cực và các siêu tụ gồm: trở kháng, điện dung, vòng lặp,....

Số hồ sơ lưu: 19581

82155.07-2022 Nghiên cứu mô hình xuyên hầm qua vùng cấm và thiết kế cấu trúc các transistor hiệu ứng trường xuyên hầm/ PGS. TS. Nguyễn Đăng Chiến, PGS.TS.Lưu Thế Vinh PGS. TS. Lưu Thế Vinh; TS. Lê Văn Tùng; TS. Phan Văn Chuân; ThS. Dương Thị Thanh Hiên - Lâm Đồng -

Trường Đại học Đà Lạt, 2021; 04/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chứng minh tính đúng đắn của mẫu xuyên hầm hỗn hợp dựa trên nguyên lý đối xứng, cụ thể là đối xứng giữa các đường đặc tuyến dòng-thế của TFET loại n và p. Làm sáng tỏ sự phụ thuộc của bề dày thân linh kiện tối ưu vào EOT và hằng số điện môi của thân trong TFET lưỡng công. Cụ thể hơn, bề dày thân tối ưu sẽ được biểu diễn trên đồ thị như là một hàm của EOT và hằng số điện môi của thân linh kiện. Khảo sát toàn diện ảnh hưởng của tỷ số EOT, chiều dài kênh và loại cấu trúc linh kiện đến tham số được thiết kế tối ưu của lớp HGD để đưa ra một phương pháp cô đọng cho việc thiết kế các HGD-TFET. Thiết kế tối ưu cho học pha tạp ngang trong TFET xuyên hầm đường sử dụng vật liệu vùng cấm nhỏ InGaAs. Ngoài ra, chúng tôi cũng sẽ chứng tỏ rằng có một giới hạn trên của chiều dài chông phủ cổng-nguồn mà tại đó dòng mở đạt cực đại. Ảnh hưởng của cấu trúc lưỡng công và việc giảm kích thước điện môi tới hoạt động của linh kiện nhớ điện tĩnh (non-volatile memory) cấu trúc MOS.

Số hồ sơ lưu: 19647

82156.07-2022 Nghiên cứu cấu trúc, hình thái và thuộc tính hấp phụ của vật liệu MnOx bằng cách kết hợp các phương pháp phân tích vật lý, hóa học, và hạt nhân/ TS. Đinh Văn Phúc, ThS. Lưu Anh Tuyên; TS. Trần Duy Tập; ThS. Phan Trọng Phúc; CN. Hồ Thiên Hoàng - Hà Nội - Trường Đại học

Duy Tân, 2021; 04/2019 - 03/2021.  
(Đề tài cấp Quốc gia)

Mục tiêu ban đầu của đề tài là kết hợp các phương pháp phân tích vật lý, hóa học và hạt nhân để khảo sát thành phần, hình thái và cấu trúc với các kích thước khác nhau của một số dạng MnOx, từ đó nghiên cứu cơ chế hấp phụ một số ion kim loại của vật liệu. Trong đó, việc sử dụng phương pháp chiếu xạ bằng chùm electron để thay đổi cấu trúc, hình thái của vật liệu MnOx là một trong những nội dung nghiên cứu của đề tài. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, thiết bị chiếu xạ thường hay bị hư hỏng, dẫn đến tình trạng các mẫu không được đồng nhất về điều kiện chiếu xạ, thời gian chờ đợi khá lâu, sẽ ảnh hưởng đến kết quả cũng như tiến độ thực hiện đề tài. Do đó, tác giả đã làm đơn xin bổ sung nội dung nghiên cứu: "Phân tích hình thái, cấu trúc và thuộc tính hấp phụ ion kim loại nặng và chất màu hữu cơ của một số vật liệu như oxit sắt từ (Fe<sub>3</sub>O<sub>4</sub>), MnO<sub>2</sub>/Chitosan..." với mục tiêu tổng hợp thành công các vật liệu có khả năng hấp phụ tốt các ion kim loại nặng và chất màu hữu cơ.

Số hồ sơ lưu: 19645

### 10303. Vật lý hạt và trường

81999.07-2022 **Nghiên cứu hiệu ứng truyền năng lượng giữa các hạt nano quang/** PGS. TS. Chu Việt Hà, PGS. TS. Trần Hồng Nhung; PGS. TS. Vũ Thị Kim Liên; TS. Lê Tiến Hà; ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thái Nguyên - Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái

Nguyên, 2021; 04/2017 - 04/2020.  
(Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các cơ chế truyền năng lượng giữa các hạt nano quang và các tâm phát quang dựa trên việc khảo sát các quá trình phát quang của các hạt nano trong điều kiện truyền năng lượng cộng hưởng giữa chúng. Khảo sát ảnh hưởng của nồng độ tâm màu trong một hạt, nồng độ các hạt nano phát quang và độ chói (trường điện) của các hạt phát quang lên các thông số truyền năng lượng. Mô phỏng lý thuyết tương tác truyền năng lượng giữa các hạt nano phát quang tính tới độ lớn của trường lưỡng cực điện đỉnh xứ. Nghiên cứu sự truyền năng lượng giữa các ion đất hiếm trong nền hạt nano chấm lượng tử do khả năng ứng dụng của vật liệu này và sử dụng phát triển phương pháp chế tạo các hạt nano chấm lượng tử trong môi trường dung môi.

Số hồ sơ lưu: 19602

### 10304. Vật lý hạt nhân

82005.07-2022 **Nghiên cứu thống nhất tán xạ hạt nhân và phương trình trạng thái chất hạt nhân trên cơ sở trường trung bình hạt nhân vi mô/** GS.TS. Đào Tiến Khoa, TS. Ngô Hải Tân; TS. Đỗ Công Cương; TS. Bùi Minh Lộc; ThS. Nguyễn Hoàng Phúc; TS. Doãn Thị Loan; ThS. Lê Hoàng Chiến; ThS. Nguyễn Trí Toàn Phúc; ThS. Nguyễn Lê Anh - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2021; 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Mô tả vi mô tán xạ nucleon-hạt nhân và hạt nhân- hạt nhân tại năng lượng thấp và trung bình; Nghiên cứu phương trình trạng thái hạt nhân giàu neutron tại mật độ cao trong khuôn khổ trường trung bình Hartree-Fock mở rộng, sử dụng các phiên bản chuẩn của tương tác NN hiệu dụng phụ thuộc năng lượng và mật độ. Đây là bộ dữ liệu vô cùng quan trọng cho vật lý hạt nhân thiên văn và là nội dung nghiên cứu quan trọng thứ hai trong hướng này của nhóm đề tài.

Số hồ sơ lưu: 19599

### **10305. Vật lý plasma và chất lỏng**

80160.07-2022 **Mô hình hóa và mô phỏng hóa đa cấp độ mặt phân giới/bề mặt gồ ghề trong vật liệu composite ở cấp độ nano/** TS. Nguyễn Đình Hải, TS. Trần Anh Tuấn; TS. Lê Quang Hưng; TS. Trần Bảo Việt; ThS. Phạm Minh Giang - Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu & ứng dụng Công nghệ xây dựng, 2021; 02/2018 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển một mô hình cơ học vi mô để đánh giá các tính chất có hiệu của vật liệu nano composite đa thành phần xét tới mặt phân giới không hoàn hảo giữa pha nền và pha hạt. Mô phỏng hóa mặt phân giới gồ ghề giữa các pha thành phần và nghiên cứu ảnh hưởng của mặt phân giới gồ ghề đến tính chất có hiệu của vật liệu composite.

Số hồ sơ lưu: 18957

### **10306. Quang học**

81950.07-2022 **Nghiên cứu và tối ưu tính chất cấu trúc, quang và điện của màng bán dẫn loại p SnO<sub>2</sub> pha tạp đơn nguyên tố và đồng pha tạp hai nguyên tố: hướng đến khảo sát thử nghiệm hiệu ứng quang điện của tiếp giáp SnO<sub>2</sub> pha tạp/n-Si/** TS. Đặng Hữu Phúc, TS. Lê Trần; TS. Lục Quảng Hồ; TS. Hà Thanh Tùng; ThS. Đào Anh Tuấn - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 09/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu chế tạo màng SnO<sub>2</sub> đồng pha tạp X bằng cách sử dụng kỹ thuật phun xạ magnetron DC. Tiến hành khảo sát những ảnh hưởng của tỉ số X/N và ảnh hưởng của nhiệt độ (nhiệt độ lắng đọng, nhiệt độ ủ) lên chất lượng tinh thể của màng XNTO; Độ dẫn điện ở của màng XNTO và giải thích mối liên hệ giữa chất lượng tinh thể và tính chất điện của màng XNTO ở những tỉ số X/N khác nhau.

Số hồ sơ lưu: 19580

81974.07-2022 **Các tương tác quang kết cặp trong một số cấu trúc bán dẫn thấp chiều/** PGS.TS. Đinh Như Thảo, PGS.TS. Nguyễn Hồng Quang; TS. Trần Phan Thùy Linh; TS. Nguyễn Thị Lệ Thủy; ThS. Dương Đình Phước - Thừa Thiên - Huế - Trường đại học sư phạm, đại học Huế, 2021; 08/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát tổng quan bài toán, xây dựng lý thuyết và chương trình tính số; Nghiên cứu hiện tượng phách lượng tử của exciton trong các cấu



tróc chùm lượng tử, dây lượng tử và giếng lượng tử; Khảo sát một số hiện tượng quang kết cặp khác trong một số cấu trúc nano bán dẫn quan tâm; Giải thích được các sự kiện thực nghiệm mới đây liên quan đến các quá trình trên nếu có; Đề xuất chế tạo các linh kiện lượng tử mới dựa trên các hiện tượng quang kết cặp để áp dụng trong các lĩnh vực máy tính quang học, máy tính lượng tử, thông tin lượng tử.

Số hồ sơ lưu: 19590

### 10399. Khoa học vật lý khác

81971.07-2022 **Khối lượng và trộn lẫn Fermion trong các mô hình chuẩn mở rộng với nhóm đối xứng gián đoạn**/ PGS.TS. Võ Văn Viên, TS. Đinh Phan Khôi; CN. Nguyễn Văn Sồi - Đắc Lắc - Trường Đại học Tây Nguyên, 2021; 08/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu và kết hợp thành công 10 nhóm đối xứng gián đoạn không giao hoán, gồm S3, S4, A4, D4, D5, O4, Q6, T', A(27) và  $\Sigma(18)$  với Mô hình chuẩn, Mô hình chuẩn mở rộng với các nhóm đối xứng U(1)X, U(1)B-L và mô hình 3-3-1 để giải thích thành công các vấn đề sôi động của vật lý đó là dạng ma trận trộn neutrino có tính đến pha vi phạm CP và dạng ma trận trộn quark phù hợp với dữ liệu thực nghiệm gần đây nhất. Các kết quả nghiên cứu này là hoàn toàn mới, có giá trị khoa học và thực tiễn trong việc giải thích các kết quả thực nghiệm liên quan đến khối lượng và pha trộn fermion (lepton, quark), sự vi phạm CP trong phần lepton, tinh nhỏ bé về khối lượng neutrino và sự

phân bậc khối lượng fermion. - Kết quả nghiên cứu có thể được ứng dụng để bổ sung cơ sở dữ liệu, cơ sở lý luận về lý thuyết nhóm, vật lý neutrino, vật lý năng lượng cao, góp phần nâng cao hiểu biết về vật lý mới; Kết quả đề tài có thể dùng để giảng dạy các học phần thuộc chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ và tiến sỹ chuyên ngành Vật lý lý thuyết và vật lý toán; làm cơ sở cho việc khai thác và sử dụng nguồn tài liệu, góp phần hiểu biết đúng về thế giới vật chất.

Số hồ sơ lưu: 19591

82164.07-2022 **Tối ưu và chế tạo siêu vật liệu (Metamaterial) kích thước siêu nhỏ, hoạt động trong vùng tần số LTE/Bluetooth/WiMAX với góc tới rộng**/ TS. Bùi Xuân Khuyến, TS. Nguyễn Thị Hiền; TS. Bùi Sơn Tùng; PGS. TS. Vũ Đình Lãm; TS. Vũ Thị Hồng Hạnh - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2021; 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu vai trò các loại vật liệu điện môi (kim loại) và các thiết bị điện tử ngoại vi ứng dụng trong tiêu hình hóa kích thước của các vật liệu Meta truyền thống và tìm ra quy trình công nghệ chế tạo phù hợp cho loại vật liệu này trong vùng tần số 0.7-6.0 GHz. Nghiên cứu các cơ chế tạo ra vật liệu Meta kích thước siêu nhỏ hoạt động đơn hoặc đa dải tần. Khảo sát ảnh hưởng của các tham số cấu trúc và vật liệu lên tính chất của vật liệu Meta siêu nhỏ hoạt động đơn hoặc đa dải tần. Tối ưu sự hoạt động của vật liệu Meta siêu nhỏ hoạt động đơn hoặc đa dải tần dưới góc tới

rộng của sóng điện từ (có thể đạt tới  $30^\circ$  hoặc  $50^\circ$ ). Nghiên cứu mở rộng vùng tần số hoạt động vật liệu Meta siêu nhỏ hoạt động ổn định dưới góc tới lớn (có thể đạt tới  $30^\circ$  hoặc  $50^\circ$ ). Bố trí và xây dựng quy trình công nghệ chế tạo để hiện thực hóa vật liệu Meta kích thước nhỏ và hoạt động dưới góc tới rộng của sóng điện từ (có thể đạt tới  $30^\circ$  hoặc  $50^\circ$ ). Kiểm chứng và hiện thực hóa các vật liệu Meta siêu nhỏ trong thực tế thông qua các phép đo phản xạ và truyền qua.

Số hồ sơ lưu: 19650

### 10403. Hoá lý

82020.07-2022 Nghiên cứu hiệu ứng từ nhiệt lớn và các tham số tới hạn trên hệ hợp kim ngụy nhanh nền Fe-Zr/ TS. Nguyễn Hải Yến, GS. TS. Nguyễn Huy Dân; PGS. TS. Trần Đăng Thành; TS. Nguyễn Hữu Đức; ThS. Nguyễn Thị Mai; ThS. Đinh Chí Linh; ThS. Nguyễn Hoàng Hà - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2021; 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu hiệu ứng từ nhiệt và các tham số tới hạn trên hệ hợp kim ngụy nhanh nền Fe-Zr nhằm nâng cao khả năng ứng dụng trong công nghệ làm lạnh bằng từ trường và làm sáng tỏ mối liên hệ giữa cấu trúc, tính chất từ, các trật tự từ của vật liệu. Chế tạo được các băng hợp kim VĐH nền Fe-Zr đủ độ dày và đánh giá được khả năng ứng dụng thực tế của chúng trong công nghệ làm lạnh bằng từ trường. Đánh giá khả năng ứng dụng của vật liệu trong lĩnh vực làm lạnh bằng từ trường. Xây dựng mối tương quan giữa các tham số tới

hạn và MCE. Từ đó đánh giá được MCE của vật liệu trong các vùng từ trường khác nhau.

Số hồ sơ lưu: 19601

### 10404. Hoá học cao phân tử (polyme)

82046.07-2022 Nghiên cứu, chế tạo laser ngẫu nhiên kích thước micromet dựa trên vật liệu polymer và định hướng ứng dụng cho cảm biến hóa học/ TS. Tạ Văn Dương, PGS. TS. Lê Hoàng Hải; TS. Dương Chí Dũng; TS. Phạm Văn Thìn; TS. Nguyễn Xuân Thấu - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2021; 08/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo thành công cấu trúc xấp xỉ dạng vi cầu, vi sợi từ vật liệu polymer. Cấu trúc này phải tương thích tốt với hoạt chất laser như là chất màu và chất lượng tử. Thu được cấu trúc xấp xỉ có thể phát laser ngẫu nhiên. Cấu trúc xấp xỉ sẽ được khảo sát hình thái bề mặt bằng kính hiển vi điện tử quét và cấu trúc thu được phải đảm bảo giúp tăng cường tán xạ ở vùng bước sóng ánh sáng mong muốn, giúp ích cho việc tạo thành laser ngẫu nhiên. Độ mạnh của tán xạ có thể đo bằng phương pháp quang và được hỗ trợ bằng các tính toán mô phỏng. Thu được phát xạ huỳnh quang và phát xạ laser từ cấu trúc xấp xỉ hình vi cầu, vi sợi bằng bơm quang học. Nghiên cứu các tính chất của laser qua đó giúp tối ưu hoá phương pháp chế tạo đồng thời đóng góp những kiến thức khoa học mới về sự tán xạ của ánh sáng trong môi trường xấp xỉ kích thước nhỏ. Minh họa được hiệu ứng cảm ứng nồng độ

pH dựa trên laser so với cảm biến huỳnh quang.

Số hồ sơ lưu: 19617

**10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân)**

79765.07-2022 Nghiên cứu chế tạo điện cực vàng nano có cấu trúc xếp ba chiều hình cây nhằm phát hiện đồng thời các kim loại Hg, As, Pb và Cu trong môi trường nước/ PGS. TS. Vũ Thị Thu Hà, ThS. Phạm Thị Hải Yến; TS. Nguyễn Thị Tuyết Mai; ThS. Nguyễn Hoàng Anh; CN. Vũ Phúc Hoàng; ThS. Nguyễn Quỳnh Giao - Hà Nội - Viện Hóa Học, 2021; 04/2017 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các phương pháp tổng hợp và ảnh hưởng của môi trường điện ly đến khả năng chế tạo vật liệu vàng nano cấu trúc xếp, hình dạng cây, đơn cấu tử và đa cấu tử. Đánh giá hình thái học của vật liệu vàng nano xếp MOF, chế tạo được, ảnh hưởng của cấu trúc, kích thước vật liệu đến tín hiệu điện hóa trong các môi trường điện ly khác nhau. Nghiên cứu khả năng phát hiện riêng rẽ và phát hiện đồng thời các kim loại nặng trong môi trường nước trên bề mặt điện cực đã được biến tính bằng vật liệu vàng nano cấu trúc xếp/MOF nêu trên.

Số hồ sơ lưu: 18776

81951.07-2022 Chế tạo, khảo sát tính chất của các cấu trúc  $\text{NaYF}_4:(\text{Yb},\text{Tm})@A\text{Ox}/A\text{Ox}$  thành nano/hạt nano (Au, Ag, CuO) với định hướng ứng dụng trong xúc tác quang học hoặc chế

tạo pin mặt trời hữu cơ/ TS. Nguyễn Đình Lãm, GS.TS. Nguyễn Năng Định; TS. Bùi Đình Tú; TS. Nguyễn Thị Minh Hồng; TS. Trịnh Đức Thiện; ThS. Nguyễn Thị Dung; ThS. Nguyễn Thanh Tùng - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ, 2021; 09/2019 - 07/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo và khảo sát sự ảnh hưởng của nồng độ tạp chất Yb, Tm lên cường độ và vị trí đỉnh phát quang trong vùng ánh sáng tử ngoại và khả kiến của vật liệu nano  $\text{NaYF}_4:(\text{Yb},\text{Tm})$ . Đồng thời, chế tạo và khảo sát các đặc trưng lý hóa của cấu trúc màng tổ hợp  $\text{NaYF}_4:(\text{Yb},\text{Tm})@A\text{Ox}/A\text{Ox}$  thành nano/hạt nano (Au, Ag, CuO). Trong nghiên cứu này, thành phần AOx được xác định là vật liệu ZnO và  $\text{TiO}_2$ ; hạt nano kim loại được sử dụng là Au và Ag; vật liệu bán dẫn là CuO. Hạt nano kim loại và vật liệu bán dẫn được sử dụng riêng rẽ trong mỗi cấu trúc. Khảo sát sự ảnh hưởng của các thông số trong các cấu trúc  $\text{NaYF}_4:(\text{Yb},\text{Tm})@A\text{Ox}/A\text{Ox}$  thành nano/hạt nano (Au, Ag, CuO) lên khả năng phân hủy hợp chất hữu cơ và tiến hành thử nghiệm chế tạo pin mặt trời dựa trên cấu trúc  $\text{NaYF}_4:(\text{Yb},\text{Tm})@A\text{Ox}/A\text{Ox}$  thành nano.

Số hồ sơ lưu: 19583

**10501. Địa chất học**

82077.07-2022 Nghiên cứu hoạt động magma Neogen-Đệ Tứ khu vực Tây Nam trung sâu Biển Đông và kế cận làm tiền đề tìm kiếm khoáng sản rắn/ PGS. TS.

Nguyễn Hoàng, PGS. TS. Trần Trọng Hoà; PGS. TS. Trần Tuấn Anh; PGS. TS. Phạm Tích Xuân; TS. Cung Thượng Chí; TS. Phạm Thị Dung; TS. Phạm Ngọc Cẩn; TS. Bùi Việt Dũng; ThS. Lê Đức Lương; ThS. Trần Thị Hương - Hà Nội - Viện Địa Chất, 2020 - 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích các đặc điểm địa hình, địa mạo, cấu trúc sâu, cấu trúc kiến tạo, tiến hóa địa chất và magma khu vực Tây Nam trũng sâu Biển Đông và kế cận trên cơ sở tổng hợp tài liệu đã có. Làm sáng tỏ quy luật phân bố, nguồn gốc, điều kiện thành tạo magma Neogene – Đệ Tứ trong mối liên quan với lịch sử hình thành và tiến hoá Biển Đông. Xác định được các tiêu chí đánh giá khu vực triển vọng khoáng sản rắn liên quan tới hoạt động magma Neogene – Đệ Tứ khu vực Tây Nam trũng sâu Biển Đông và kế cận.

Số hồ sơ lưu: 19629

82173.07-2022 **Nghiên cứu đánh giá các tai biến địa chất và môi trường nghiêm trọng trong khai thác, chế biến một số khoáng sản chính ở Việt Nam; đề xuất các giải pháp giảm thiểu thiệt hại và phòng chống tai biến/** PGS. TS. Nguyễn Văn Hoàng, PGS. TS. Phạm Tích Xuân; PGS. TS. Nguyễn Việt Tình; TS. Nguyễn Văn Lợi; ThS. Phạm Huy Dũng; TS. Nguyễn Văn Phóng; TS. Trần Việt Anh; ThS. Lê Quang Đạo; TS. Hà Ngọc Anh; PGS. TS. Hoàng Việt Hùng; TS. Nguyễn Quốc Thành; TS. Nguyễn Văn Hùng; TS. Phan Lưu Anh; ThS. Hoàng Quang Vinh; ThS. Nguyễn

Việt Tiến - Hà Nội - Viện Địa Chất, 2021; 07/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu xác định hiện trạng tai biến địa chất và môi trường nghiêm trọng các khu vực khai thác chế biến khoáng sản và công nghệ khai thác và bãi thải ...; Vai trò của đặc điểm địa chất, kiến tạo, phong hoá, địa mạo ... các khu vực khai thác, chế biến khoáng sản chính được lựa chọn (phục vụ dự báo nguy cơ xảy ra các tai biến địa chất); Nghiên cứu đánh giá quan hệ giữa điều kiện khí tượng thủy văn và quá trình hình thành các tai biến địa chất và môi trường nghiêm trọng các khu vực khai thác, chế biến khoáng sản được lựa chọn; - Điều kiện địa kỹ thuật các khu vực khai thác, chế biến khoáng sản được lựa chọn nghiên cứu (phục vụ dự báo nguy cơ xảy ra các tai biến địa chất); Nghiên cứu đặc điểm địa hoá, thủy địa hoá và ô nhiễm môi trường đất và nước nghiêm trọng tại các khu vực khai thác, chế biến khoáng sản được lựa chọn nghiên cứu; Nghiên cứu điều kiện thủy địa cơ và mối liên quan đến hình thành và phát triển các tai biến địa chất (phục vụ dự báo nguy cơ xảy ra các tai biến địa chất); Dự báo nguy cơ các tai biến địa chất và môi trường nghiêm trọng các khu vực khai thác, chế biến khoáng sản được lựa chọn; Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá rủi ro do các tai biến địa chất và môi trường và xây dựng 01 mô hình đánh giá rủi ro do các tai biến địa chất và môi trường cho một trong các khu vực khai thác chế biến khoáng sản được lựa chọn; Nghiên cứu đề xuất các giải pháp phòng

chống và giảm thiểu thiệt hại do các tai biến địa chất môi trường nghiêm trọng tại các khu vực khai thác, chế biến khoáng sản được lựa chọn.

Số hồ sơ lưu: 19656

### **10508. Trắc địa học và bản đồ học**

82023.07-2022 **Xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm vệt Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa/ KS.** Nguyễn Văn Dũng, Vũ Đình Hào; Hà Thanh Nhân; Lê Thị Thúy; Hà Nam Khánh; Nguyễn Văn Đạo; Hoàng Trọng Quý; Phạm Đức Thụ; Hà Thị Thu Hương; Lê Thị Hà - Thanh Hóa - UBND huyện Bá Thước, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết lập được cơ chế bảo hộ và quản lý chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm vệt Cổ Lũng, huyện Bá Thước nhằm nâng cao danh tiếng, uy tín, chất lượng và tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm vệt trên thị trường; góp phần giải quyết công ăn việc làm, nâng cao đời sống và tăng thu nhập cho các hộ sản xuất, kinh doanh vệt và các sản phẩm từ vệt trên địa bàn huyện Bá Thước nói riêng và tỉnh Thanh Hóa nói chung. Xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm vệt Cổ Lũng ở 2 sản phẩm vệt sống và vệt đã giết mổ của huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa đảm bảo cơ sở khoa học và thực tiễn; Thiết lập và vận hành hệ thống tổ chức, công cụ phục vụ công tác quản lý và khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý; Xây dựng được cơ sở pháp lý, khoa học và triển khai bước đầu hoạt động kiểm soát nguồn gốc, chất lượng sản phẩm vệt Cổ Lũng mang chỉ dẫn địa

lý khi tiêu thụ trên thị trường được kiểm soát, quản lý chất lượng chặt chẽ.

Số hồ sơ lưu: 19613

82209.07-2022 **Nghiên cứu xây dựng WEBGIS thông tin dữ liệu bản đồ chất lượng đất nông nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc/ KS.** Âu Thị Kim Phượng, - Vĩnh Phúc - Trung tâm kiểm nghiệm, chứng nhận chất lượng đất và vật tư nông nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xây dựng được trang WebGIS thể hiện các lớp dữ liệu thông tin về các chỉ tiêu thổ nhưỡng cho từng loại đất của 9 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh. Trang web có giao diện đơn giản, dễ sử dụng cho từng huyện trong toàn tỉnh. Thu thập số liệu, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, thông tin về các chỉ tiêu dinh dưỡng trên bản đồ đất của tất cả 9 huyện, thị xã và thành phố trên địa bàn tỉnh. Điều tra bổ sung, lấy mẫu đất phân tích, đánh giá các chỉ tiêu chủ yếu cấu thành độ phì nhiêu thực tế của đất: pH,  $oc\%$ ,  $N\%$ ,  $P_2O_5\%$ ,  $K_2O\%$ ,  $P_2O$  dễ tiêu,  $K_2O$  dễ tiêu, thành phần cấp hạt của một số loại đất chính đặc trưng cho các vùng trong tỉnh, số lượng mẫu phân tích: 50 mẫu. Thiết kế mô hình cơ sở dữ liệu: Bao gồm các trường dữ liệu: Tên xã, mã loại đất, đơn vị đất, các chỉ tiêu thổ nhưỡng: pH,  $oc\%$ ,  $N\%$ ,  $P_2O_5\%$ ,  $K_2O\%$ ,  $P_2O_5$  dễ tiêu,  $K_2O$  dễ tiêu, thành phần cấp hạt: % Cát, % Limon, % Sét và các trường dữ liệu cho trang quản trị: Tên, mật khẩu. Tạo lập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu: Nhập số liệu phân tích và mã loại

đất, đơn vị đất từ kết quả phân tích theo dõi diễn biến dinh dưỡng đất, số liệu điều tra bổ sung.

Số hồ sơ lưu: VPC-004-2020

82255.07-2022 **Nghiên cứu, xây dựng công cụ đánh giá chất lượng phổ của sản phẩm viễn thám quang học độ phân giải cao và siêu cao bằng mô hình toán học phục vụ công tác kiểm tra và nghiệm thu sản phẩm/** ThS. Đặng Trường Giang, ThS. Vũ Thị Tương; TS. Lê Quốc Hưng; ThS. Lê Minh Thành; ThS. Lưu Thị Phương Mai; ThS. Lê Thị Hương Hà; ThS. Nguyễn Thị Mai Yên; CN. Lê Thị Huệ Lâm; KS. Lê Trung Thông; ThS. Ngô Duy Tân - Hà Nội - Đài Viễn thám Trung ương, 2021; 06/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tăng cường năng lực đánh giá chất lượng ảnh vệ tinh quang học độ phân giải cao và siêu cao. Đề xuất quy trình công nghệ đánh giá chất lượng phổ ảnh viễn thám quang học độ phân giải cao và siêu cao. Phương pháp đánh giá chất lượng ảnh bằng mô hình toán học chưa được nghiên cứu sâu rộng ở nước ta đặc biệt là trong lĩnh vực viễn thám. Các mô hình mô phỏng hay lượng hóa chất lượng ảnh bằng hàm toán học lần đầu được nghiên cứu ở nước ta. Hiện tại ở nước ta, đánh giá chất lượng ảnh được thực hiện phương pháp chuyên gia do vậy, đánh giá chất lượng ảnh tự động bằng hàm toán học sẽ khách quan, giảm thiểu các rủi ro do thực hiện bằng cảm quan của chuyên gia. Mô hình được nghiên cứu áp dụng trên cơ sở điều kiện thực tiễn của Việt Nam, các

phương pháp đã được nghiên cứu trên thế giới sẽ được áp dụng linh hoạt và sáng tạo.

Số hồ sơ lưu: 19670

### **10509. Các khoa học môi trường**

81741.07-2022 **Thiết lập bản đồ lan truyền ô nhiễm đối với nguồn nước trên địa bàn thành phố/** PGS. TS Phạm Ngọc, - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Quốc tế, 2020 - 10/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Thu thập, tổng hợp các tài liệu sẵn có trong và ngoài nước phục vụ nghiên cứu. Nghiên cứu, điều tra đánh giá hiện trạng, diễn biến và nhận diện nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nước chi tiết trên sông chính và các tiểu lưu vực thoát nước thuộc TP. Hồ Chí Minh. Xây dựng bộ công cụ mô hình phục vụ các nội dung tính toán cho đề tài. Mô phỏng, lập bản đồ lan truyền ô nhiễm và đánh giá rủi ro tương ứng với một số kịch bản phục vụ công tác quản lý bền vững tài nguyên nước mặt cho toàn thành phố. Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp kỹ thuật nhằm quản lý rủi ro ô nhiễm, giảm thiểu và khắc phục các sự cố/tai biến môi trường gây ra ô nhiễm nguồn nước cho TP. Hồ Chí Minh. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao phục vụ công tác giám sát và quản lý chất lượng môi trường nước mặt cho TP. Hồ Chí Minh trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: HCM-024-2021

**10510. Khí tượng học và các khoa học khí quyển**

82202.07-2022 Nghiên cứu tính toán hàm lượng phát thải các bon sử dụng tư liệu viễn thám phục vụ việc kiểm kê khí nhà kính. Thực nghiệm ảnh VNREDSat-1 và các nguồn ảnh hiện có tại Việt Nam/ TS. Lê Quốc Hưng, TS. Lê Quốc Hưng; ThS. Vũ Thị Tuyết; ThS. Vũ Thị Phương Thảo; ThS. Nguyễn Ngọc Quang; ThS. Trương Thị Tuyết; ThS. Nguyễn Dương Anh; ThS. Hoàng Thị Bình; KS. Đặng Thu Trà; ThS. Nguyễn Ngọc Nam; TS. Lưu Thế Anh - Hà Nội - Trung tâm Thông tin và Dữ liệu viễn thám, 2021; 11/2017 - 01/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được quy trình công nghệ tính toán và quy định kỹ thuật bộ dữ liệu dùng tính toán hàm lượng phát thải các bon theo tiêu chuẩn của Ủy ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC) sử dụng tư liệu viễn thám phục vụ kiểm kê khí nhà kính. Đánh giá khả năng ứng dụng tư liệu ảnh VNREDSat-1 cho mục tiêu nêu trên. Đưa ra tổng quan về phát thải KNK và các văn bản quy định kiểm kê KNK phục vụ định hướng nghiên cứu; Đưa ra cơ sở khoa học của công nghệ viễn thám trong việc xây dựng dữ liệu tính toán phát thải các bon; Đã phân tích làm sáng tỏ hệ thống phân loại lớp phủ mặt đất bằng dữ liệu ảnh viễn thám, đánh giá khả năng phù hợp cho tính toán phát thải các bon; Đề xuất, xây dựng các quy định kỹ thuật của bộ dữ liệu phục vụ tính toán phát thải các bon sử dụng tư liệu viễn thám;.

Số hồ sơ lưu: 19660

**10609. Di truyền học**

82161.07-2022 Nghiên cứu phát triển, sử dụng và bảo tồn bền vững 05 loài Lan (*Dendrobium nobile*, *Dendrobium trankimianum*, *Paphiopedilum villosum*, *Phaius baolocensis* và *Phaius tankervilleae*) đặc hữu, quý hiếm và có giá trị kinh tế cao, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại Lâm Đồng - Tây Nguyên/ TS. Nông Văn Duy, ThS. Nguyễn Thị Thanh Hằng; ThS. H' Yon Niê Bing; ThS. Vũ Kim Công; ThS. Quách Văn Hợi; ThS. Đặng Thị Thắm; ThS. Trần Thái Vinh; TS. Trần Văn Tiến; ThS. Lê Ngọc Triệu; ThS. Đinh Văn Khiêm; ThS. Lê Văn Sơn; ThS. Ngô Tuấn Cường; CN. Vũ Đình Cường; ThS. Nguyễn Thị Phụng Hoàng - Lâm Đồng - Viện Nghiên cứu khoa học Tây Nguyên, 2021; 07/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra hiện trạng địa điểm xây dựng mô hình; thu thập, khảo sát một số đặc điểm sinh thái học của 05 loài Lan (*Dendrobium nobile*, *Dendrobium trankimianum*, *Paphiopedilum villosum*, *Phaius baolocensis* và *Phaius tankervilleae*). Nghiên cứu các biện pháp nhân giống 05 loài Lan (*Dendrobium nobile*, *Dendrobium trankimianum*, *Paphiopedilum villosum*, *Phaius baolocensis* và *Phaius tankervilleae*). Nghiên cứu quy trình kỹ thuật chăm sóc cây con sau ươm nghiệm và các biện pháp kỹ thuật chăm sóc cây trưởng thành về khả năng thích nghi với điều kiện bán hoang dã, dưới tán rừng tự

nhiên. Đề xuất mô hình trồng lan bán hoang dã.

Số hồ sơ lưu: 19651

### 10611. Thực vật học

82256.07-2022 **Nghiên cứu trồng và chế biến cây Giảo cổ lam (*Gynostemma pubescens*) tại tỉnh Bắc Kạn/ GS.TS. Đặng Kim Vui, GS.TS. Đặng Kim Vui; TS. Phạm Hồng Hải; ThS. Trần Thị Hà Phương; ThS. Hoàng Tuấn Anh; TS. Nguyễn Công Hoan; TS. Đỗ Hoàng Chung; ThS. Nguyễn Văn Mạnh; ThS. Phạm Thị Diệu; ThS. Đào Hồng Thuận; ThS. Trịnh Quang Huy - Viện kinh tế - Y tế & các vấn đề xã hội-Đại học Thái Nguyên. - Viện kinh tế - Y tế & các vấn đề xã hội., 2018; 07/2015 - 12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Trồng 1,5ha mô hình trình tại 3 địa điểm nghiên cứu với mật độ 250.000 cây/ha, tỷ lệ cây sống trung bình đạt trên 90%, cây sinh trưởng phát triển tốt, không sâu bệnh. Hoàn thiện 01 hồ sơ cây Giảo cổ lam Bắc Kạn. Hoàn thiện 01 quy trình trồng và chăm sóc, thu hái cây Giảo cổ lam 7 lá. Hoàn thiện 01 bộ tài liệu hướng dẫn cho nông dân về kỹ thuật trồng và chế biến cây Giảo cổ lam 7 lá tỉnh Bắc Kạn. Đã đăng ký bảo hộ giống cây trồng cho loài Giảo cổ lam 7 lá tại Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Sản xuất được 4 loại sản phẩm (Trà túi lọc cao cấp; Trà túi lọc thường; Trà hút chân không; Vị thuốc Giảo cổ lam) có nguồn gốc từ cây Giảo cổ lam 7 lá tại Bắc Kạn. Tổ chức tập huấn thành công Quản lý nhà nước về dược liệu và đào tạo về trồng, thu

hái, chế biến cây Giảo cổ lam tại 3 huyện Chợ Đồn, Ba Bể, Pác Nặm.

Số hồ sơ lưu: 04/Quyển số 01-STD-QLCNCN

### 10614. Sinh thái học

82044.07-2022 **Nghiên cứu, xây dựng cơ sở khoa học cho mô hình quản lý tổng hợp hệ sinh thái núi nam Trường Sơn nhằm bảo tồn và khai thác bền vững/ PGS. TS. Nguyễn Văn Sinh, TS. Hà Quý Quỳnh; PGS. TS. Nguyễn Quảng Trường; TS. Lê Hùng Anh; TS. Nguyễn Thế Cường; ThS. Đặng Huy Phương; ThS. Dương Thị Hoàn; TS. Trịnh Quang Pháp, TS. Phạm Thị Nhi; TS. Bùi Văn Thanh; TS. Nguyễn Tiên Phương; TS. Trần Thị Hồng Hạnh; TS. Đỗ Văn Hải; ThS. Trần Anh Tuấn; ThS. Lê Minh Hạnh; ThS. Chu Thị Hằng - Hà Nội - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, 2021; 07/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Có cơ sở khoa học sinh học và địa lý-sinh thái các cảnh quan núi khu vực nam Trường Sơn phục vụ quản lý và khai thác bền vững. Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu địa lý-sinh thái các hệ sinh thái núi (Ngọc Linh, Chư Mom Ray, Kon Ka Kinh, Chư Yang Sin, Bidoup - Núi Bà) khu vực Tây Nguyên đủ tiêu chuẩn xây dựng mô hình quản lý và khai thác bền vững. Xây dựng mô hình kết hợp nông lâm nghiệp, kinh tế xanh, kinh tế sinh thái, du lịch sinh thái và an ninh quốc phòng bền vững.

Số hồ sơ lưu: 19616

82332.07-2022 **Hiện trạng đặc điểm phân bố động vật đáy và**



**trầm tích trong thủy vực sông Hậu (đoạn qua Thị trấn Mái Dầm), huyện Châu Thành – Tỉnh Hậu Giang/ PGS. TS Nguyễn Văn Công, TS. Trần Sỹ Nam; ThS. Huỳnh Văn Thảo; ThS. Dương Trí Dũng; ThS. Huỳnh Công Khánh; ThS. Nguyễn Thị Thùy; ThS. Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Hậu Giang - Trường Đại Học Cần Thơ, 2020 - 01/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định hiện trạng đặc điểm chất lượng nước, trầm tích và phân bố động vật đáy trong thủy vực sông Hậu (đoạn qua Thị trấn Mái Dầm), huyện Châu Thành – Tỉnh Hậu Giang. Kết quả thu mẫu hàng tháng trong vòng một năm cho thấy chất lượng nước mặt luôn biến động qua các thời điểm quan trắc, nhưng chưa phát hiện những ô nhiễm bất thường. Kết quả nghiên cứu chất lượng môi trường nước cho thấy giá trị các thông số biến động theo thời gian và không gian. Đối với trầm tích, kết quả phân tích cho thấy các thông số môi trường của trầm tích đều nằm trong giới hạn cho phép. Đối với mẫu động vật đáy, nghiên cứu đã phát hiện được 3 nhóm gồm *Annelida*, *Arthropoda* và *Mollusca* trong vùng nghiên cứu. Kết quả đề tài là thông tin nền quan trọng để đánh giá diễn biến chất lượng môi trường trong sự phát triển các hoạt động công nghiệp và kinh tế xã hội khác trong vùng nghiên cứu. Cần tiếp tục theo dõi diễn biến thông số  $Fe_{\text{tổng}}$ , phenol và đi sâu tìm hiểu nguồn phát sinh 2 thông số này. Lắp đặt trạm quan trắc liên tục nước mặt tại khu công nghiệp Sông Hậu nhằm

giám sát chặt chẽ tình hình diễn biến chất lượng môi trường nước mặt để dự báo, cảnh báo ô nhiễm kịp thời, phục vụ tốt cho việc khai thác và sử dụng nước mặt của địa phương.

Số hồ sơ lưu: HGI-2020-006

### **10616. Công nghệ sinh học**

81686.07-2022 **Nghiên cứu tạo vi nhũ tương (chitosan - dầu neem - dầu vỏ hạt điều) sử dụng phòng chống mọt gạo (*Sitophilus oryzae*)/ TS. Nguyễn Thị Như Quỳnh, ThS. Lê Thị Vân Anh; PGS. TS Nguyễn Tiến Thắng; CN. Nguyễn Khắc Mạnh; TS. Nguyễn Hữu Hùng; ThS. Nguyễn Thị Thúy; Nguyễn Trần Minh Sang; ThS. Nguyễn Quốc Bảo - TP. Hồ Chí Minh - Viện sinh học Nhiệt đới, 2020 - 11/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Tiêu chuẩn hóa nguồn nguyên liệu. Thu mẫu, phân tích định lượng, đánh giá, lựa chọn nguồn nguyên liệu dầu vỏ hạt điều ở ba nhà máy Hùng Lộc, Tín Nghĩa Hưng, và Cát Lợi thuộc tỉnh Đồng Nai. Nghiên cứu quy trình tạo dung dịch vi nhũ chitosan-neem. Thử nghiệm đánh giá diệt mọt gạo (*Sitophilus oryzae*) quy mô phòng thí nghiệm và thử nghiệm trong kho chứa nhỏ. Đánh giá độc tính của chế phẩm chitosan-neem dạng lỏng và dạng viên nén xông hơi.

Số hồ sơ lưu: HCM-021-2021

### **2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ**

82376.07-2022 **Khảo sát, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp triển khai, áp dụng, quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm hàng hóa được sản**

**xuất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình/** CN. Nguyễn Xuân Song, Nguyễn Xuân Song; Trần Thành Long; Nguyễn Diên An; Trương Tấn Hùng; Nguyễn Phương Thảo - Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Bình - Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Bình, 2021; 09/2020 - 08/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nâng cao nhận thức của xã hội, các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp về truy xuất nguồn gốc thông qua việc đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, đào tạo cho các bên liên quan. Đánh giá thực trạng về tình hình áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc tại một số cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Xây dựng áp dụng truy xuất nguồn gốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh cho một số sản phẩm và đề xuất các giải pháp triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Số hồ sơ lưu: 04/2021-QLKH-CN- CS

### **20102. Kỹ thuật xây dựng**

82154.07-2022 **Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ sản xuất gạch không nung xi măng cốt liệu từ nguyên liệu sẵn có tại tỉnh An Giang/** KS. Lư Minh Sĩ, Trần Văn Đâu; KS. Nguyễn Quốc Hiệu; KS. Nguyễn Đặng Trần Châu; CN. Nguyễn Ngọc Thảo; Huỳnh Chí Hải; Lê Thị Bích Chi - An Giang - Công ty TNHH Tân Kỳ, 2021; 09/2018 - 01/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ tiên tiến (ép rung) sản

xuất gạch không nung cốt liệu chất lượng cao từ nguyên liệu sẵn có tại địa phương nhằm thay thế gạch nung góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm sử dụng tài nguyên đất sét, than. Tiếp nhận, làm chủ các quy trình công nghệ sản xuất (ép rung) gạch không nung xi măng cốt liệu và vật liệu có sẵn (cát, đá mịn, phế thải xây dựng,...) tại tỉnh An Giang. Xây dựng 01 mô hình sản xuất gạch không nung cốt liệu chất lượng cao từ nguyên liệu có sẵn tại địa phương (cát, đá mịn, phế thải xây dựng...) với công suất 30 triệu viên/năm (quy đổi về gạch 45x90x190 mm hoặc tương đương), đạt tiêu chuẩn TCVN 6477:2016.

Số hồ sơ lưu: 19648

### **20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị**

81808.07-2022 **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và triển khai lắp đặt thiết bị quan trắc ngập tại các điểm thường xuyên ngập nặng thuộc đô thị sáng tạo kết nối công nghệ đô thị thông minh Thành phố Hồ Chí Minh/** KS. Nguyễn Tuấn Khoa, ThS. Vũ Lê Thành Long; TS. Trịnh Xuân Thắng; KS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Đào Thanh Mai; ThS. Trương Hữu Lý; ThS. Trịnh Việt Quang; ThS. Hoàng Kim Thông; TS. Phan Anh Tuấn; ThS Nguyễn Việt Hưng; ThS. Đỗ Tấn Long; KS Võ Minh Tạo; ThS Nguyễn Phi Hùng; ThS Nguyễn Hữu Nhật - Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm nghiên cứu triển khai khu công nghệ cao, 2020 - 12/2018 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, phân tích và đánh giá tổng quan tình hình về ngập lụt đô thị tại TP Hồ Chí Minh từ đó phân tích, đánh giá lựa chọn 04 vị trí triển khai và lắp đặt. Phân tích lựa chọn giải pháp kỹ thuật phù hợp cho thiết bị quan trắc ngập đô thị phù hợp với điều kiện thời tiết, khí hậu, hạ tầng và kinh tế ở Thành phố Hồ Chí Minh. Đo sử dụng cảm biến áp suất PS50\_SHTPLABS là đo áp suất chênh lệch giữa áp suất trong ống silicon (1 đầu gắn vào ống inox đầu còn lại gắn vào chip cảm biến áp suất) với áp suất khí quyển. Cung cấp dữ liệu cho Đài khí tượng thủy văn Khu vực Nam Bộ và Trung tâm hạ tầng kỹ thuật để đánh giá số liệu thu thập từ thiết bị.

Số hồ sơ lưu: HCM-034-2021

#### **20104. Kỹ thuật giao thông vận tải**

82216.07-2022 **Xây dựng cơ sở dữ liệu lớn và phát triển các mô hình học máy kết hợp với các kỹ thuật tối ưu hóa trong việc dự báo các tham số sức chống cắt của đất phục vụ xây dựng công trình giao thông/** TS. Phạm Thái Bình, TS. Nguyễn Trung Kiên; PGS. TS. Đào Văn Đông; PGS. TS. Nguyễn Đức Mạnh; TS. Ngô Quốc Trinh; TS. Trần Trung Hiếu; TS. Lê Hoàng Anh; TS. Hoàng Vũ; ThS. Lê Văn Hiệp; ThS. Bùi Thị Quỳnh Anh - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2021; 11/2019 - 07/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu dự báo các tham số sức chống cắt của đất sử dụng các mô hình trí tuệ nhân tạo và các thuật toán tối ưu hóa; Bước đầu xây dựng cơ sở dữ liệu lớn về tham số sức

chống cắt của đất, mà cụ thể là cường độ lực dính (c) và góc ma sát trong của đất sử dụng trong xây dựng đường giao thông; Xây dựng và đánh giá độ chính xác các thuật toán trí tuệ nhân tạo kết hợp với tối ưu hóa cho dự báo các tham số sức chống cắt của đất nền đường; Xây dựng dự thảo quy trình áp dụng các thuật toán trí tuệ nhân tạo trong dự báo tham số sức chống cắt của đất nền đường.

Số hồ sơ lưu: 19664

82251.07-2022 **Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ gia cố móng bằng chất liên kết thủy hóa vô cơ (HRB) trong xây dựng đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn/** Ths. Đinh Quang Tuyên, Đinh Quang Tuyên; Long Văn Thắng; Nguyễn Văn Tuệ; Trần Hiếu Chung; Hà Thị Như; Lưu Thị Nga; Đinh Thị Liễu - Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn - Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn, 2016; 01/2015 - 05/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Thu thập số liệu, đánh giá tình hình, thực trạng của hệ thống giao thông nông thôn và phân tích thử nghiệm một số mẫu đề gia cố móng trên địa bàn tỉnh (đạt 100% so với kế hoạch). Lập dự toán thi công 01 công trình; Ứng dụng chất liên kết thủy hóa vô cơ (HRB) để gia cố móng tại 01 tuyến đường thử nghiệm dài 750m, mặt đường rộng 3,0m (đạt 100%); Thi công 01 công trình (đánh học xếp hạng): Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật: 01 lớp (Đạt 100%): 60 học viên là nông dân và cán bộ phụ trách về giao thông nông thôn của UBND

xã, phường, thị trấn để tập huấn hướng dẫn kỹ thuật thiết kế, thi công đường GTNT có sử dụng HRB.

Số hồ sơ lưu: 01/Quyển số 01-STD-QLCNCN

### **20105. Kỹ thuật thủy lợi**

82079.07-2022 **Giám sát biến đổi mực nước sông Hồng và sông Mê Kông bằng công nghệ đo cao vệ tinh/** ThS. Nguyễn Ngọc Nam, ThS. Nguyễn Ngọc Nam; ThS. Nguyễn Thị Trang Nhung; ThS. Vũ Thị Tuyết; ThS. Nguyễn Hà Phú; ThS. Phạm Thị Hồng Minh; ThS. Hoàng Thị Bình; ThS. Trần Thanh Hà; ThS. Đỗ Lan Phương; ThS. Trần Thị Nguyệt - Hà Nội - Trung tâm Thông tin và Dữ liệu viễn thám, Cục Viễn thám quốc gia, 2020 - 06/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vệ tinh trong việc giám sát tài nguyên nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thiện quy trình xử lý xác định mực nước sông, hồ bằng số liệu đo cao vệ tinh. Cung cấp chuỗi số liệu giám sát biến đổi mực nước theo thời gian trong khoảng 2017 - 2018 tại các vị trí thử nghiệm trên sông Hồng và sông Mê Kông sử dụng dữ liệu đo cao vệ tinh. Thể hiện đầy đủ mục tiêu và nội dung nghiên cứu với số liệu có độ chính xác và tin cậy.

Số hồ sơ lưu: 19627

82083.07-2022 **Nghiên cứu xây dựng giải pháp ứng phó trường hợp xả lũ khẩn cấp, lũ cực lớn, lũ do vỡ đập trên hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình/** PGS. TS. Trần Quốc Thương, TS. Nguyễn

Đăng Giáp; PGS. TS. Lê Văn Nghị; PGS. TS. Phạm Thị Hương Lan; ThS. Đỗ Huy Phương; TS. Lương Hữu Dũng; ThS. Nguyễn Đức Diện; TS. Đỗ Hoài Nam; ThS. Lê Thế Cường; ThS. Nguyễn Quốc Hiệp; ThS. Đào Anh Tuấn; ThS. Lê Văn Thìn; PGS. TS. Nguyễn Quang Hùng; ThS. Đỗ Khắc Hải - Hà Nội - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, 2021; 09/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được khả năng xảy ra xả lũ khẩn cấp, lũ cực lớn, lũ do vỡ đập trên hệ thống sông Hồng - sông Thái Bình. Đánh giá được năng lực thoát lũ thực tế và mức độ đảm bảo an toàn của cửa hệ thống công trình phòng, chống lũ trên lưu vực, an toàn cho vùng hạ du trong trường hợp xả lũ khẩn cấp, lũ cực lớn, lũ do vỡ đập trên hệ thống sông Hồng - sông Thái Bình. Xây dựng được giải pháp ứng phó hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại cho hạ du trong trường hợp xả lũ khẩn cấp, lũ cực lớn, lũ do vỡ đập trên hệ thống sông Hồng - sông Thái Bình.

Số hồ sơ lưu: 19628

82240.07-2022 **Nghiên cứu thử nghiệm hệ thống cảnh báo lũ, lũ quét trên nền Web-GIS cho lưu vực sông Nghĩa Lộ, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái/** ThS. Lê Văn Thìn, ThS. Đào Anh Tuấn; TS. Nguyễn Đăng Giáp; ThS. Lê Thế Cường; ThS. Bùi Ngọc Quyên; KS. Nguyễn Đức Hoan; ThS. Nguyễn Tài Trí; ThS. Nguyễn Văn Toàn; KS. Phạm Thị Tuyết; KS. Chu Thị Ngoan - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm Quốc gia về động lực học

sông biển, 2021; 12/2019 - 06/2021.  
(Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng giao diện quản lý, vận hành hệ thống cảnh báo lũ, lũ quét (bao gồm lựa chọn địa điểm, yêu cầu hệ thống, phương thức cảnh báo, quy mô cảnh báo và thiết lập các mức cảnh báo). Xây dựng giao diện quản lý, vận hành hệ thống cảnh báo lũ, lũ quét trên nền Web-GIS giúp người dân và chính quyền địa phương có những thông tin cần thiết về nguy cơ lũ quét từ đó đưa ra quyết định nhằm giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản trong những khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi loại hình thiên tai phổ biến này.

Số hồ sơ lưu: 19669

82511.07-2022 **Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất giải pháp triển khai thành công các chỉ tiêu trong chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2016 - 2020, định hướng chỉ tiêu phấn đấu trong giai đoạn 2021 - 2025/** TS. Dư Phước Tân, ThS. Nguyễn Như Ý; ThS. Trần Nhật Nguyên; KS. Đào Thị Hồng Hoa; ThS. Nguyễn Mai Anh; ThS. Trịnh Thị Minh Châu; ThS. Nguyễn Ngọc Phước Đại; ThS. Lê Hồng Nhật; ThS. Phan Phạm Thanh Trang; CN. Trần Thị Thu Nhân - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Đánh giá kết quả thực hiện chương trình đột phá giảm ngập nước Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020, phân tích những bất cập, khó khăn và nguyên nhân gây ra; trên cơ sở đó đề xuất hệ

thống các giải pháp và các chỉ tiêu phục vụ chương trình giảm ngập nước, cho giai đoạn 2021 - 2025. Rà soát đánh giá các giải pháp tổng hợp đã và đang triển khai, phân tích làm rõ những bất cập và nguyên nhân chậm tiến độ, nguyên nhân chưa đạt của từng giải pháp và từng chỉ tiêu; xác định những giải pháp cần điều chỉnh, bổ sung hoặc đề xuất mới. Đề xuất một số chỉ tiêu giảm ngập giai đoạn 2021 - 2025.

Số hồ sơ lưu: HCM-047-2021

### **20106. Kỹ thuật địa chất công trình**

82201.07-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng hướng dẫn kỹ thuật nhận chìm ở biển/** PGS. TS. Nguyễn Bá Quý, ThS. Nguyễn Thị Thúy; TS. Nguyễn Lê Tuấn; ThS. Trần Thế Anh; TS. Phạm Văn Hiếu; ThS. Mai Kiên Định; ThS. Trần Thanh Hải; ThS. Trần Thị Liên - Hà Nội - Viện Nghiên cứu biển và hải đảo, 2021; 06/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đánh giá được thực trạng hoạt động nhận chìm ở biển. Cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng hướng dẫn kỹ thuật nhận chìm ở biển. Mục đích của việc quy định hoạt động nhận chìm ở biển là để quản lý tốt hơn và giảm thiểu tác động môi trường do hoạt động nhận chìm, đồng thời giảm chi phí, tạo điều kiện để phát triển kinh tế biển một cách hiệu quả nhất. Một quy định rất chặt chẽ trong luật pháp quốc tế và luật pháp Việt Nam về nhận chìm ở biển là phải thực hiện cấp phép để đảm bảo hạn chế thấp nhất những thiệt hại về môi trường,

sinh thái do các hoạt động nhận chìm gây ra. Theo đó, phải đảm bảo khu vực nhận chìm không phải là khu vực có tầm quan trọng về môi trường, sinh thái và hoạt động nhận chìm ở biển không được gây ra những tác động có hại tới các khu vực biển có tầm quan trọng cao về môi trường sinh thái ở xung quanh khu vực nhận chìm.

Số hồ sơ lưu: 19662

**20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..**

82207.07-2022 **Nghiên cứu công nghệ số hóa và xây dựng hệ thống Ebook (sách điện tử) về khoa học và công nghệ xuất bản lên Internet/** ThS. Bùi Hữu Hưng, ThS. Nghiêm Xuân Mạnh - Vĩnh Phúc - Trung tâm Thông tin Khoa học Công nghệ và Tin học Vĩnh Phúc, 2018; 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Số hoá một số đầu sách về khoa học và công nghệ thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, y tế, thông tin và truyền thông,... biên tập dạng sách điện tử rồi xuất bản lên Internet nhằm chia sẻ thông tin dữ liệu về khoa học và công nghệ một cách nhanh chóng, thuận tiện đến với người dân, tổ chức, doanh nghiệp. Nghiên cứu cơ sở lý luận về số hóa tài liệu lưu trữ và tổ chức khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ trên Internet. Xây dựng một phần mềm Ebook điện tử với 6 module: Nông nghiệp; Công nghiệp; Kỹ thuật điện tử, viễn thông; Thông tin và truyền thông, Y tế, Tóm tắt luận văn tiến sĩ.

Số hoá và cập nhật dữ liệu cho phần mềm. Đề xuất các giải pháp duy trì, bảo mật và đảm bảo dữ liệu trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: VPC-001-2020

82214.07-2022 **Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh Vĩnh Phúc/** ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh, CN. Nguyễn Thu Thủy - Vĩnh Phúc - Trung tâm Thông tin KH-CN và Tin học Vĩnh Phúc, 2018; 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tích hợp một hệ thống cơ sở dữ liệu về các tổ chức vụ khoa học công nghệ, cán bộ nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và nhiệm vụ vụ khoa học công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh theo các tiêu chí được quy định tại Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN vào cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ nhằm đơn giản hóa công tác lưu trữ hệ thống cơ sở dữ liệu vụ khoa học công nghệ, đồng thời giúp cho việc tra cứu thông tin một cách thuận lợi, dễ dàng hơn.

Số hồ sơ lưu: VPC-002-2020

82384.07-2022 **Phát triển các phương pháp rút trích đề thi trắc nghiệm dựa trên độ khó câu hỏi/** PGS.TS. Võ Đình Bảy, Nguyễn Thị Phương Trâm; Bùi Mạnh Toàn; Nguyễn Văn Thành; Nguyễn Hà Giang; Nguyễn Xuân Thắng; Nguyễn Đình Ánh; Võ Hoàng Khang; Văn Thị Thiên Trang - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Công nghệ Tp. Hồ Chí

Minh, 2019; 08/2017 - 01/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu và làm rõ các vấn đề liên quan đến lý thuyết trắc nghiệm khách quan, các loại trắc nghiệm, những nguyên tắc chung, các chuẩn mực, tiêu chí soạn thảo trắc nghiệm và tính chất của câu hỏi trắc nghiệm khách quan. Tìm hiểu, phân tích và hoàn thiện bài toán rút trích đề thi trắc nghiệm, các dữ liệu và ràng buộc của bài toán. Nghiên cứu PSO tiếp cận bài toán rút trích đề thi và đã ứng dụng thành công giải thuật này vào rút trích một đề thi trắc nghiệm. Áp dụng phương pháp song song hóa vào đa đàn trong PSO đa đàn đa lời giải. Nghiên cứu các lý thuyết di cư và áp dụng vào phương pháp song song hóa đa đàn di cư PSO. Đề xuất và giải quyết bài toán rút trích đề thi trắc nghiệm dựa vào độ khó khách quan của mỗi câu hỏi được tính từ dữ liệu thi trong quá khứ.

Số hồ sơ lưu: HCM-040-2021

82512.07-2022 **Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ và thiết kế, chế tạo hệ thống máy giao dịch thanh toán linh hoạt đa năng/ TS. Võ Đình Tùng, ThS. Nguyễn Thị Mộng Điệp; KS. Đặng Hoàng Tiến; Th.S Phạm Quốc Phương; KS. Nguyễn Văn Lâm; Th.S Hà Ngọc Nguyên; TS. Nguyễn Thanh Dũng; CN. Bạch Hải Đăng; Th.S Võ Hoàng Khang; Mai Thành Long; Huỳnh Văn Biển; Nguyễn Minh Tấn; Phạm Ngọc Vinh; Dương Hồng Khánh Huy; Nguyễn Hà Ngọc Đức - Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Điện Tử C&T, 2020 - 12/2018**

- 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đưa công nghệ 4.0 vào thực tiễn cuộc sống. Góp phần xây dựng thành phố thông minh. Đưa công nghệ giao dịch thanh toán tự động của Việt Nam tiệm cận với thế giới. Thúc đẩy việc hoà nhập chung với xu thế thanh toán điện tử trên thế giới. Góp phần thúc đẩy nhanh việc chuyển từ thanh toán tiền mặt sang thanh toán điện tử. Thay thế thiết bị ngoại nhập, giảm nhập cho nền kinh tế. Xây dựng thương hiệu Việt về sản phẩm giao dịch thanh toán tự động.

Số hồ sơ lưu: HCM-048-2021

### 20205. Viễn thông

82227.07-2022 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực quản lý đất đai ứng dụng công nghệ chuỗi khối/ KS. Khuất Hoàng Kiên, ThS. Nguyễn Ngọc Vũ; PGS. TS. Trương Anh Hoàng; PGS. TS. Nguyễn Ngọc Hoá; TS. Lê Phê Đô; TS. Trần Trọng Hiếu; TS. Lê Hồng Hải; TS. Nguyễn Thị Hậu; TS. Nguyễn Bình Minh; TS. Đỗ Bá Lâm; TS. Đào Thành Chung; KS. Nguyễn Xuân Thang; KS. Trần Huy Cường; KS. Lê Văn Hùng; ThS. Nguyễn Mạnh Lực; KS. Trần Thị Mai Thu; ThS. Đinh Thị Phương Thảo; ThS. Hoàng Thu Trang; ThS. Phạm Ngô Hiếu; ThS. Trần Văn Trung; KS. Hồ Văn Đích - Hà Nội - Trung tâm Thông tin Lưu trữ và Thư viện tài nguyên môi trường quốc gia, 2021; 06/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xây dựng và triển khai thử nghiệm hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực quản lý đất đai dựa trên công nghệ chuỗi khối. Đề xuất chính sách, giải pháp xây dựng hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ quản lý đất đai ứng dụng công nghệ chuỗi khối; kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu đất đai góp phần phát triển Chính phủ điện tử.

Số hồ sơ lưu: 19665

### **20299. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin không xếp vào mục nào khác**

80533.07-2022 **Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và điều hành tại Huyện ủy Mỹ Lộc/ Vũ Đình Minh, - Nam Định - Huyện ủy Mỹ Lộc, 2019; 06/2018 - 11/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)**

Xây dựng mới hệ thống mạng LAN, trang bị thêm một số máy, thiết bị cơ bản phục vụ công tác quản lý, điều hành chỉ đạo của lãnh đạo Huyện ủy và tác nghiệp của cán bộ cơ quan. Ứng dụng phần mềm “Quản lý nhân sự” phục vụ công tác quản lý cán bộ tại huyện Mỹ Lộc. Đào tạo tin học nâng cao hiệu quả khai thác mạng LAN, mạng Internet và các phần mềm ứng dụng cho cán bộ nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ cơ quan.

Số hồ sơ lưu: NDH-014-2020

81973.07-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp quản lý hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và các chủ đề quản lý xuyên suốt các văn bản quy phạm pháp luật hiện**

**hành về tài nguyên và môi trường phục vụ công tác điều hành, tác nghiệp trên thiết bị thông minh và internet/ KS. Trần Long Hưng, CN. Trần Thị Dung; ThS. Nguyễn Đức Thuận; ThS. Nguyễn Vĩnh Khang; ThS. Nguyễn Xuân Quang; ThS. Hoàng Nhất Thống; CN. Phạm Thị Hồng Thúy; ThS. Trần Ngọc Sơn; ThS. Trần Văn Trung; KS. Nguyễn Tiến Hơn; ThS. Cao Kim Yển; CN. Phạm Thị Diệu Thúy - Hà Nội - Văn phòng Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2021; 07/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Thiết lập hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường theo các chủ đề quản lý xuyên suốt từ Luật đến các văn bản hướng dẫn thi hành. Xây dựng phần mềm tra cứu văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường trên thiết bị thông minh và internet, nhằm phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Bộ và Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Bộ, hỗ trợ cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp trong áp dụng pháp luật về tài nguyên và môi trường. Xây dựng hệ thống CSDL VBQPPL về tài nguyên và môi trường với tiện ích tra cứu nhanh. Tổng hợp thông các chủ đề đối với 09 lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành tài nguyên và môi trường nhằm phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Bộ và đáp ứng nhu cầu của các tổ chức, cá nhân.

Số hồ sơ lưu: 19592

### **20301. Kỹ thuật cơ khí nói chung**

81683.07-2022 **Nghiên cứu thiết kế chế tạo hệ thống phóng phương tiện chữa cháy, cứu nạn**



**cứu hộ/** ThS. Đặng Hữu Phước, KS. Lê Đại Dương; ThS. Lê Đức Trí; ThS. Phan Lâm Hải; ThS. Nguyễn Duy Khánh; ThS. Lê Đình Tú; ThS. Nguyễn Mạnh Trường; KS. Võ Đình Đô; KS. La Tấn Lộc; KS. Nguyễn Quốc Khánh - TP. Hồ Chí Minh - Viện Vũ khí, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng, 2020 - 12/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thành công mẫu hệ thống phóng có thể bắn được các loại đạn đập lửa cho đập lửa; đầu kéo dây mồi phục vụ cứu hộ ở những nơi khó tiếp cận. Sản phẩm của nhiệm vụ có thể thay thế các sản phẩm nhập ngoại nhập, đồng thời nâng cao trình độ công nghệ phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ trong nước và tiết kiệm ngoại tệ.

Số hồ sơ lưu: HCM-020-2021

### **20302. Chế tạo máy nói chung**

82006.07-2022 **Nghiên cứu sử dụng giải pháp luân hồi khí thải để chuyển đổi mô hình cháy của động cơ diesel truyền thống sang cháy do nén hỗn hợp đồng nhất (HCCI - Homogeneous compression charge ignition) nhằm giảm phát thải NOx và phát thải dạng hạt (PM) cho động cơ này/** TS. Khương Thị Hà, ThS. Nguyễn Cao Văn; TS. Trương Minh Thắng; ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung; TS. Nguyễn Duy Vinh; ThS. Đỗ Văn Trấn; ThS. Vũ Xuân Thiệp; ThS. Lê Công Báo; ThS. Vũ Hoàng; ThS. Vũ Thị Thủy - Hà Nội - Trường Đại học Giao thông vận tải, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chuyển đổi mô hình cháy của động cơ diesel sang cơ HCCI thông qua giải pháp thay đổi tỷ lệ khí luân hồi, nhằm đạt mục tiêu giảm 30% - 50% phát thải NOx và PM so với động cơ nguyên bản. Đồng thời với giải pháp này không phải tác động gì vào kết cấu của động cơ nguyên bản, chỉ thay đổi một số chi tiết của hệ thống cung cấp nhiên liệu, đây là một ưu thế khi nghiên cứu giảm phát thải cho động cơ diesel đã qua sử dụng.

Số hồ sơ lưu: 19607

### **20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp**

82018.07-2022 **Ứng dụng công nghệ tự động hóa trong quá trình sản xuất nguyên liệu và quá trình sản xuất, chế biến chè xanh sao lặn chất lượng cao tại công ty cổ phần trà Than Uyên/** CN. Vũ Hoàng Mạnh, Chu Thị Khuyên; KS. Nguyễn Gia Long; TS. Nguyễn Xuân Anh; TS. Nguyễn Văn Hiệp; ThS. Phạm Lê Khương; CN. Đảng Hồng Như; CN. Nguyễn Đức Nam; CN. Đào Duy Thuận; CN. Nguyễn Thu Thủy; Trịnh Hải Thái; Phạm Thị Phương Hoa; Lê Kế Trung; Nguyễn Trung Quang - Lai Châu - Công ty Cổ phần Trà Than Uyên, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Triển khai thành công hệ thống quan trắc tự động các yếu tố môi trường để giám sát và điều khiển sự tăng trưởng của cây chè trên diện tích sản xuất nguyên liệu chè chất lượng cao 80ha. Nghiên cứu tích hợp các công đoạn chế biến chè thành dây chuyền sản xuất đồng bộ, từ đó

xây dựng hệ điều khiển tự động hóa dây chuyền theo module để sản xuất chè sao lãn chất lượng cao; Nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm chè xanh xao lãn phục vụ xuất khẩu. Góp phần tiêu thụ nguyên liệu chè tươi cho người dân từ đó mở rộng, phát triển diện tích trồng chè theo đề án “ Phát triển vùng nguyên liệu chè tập trung, chất lượng cao” tại tỉnh Lai Châu, tạo công ăn việc làm, nâng cao đời sống góp phần xóa đói giảm nghèo cho nhân dân các dân tộc khu vực huyện Tân Uyên tỉnh Lai Châu. Phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, giảm thiểu thiên tai bằng việc phát triển trồng chè và bảo vệ môi trường.

Số hồ sơ lưu: 19611

82280.07-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao gắn với liên kết theo chuỗi giá trị vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc/ PGS.TS. Nguyễn Tuấn Sơn, - Vĩnh Phúc - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2018; 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp và liên kết sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị; Phân tích các chính sách của tỉnh Vĩnh Phúc về tăng cường ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp gắn với liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; Đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ cao gắn với liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Vĩnh Phúc thời gian qua; Phân tích nguyên nhân và

các yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Vĩnh Phúc; Đề xuất giải pháp xây dựng các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: VPC-021-2020

### **20308. Kỹ thuật và công nghệ hàng không, vũ trụ**

82034.07-2022 **Nghiên cứu, chế tạo thiết bị đo từ hàng không sử dụng máy bay không người lái (UAV). Áp dụng thử nghiệm cho các đề án đánh giá khoáng sản vùng Tây Bắc/ KS. Kiều Trung Thủy, KS. Nguyễn Tử Anh; KS. Nguyễn Tuấn Năm; KS. Hồ Hải; KS. Nguyễn Nguyên Vượng; KS. Đào Văn Dinh; KS. Vũ Văn Danh; KS. Vũ Tuấn Hùng; KS. Ngô Duy Đông; KS. Lê Ngọc Trinh - Hà Nội - Liên đoàn Vật lý địa chất, 2020 - 07/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Chế tạo thiết bị đo từ sử dụng được cho máy bay không người lái (UAV); Xây dựng quy trình kỹ thuật đo đạc, xử lý tài liệu phục vụ công tác điều tra cơ bản về địa chất và đánh giá khoáng sản vùng có địa hình phân cắt và các hải đảo Việt Nam. Đã chế tạo thành công hệ thống thiết bị đo từ hàng không sử dụng máy bay không người lái (thiết bị và phần mềm); Dự thảo quy định kỹ thuật công tác bay đo từ sử dụng máy bay không người lái trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và thăm dò khoáng sản.

Số hồ sơ lưu: 19615

**20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng**

82200.07-2022 Nghiên cứu ứng dụng công nghệ lọc sinh học dòng bùn ngược (USBF) xử lý phenol trong nước thải ở các cơ sở chế biến sản phẩm từ dầu mỏ/ TS. Lê Ngọc Thuấn, TS. Lê Ngọc Thuấn; ThS. Vũ Thị Mai; ThS. Đoàn Thị Oanh; Nguyễn Thị Thủy; ThS. Bùi Thị Thanh Thủy; TS. Nguyễn Thu Huyền; TS. Nguyễn Hồng Minh; ThS. Lê Văn Sơn; Lê Thị Thoa; Vũ Thị Hồng Nguyệt - Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2020 - 07/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu về công nghệ xử lý nước thải chứa hợp chất gốc phenol trong nước thải từ các ngành sản xuất, chế biến sản phẩm dầu mỏ và công nghệ USBF. Khảo sát hiện tượng ô nhiễm phenol, công nghệ xử lý nước thải của các cơ sở sản xuất chế biến các sản phẩm từ dầu mỏ. Thiết kế và chế tạo các modul thiết bị thử nghiệm, đánh giá hiệu quả xử lý nước thải nhiễm hợp chất gốc phenol. Khảo sát các điều kiện tối ưu trong quá trình vận hành xử lý hợp chất gốc phenol với hệ thống USBF. Đánh giá hiệu quả xử lý phenol của hệ thiết bị USBF đối với nước thải trong thực tế.

Số hồ sơ lưu: 19661

**20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng**

81501.07-2022 Thiết kế lý thuyết vật liệu hữu cơ và điện cực đối kháng không kim loại cho pin mặt trời/ GS. TSKH. Nguyễn Minh Thọ, - TP. Hồ Chí Minh - Viện khoa

học và công nghệ tính toán, 2020 - 12/2018 - 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thiết kế các phân tử thuốc nhuộm mới để tăng hiệu suất của các DSSC dựa trên các dị vòng silole, Tiến hành mô phỏng sâu hơn về lớp bề mặt phân cách thuốc nhuộm/chất điện phân/TiO<sub>2</sub> của thuốc nhuộm được thiết kế từ WP1. Tất cả các khảo sát liên quan đến việc tìm kiếm điện cực đối kháng không chứa Pt. Chúng tôi xây dựng các mô hình điện cực đối kháng dựa trên các tấm graphene có pha tạp bởi các nguyên tử B hay N, hay cả hai nguyên tử B và N.

Số hồ sơ lưu: HCM-010-2021

82218.07-2022 Nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ năng lượng mặt trời phục vụ chiếu sáng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc/ TS. Nguyễn Thế Trường, KS. Nguyễn Văn Lương - Vĩnh Phúc - Trung tâm Năng lượng - Sở Công thương tỉnh Vĩnh Phúc, 2018; 03/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng hoàn thành 03 điểm khai thác ứng sử dụng công nghệ năng lượng mặt trời tạo ra điện phục vụ chiếu sáng tại 03 điểm khu vực: Đồng bằng, Trung du, Miền núi thuộc tỉnh Vĩnh Phúc. Vận hành, theo dõi, kiểm nghiệm, hiệu chỉnh hoàn thiện. Tổng hợp, đánh giá hiệu quả kinh tế, kỹ thuật, xã hội, môi trường đối với việc sử dụng công nghệ năng lượng mặt trời và đánh giá khả năng khai thác ứng áp dụng phát triển nhân rộng trên địa bàn Vĩnh Phúc. Tham mưu đề xuất cơ

chế, chính sách nhằm phát triển mở rộng ứng áp dụng khai thác năng lượng mặt trời, nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng sạch. Trên cơ sở nghiên cứu, kết quả đánh giá của khoa học công nghệ của cơ quan quản lý, chuyên ngành về ứng dụng và thực hiện tuyên truyền vận động, phổ biến, hướng dẫn cộng đồng xã hội trên địa bàn Vĩnh Phúc về công nghệ điện năng lượng mặt trời phục vụ trong đời sống và phát triển kinh tế-xã hội.

Số hồ sơ lưu: VPC-008-2020

### **20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân**

82133.07-2022 Nghiên cứu phản ứng hạt nhân ( $\gamma, X$ ), ( $p, X$ ), và ( $n, X$ ) trong vùng năng lượng 0-70 MeV/ GS.TS. Nguyễn Văn Đồi, TS. Kim Tiến Thành; PGS.TS. Phạm Đức Khuê; PGS.TS. Bùi Văn Loát; ThS. Nguyễn Thành Luân - Hà Nội - Viện Vật lý, 2021; 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, xác định các tham số của phản ứng hạt nhân như tiết diện/tiết diện tích phân/hàm kích thích/tiết diện bắt neutron nhiệt và tiết diện tích phân cộng hưởng/suất lượng/tỷ số suất lượng của các phản ứng hạt nhân ( $\gamma, x$ ), ( $n, x$ ) và ( $p, x$ ) trong dải năng lượng 0-70 MeV. Qua đó thu được các số liệu hạt nhân và mở rộng sự hiểu biết về các cơ chế phản ứng. Triển khai bằng phương pháp kích hoạt phóng xạ, bao gồm cả sử dụng kỹ thuật kích hoạt xếp chồng mẫu (stacked-foil activation technique) và đo phổ gamma off-line. Phát triển các giải pháp kỹ thuật, phương pháp hiệu

chính và áp dụng vào nhằm giảm các nguồn sai số. So sánh kết quả thực nghiệm với kết quả tính lý thuyết, sử dụng code TALYS và/hoặc các số liệu trong thư viện TENDL.

Số hồ sơ lưu: 19643

### **20403. Kỹ thuật hoá dược**

81997.07-2022 Nghiên cứu sự tương tác của nanocluster vàng với các phân tử thuốc và phân tử sinh học – Định hướng ứng dụng trong dẫn truyền thuốc nhắm mục tiêu/ PGS. TS. Phạm Vũ Nhật, PGS. TS. Phạm Trần Nguyên Nguyên; ThS. Phạm Thị Bích Thảo; ThS. Nguyễn Thanh Sĩ; ThS. Nguyễn Văn Hồng - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2021; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Mô tả, dự đoán cấu trúc và các tính chất điện tử, quang phổ, năng lượng gắn kết của các nanocluster vàng sử dụng phương pháp tính toán, mô phỏng DFT; Tìm hiểu bản chất của sự tương tác giữa cấu trúc nano và các phân tử thuốc/sinh học bao gồm các vị trí tương tác, năng lượng tương tác, cơ chế chuyển dịch điện tích và cấu trúc vùng năng lượng (electronic band structure); Làm sáng tỏ cơ chế phóng thích thuốc do kích thích bên trong (trong phạm vi kiểm soát sinh học).

Số hồ sơ lưu: 19605

### **20505. Cán kim loại; kéo kim loại; sản xuất sản phẩm kim loại; sản xuất ống kim loại, v.v..**

82007.07-2022 Nghiên cứu nhiễu loạn nhiệt và các hiệu ứng

**tương quan của các hợp kim liên kim loại trong lý thuyết EXAFS/** PGS. TS. Nguyễn Bá Đức, TS. Phạm Thị Minh Hạnh; TS. Nguyễn Văn Nghĩa; TS. Vũ Thị Thanh Hà; ThS. Vũ Quang Thọ - Tuyên Quang - Trường Đại học Tân Trào, 2021; 09/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng lý thuyết tổng quát để nghiên cứu hiện tượng nhiễu loạn nhiệt và hiệu ứng tương quan của các hợp kim liên kim loại trong lý thuyết EXAFS. Biểu thức giải tích của độ dịch chuyển tương đối trung bình bình phương hay hệ số Debye-Waller và các cumulant phổ EXAFS mô tả sự nhiễu loạn nhiệt của phổ EXAFS phụ thuộc vào nhiệt độ và nồng độ thành phần của các hợp kim liên kim loại. Biểu thức hàm tương quan mô tả mối tương quan giữa các nguyên tử hấp thụ và tán xạ phụ thuộc vào nhiệt độ và nồng độ thành phần của các hợp kim. Một số đại lượng nhiệt động khác trong lý thuyết EXAFS như hệ số phi điều hòa, độ giãn nở mạng, độ dịch chuyển tương đối trung bình bình phương của các hợp kim

Số hồ sơ lưu: 19606

### **20508. Vật liệu điện tử**

81952.07-2022 **Nghiên cứu nguyên lý vật lý của siêu vật liệu metamaterials trong khai thác sử dụng năng lượng điện từ ở vùng tần số GHz và THz/** PGS.TS. Nguyễn Thanh Tùng, GS.TS. Vũ Đình Lâm; TS. Ngô Thị Hồng Lê; TS. Lê Minh Thùy; ThS. Nguyễn Thị Mai; ThS. Trịnh Thị Giang - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu,

2021; 06/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tăng cường sự hiểu biết về quá trình chuyển hóa năng lượng trong siêu vật liệu GHz và THz thông qua việc sử dụng cả cộng hưởng điện và cộng hưởng từ trong khai thác năng lượng hiệu suất cao. Tiến hành nghiên cứu siêu vật liệu có khả năng hấp thụ trong vùng tần số rộng phục vụ cho khai thác năng lượng từ nhiều nguồn khác nhau mà không ảnh hưởng tới kích thước của cấu trúc cơ sở. Qua đó xác định các quá trình tiêu tán năng lượng chính của năng lượng được hấp thụ trong siêu vật liệu THz và lượng hóa thời gian thực của các quá trình này.

Số hồ sơ lưu: 19584

### **20511. Màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ**

82272.07-2022 **Ứng dụng công nghệ sơn mới vào sản xuất đồ gỗ nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc/** CN. Nguyễn Văn Bình, - Vĩnh Phúc - Sở Công thương Vĩnh Phúc, 2018; 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan tình hình trong và ngoài nước về sơn gỗ. Khảo sát, đánh giá thực trạng tình hình sản xuất đồ gỗ và nhu cầu sử dụng sơn gỗ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Ứng dụng 3 loại sơn 3H, 4H và 2K cho 03 hộ sản xuất đồ gỗ nội thất và ngoại thất. Đánh giá kết quả thực hiện đề tài và đề xuất các giải pháp, nhân rộng mô hình. Thông qua việc nghiên cứu của đề tài nhằm xác định, đề xuất và ứng dụng 3 loại sơn

mới vào sản xuất đồ gỗ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: VPC-015-2020

#### **20604. Kỹ thuật chẩn đoán bệnh**

82257.07-2022 **Nghiên cứu một số giải pháp nâng cao chất lượng sử dụng vườn thuốc nam tại các trạm y tế xã của tỉnh Bắc Kạn/** Tiến sỹ Nguyễn Đình Học, TS. Nguyễn Đình Học; ThS. Nông Bích Thủy; BS CKI. Nông Thị Tuyết; BS CKI. Phạm Thị Duyên; Dược sỹ. Hoàng Thị Thu Hương; BS CKI. Sầm Thị Hạnh Hiền; CN Kế toán. Nguyễn Thị Hằng; BS CKI. Lê Thị Dung; BS CKI. Hà Cát Trúc; BS CKI. Cù Thị Lan. - Trường Trung cấp Y tế Bắc Kạn - Trường Trung cấp Y tế Bắc Kạn, 2016; 04/2014 - 03/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thực trạng vườn thuốc nam tại các trạm y tế xã của tỉnh Bắc Kạn: Năm 2014, toàn tỉnh Bắc Kạn có 107/122 trạm có vườn thuốc nam (đạt tỷ lệ 87,7%). Trong đó 71,0% số trạm y tế (TYT) có loại hình vườn thuốc đủ quỹ đất, 24,3% số TYT có loại hình vườn thuốc kết hợp và 4,7% số TYT không có quỹ đất cho việc xây dựng Vườn thuốc nam. Đề tài xây dựng được 06 mô hình điểm vườn mẫu thuốc nam tại trạm y tế xã với đủ 3 loại hình vườn mẫu thuốc nam. Số lượng người bệnh, người dân thăm quan vườn thuốc và Góc vườn thuốc mẫu, được tư vấn sử dụng thuốc nam và áp dụng sử dụng thuốc nam tại cộng đồng, số bệnh nhân được điều trị bằng Y học cổ

truyền tại trạm y tế đều tăng lên ở 6/6 mô hình điểm. Đưa ra các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng sử dụng vườn thuốc nam tại Trạm y tế xã: Giải pháp xây dựng vườn thuốc; giải pháp cung cấp cây thuốc giống và duy trì vườn thuốc; Giải pháp quản lý vườn thuốc; Giải pháp sử dụng cây thuốc và khai thác hiệu quả vườn mẫu thuốc nam.

Số hồ sơ lưu: 05 Quyển số 01-STD-QLCNCN

82160.07-2022 **Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất bộ kit định lượng kháng nguyên CA 15-3, CA 125 và HCG- $\beta$  phục vụ chẩn đoán bệnh ung thư vú, buồng trứng và tinh hoàn/** ThS. Đỗ Thị Trang, TS. Nguyễn Thị Xuân; PGS. TS. Nguyễn Huy Hoàng; PGS. TS. Nguyễn Lĩnh Toàn; PGS. TS. Nghiêm Ngọc Minh; TS. Nguyễn Thu Hiền; Nguyễn Thị Mây; Nguyễn Hoàng Giang; ThS. Nguyễn Văn Tụng; Lê Thị Duyên; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng; Hoàng Trung Kiên; Ngô Thị Thảo; CN. Bùi Kiều Trang; Nguyễn Thanh Nga - Hà Nội - Viện Nghiên cứu hệ gen, 2021; 06/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất 03 bộ kit ELISA định lượng kháng nguyên CA 15-3, CA 125 và HCG- $\beta$  phục vụ chẩn đoán bệnh ung thư vú, ung thư buồng trứng và ung thư tinh hoàn. Xây dựng quy trình sử dụng và bảo quản 03 bộ kit. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở của các bộ kit. Sản xuất được 50 bộ kit mỗi loại đạt tiêu chuẩn cơ sở (mỗi bộ kit gồm 96 test, thực hiện cho 96 mẫu).

Số hồ sơ lưu: 19652

**20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật**

81498.07-2022 Nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu đến nguồn nước (số lượng, chất lượng) phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh/ ThS. Trần Xuân Hải, ThS. Hồ Thị Mỹ Lợi; PGS.TS. Vũ Văn Nghị; TS. Đặng Thanh Lâm; TS. Nguyễn Hải Âu; ThS. Trần Nhật Thanh; ThS. Ngô Ngọc Hoàng Giang; CN. Nguyễn Thị Ngọc Hồng; CN. Trần Văn Hiện; CN. Phạm Anh Tài - TP. Hồ Chí Minh - Viện Khoa học Và Đổi mới Công nghệ, 2020 - 03/2019 - 08/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích được các yếu tố tự nhiên, kinh tế xã hội (KTXH) và biến đổi khí hậu (BĐKH) tác động đến nguồn nước; đánh giá số lượng và chất lượng nguồn nước mưa, nước mặt trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh (TP. HCM) giai đoạn hiện trạng, theo các kịch bản phát triển KTXH và BĐKH đến năm 2030. Đánh giá được thực trạng sản xuất nông nghiệp (SXNN) và các công trình khai thác nguồn nước phục vụ SXNN trên địa bàn TP. HCM. Đánh giá được nhu cầu sử dụng nước cho các hoạt động KTXH và tính toán cân bằng nước trên địa bàn TP. HCM và các tỉnh liên quan hạ lưu hệ thống sông Đông Nai; từ đó xác định được nguồn nước có thể đáp ứng cho nhu cầu SXNN trên địa bàn TP. HCM giai đoạn hiện trạng, theo các kịch bản phát triển KTXH đến năm 2030 và BĐKH. Đánh giá tác động của BĐKH đến nguồn nước (số lượng, chất lượng) phục vụ SXNN

trên địa bàn Tp.HCM. - Đề xuất được giải pháp cấp nước phục vụ hoạt động SXNN trên địa bàn TP. HCM thích ứng với BĐKH và phù hợp với định hướng nông nghiệp thông minh trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Số hồ sơ lưu: HCM-008-2021

81804.07-2022 Xây dựng hệ thống sensor quan trắc một số chỉ số môi trường không khí phục vụ dự báo chất lượng không khí theo thời gian thực cho Tp. Hồ Chí Minh/ GS. TS. Nguyễn Kỳ Phùng, TS. Dương Thị Thúy Nga; ThS. Bùi Chí Nam; ThS. Nguyễn Quang Long; ThS. Nguyễn Văn Tín; ThS. Ngô Nam Thịnh; ThS. Lê Xuân Vĩnh; ThS. Trần Thị Kim; CN. Lê Thị Hiền - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện khoa học và công nghệ tính toán, 2020 - 12/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phát triển thiết bị IOT tích hợp các sensor chất lượng không khí như bụi PM2.5, PM10, CO2, O3; Cùng với GPS, 3G, nhiệt độ và độ ẩm không khí. Đánh giá và hiệu chỉnh sensor trong thực tế theo cơ sở khoa học. Xây dựng hệ thống thu nhận tín hiệu và quản lý CSDL; Xây dựng webgis quản lý hệ thống thiết bị IOT và thể hiện thông tin chất lượng không khí. Khảo sát và xây dựng mạng lưới 10 thiết bị IOT thu thập chất lượng không khí.

Số hồ sơ lưu: HCM-031-2021

81805.07-2022 Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, phục hồi môi trường đối với trường hợp ảnh

**hưởng có tính chất liên vùng/ PGS.** TS. Nguyễn Đình Tuấn, ThS. Phạm Thị Diễm Phương; PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Hà; TS. Nguyễn Xuân Trường; ThS. Nguyễn Ngọc Thiệp; ThS. Nguyễn Ngọc Trinh; ThS. Nguyễn Châu Thoại; TS. Nguyễn Lữ Phương; ThS. Đỗ Thị Hồng Hòa; Đại tá Nguyễn Minh Đức; TS. Phạm Gia Hiền - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh, 2018; 05/2016 - 05/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định các ngành, lĩnh vực, địa bàn có khả năng xảy ra sự cố môi trường đối với trường hợp ảnh hưởng có tính chất liên vùng (các tỉnh lân cận thành phố Hồ Chí Minh). Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu phục vụ đánh giá rủi ro sự cố môi trường liên vùng cho TPHCM và các tỉnh thành lân cận dựa trên phương pháp luận đề xuất. Xây dựng các kịch bản sự cố môi trường mang tính chất liên vùng cho từng nhóm đối tượng, trong đó xem xét tình huống sự cố xấu nhất và nguy cơ ảnh hưởng lớn nhất. Minh họa một số kịch bản bằng mô hình và đánh giá mức độ ảnh hưởng và thiệt hại do sự cố gây ra. 2. Đánh giá được mức độ ảnh hưởng và thiệt hại đối với một số sự cố môi trường liên vùng quan trọng, quy mô lớn. Đề xuất các giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, phục hồi môi trường đối với trường hợp ảnh hưởng có tính chất liên vùng.

Số hồ sơ lưu: HCM-032-2021

81969.07-2022 **Nghiên cứu ứng dụng Viễn thám và Gis trong quản**

**lý, giám sát đường biên và trợ giúp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với đảm bảo quốc phòng - an ninh khu vực biên giới phía Bắc, ứng dụng cho tỉnh Cao Bằng/ PGS.TS.** Nguyễn Trường Xuân, TS. Nguyễn Thị Mai Dung; ThS. Trần Thị Hải Vân; ThS. Trần Thị Mai Hương; ThS. Diễm Thị Thùy; ThS. Vũ Duy Tấn; ThS. Trần Phương Ly; ThS. Nguyễn Hoàng Long; ThS. Hoàng Giang; Đại tá Đinh Đức Hùng; TS. Trần Trung Chuyên; ThS. Nguyễn Thị Hải Yến; ThS. Nguyễn Thị Thùy Dương; ThS. Vũ Thị Kim Liên; ThS. Nguyễn Thị Phương Bắc; ThS. Đặng Văn Nam; ThS. Nguyễn Thị Mến; KS. Nguyễn Văn Anh, ThS. Trần Anh Tuấn, ThS. Đinh Bảo Ngọc, Huỳnh Thanh Tùng, ThS. Trần Xuân Lộc, ThS. Trương Xuân Bình - Hà Nội - Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 2021; 05/2018 - 01/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đưa ra 8 nội dung nghiên cứu để thực hiện các nội dung khoa học sau: Cơ sở khoa học giải đoán các đối tượng và chiết suất thông tin trên ảnh vệ tinh được sử dụng trong đề tài, đó là ảnh VNREDSat-1, ảnh spot 6, 7 và ảnh Landsat 8. Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu GIS tổng hợp khu vực biên giới tỉnh Cao Bằng; Xây dựng đề xuất định hướng phát triển kinh tế-xã hội kết hợp với đảm bảo quốc phòng-an ninh vùng biên giới phía Bắc tỉnh Cao Bằng; Xây dựng bộ công cụ ứng dụng trên điện thoại thông minh tra cứu và cập nhật dữ liệu địa lý khu vực biên giới; Xây dựng hệ thống quản lý và giám sát



khu vực biên giới tỉnh Cao Bằng theo công nghệ WebGIS.

Số hồ sơ lưu: 19588

81972.07-2022 **Nghiên cứu xác định phương pháp đánh giá dự báo tác động đến sức khỏe cộng đồng trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường theo yêu cầu của Luật Bảo vệ môi trường 2014/** ThS. Vũ Thế Hưng, ThS. Nguyễn Thị Minh Hải; ThS. Trần Bích Thủy; ThS. Hoàng Thanh Nguyệt; ThS. Hoàng Thị Hoa; TS. Văn Diệu Anh; PGS.TS. Hoàng Thị Thu Hương; PGS.TS. Nghiêm Trung Dũng; TS. Nguyễn Thị Thu Hiền; PGS.TS. Đoàn Thị Thái Yên; TS. Trần Anh Dũng; ThS. Đỗ Mai Phương; ThS. Nguyễn Thu Trang - Hà Nội - Vụ Thẩm định đánh giá tác động môi trường, 2021; 07/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng phương pháp luận đánh giá dự báo tác động của dự án đến sức khỏe cộng đồng trong đánh giá tác động môi trường. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật đánh giá dự báo tác động của dự án đến sức khỏe cộng đồng trong đánh giá tác động môi trường. Góp phần tạo nền tảng khoa học và thực tiễn về đánh giá tác động của dự án đến sức khỏe cộng đồng, về việc thực hiện đánh giá tác động sức khỏe trong đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2014, 3 từ đó giúp tăng cường năng lực cho các cơ quan quản lý của Việt Nam cũng như nâng cao sức khỏe và chất lượng sống cho cộng

đồng người dân bị ảnh hưởng từ các dự án phát triển.

Số hồ sơ lưu: 19587

82022.07-2022 **Tính chất quang xúc tác hiệu suất cao của các cấu trúc nano SnO<sub>2</sub>/rGO ứng dụng trong lĩnh vực xử lý môi trường nước/** TS. Phạm Văn Tuấn, TS. Trần Ngọc Khiêm; TS. Trần Thị Quỳnh Hoa; Lê Trung Hiếu; Lã Quỳnh Nga - Hà Nội - Viện Đào tạo Quốc tế về Khoa học Vật liệu (ITIMS), 2021; 12/2018 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo vật liệu nano SnO<sub>2</sub>/rGO bằng phương pháp nhiệt thủy phân từ muối SnCl<sub>4</sub>.5H<sub>2</sub>O và GO. Nghiên cứu các trúc, hình thái của vật liệu nano SnO<sub>2</sub>/rGO bằng các phép đo nhiễu xạ tia X, hiển vi điện tử quét, hiển vi điện tử truyền qua; phổ tán xạ Raman, phổ FT-IR của vật liệu SnO<sub>2</sub>/rGO; hấp thụ của vật liệu nano SnO<sub>2</sub>/rGO, hạt nano SnO<sub>2</sub>, vật liệu GO, tính độ rộng vùng cấm thông qua phổ hấp thụ; phổ huỳnh quang của vật liệu SnO<sub>2</sub>/rGO, hạt nano SnO<sub>2</sub>, vật liệu GO. Giải thích các cơ chế phát quang của các vật liệu này. Nghiên cứu khả năng phân hủy Methylene Blue khi sử dụng vật liệu quang xúc tác SnO<sub>2</sub>/rGO, hạt nano SnO<sub>2</sub> và GO; ảnh hưởng của điều kiện công nghệ tới khả năng phân hủy Methylene Blue; chế quang xúc tác của vật liệu nano SnO<sub>2</sub>/rGO.

Số hồ sơ lưu: 19610

82073.07-2022 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống xử lý chất thải của trạm trộn bê tông xi măng/** TS. Trần Thị Vân Nga, ThS.

Nguyễn Văn Hương; TS. Nguyễn Văn Thịnh; ThS. Phạm Đình Nam; ThS. Nguyễn Thúy Hằng; ThS. Lê Đức Dũng; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; TS. Nguyễn Thoại Anh; KS. Nguyễn Thành Tuyên; KS. Nguyễn Ngọc Quảng - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm chủ được công nghệ thiết kế và chế tạo hệ thống xử lý chất thải của trạm trộn bê tông xi măng (BTXM) để sử dụng tại Việt Nam nhằm giảm lượng chất thải ra môi trường và tận dụng được lượng cát đá tái sử dụng lại tránh lãng phí nguồn tài nguyên. Khảo sát phân tích các mẫu thiết bị có sẵn, trong và ngoài nước, tiến hành phân tích những ưu, nhược điểm của từng loại thiết bị đó; Tiến hành nghiên cứu, khảo sát điều kiện công nghệ, nguyên vật liệu trong nước để đưa ra phương án thiết kế thiết bị, xây dựng quy trình chế tạo phù hợp, sau đó tiến hành chế tạo thiết bị với những thông số kỹ thuật đã được lựa chọn. Ứng dụng các công cụ tính toán hiện đại với sự trợ giúp của máy tính. Thử nghiệm thiết bị đã được thiết kế, chế tạo để lựa chọn các thông số khai thác hợp lý cho thiết bị.

Số hồ sơ lưu: 19621

**82093.07-2022 Nghiên cứu đánh giá rủi ro lũ, ngập lụt và đề xuất các giải pháp phòng tránh, thích ứng cho các khu vực tập trung đông dân cư, đô thị vùng miền núi Bắc Bộ/** TS. Lê Việt Sơn, ThS. Lương Ngọc Chung; PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn; ThS. Nguyễn

Xuân Phùng; ThS. Nguyễn Thị Bích Thủy; KS. Nguyễn Quang Quyền; ThS. Lê Thanh Hà; ThS. Trần Thị Lê Thanh; ThS. Hà Thanh Lâm; ThS. Bùi Tuấn Hải; ThS. Phạm Đoàn Hùng; ThS. Phạm Thanh Tú; ThS. Sái Hồng Anh; KS. Lê Thị Mai Hương; PGS.TS. Bùi Nam Sách; ThS. Lê Hữu Hiếu; ThS. Vũ Văn Kiều; TS. Lê Xuân Quang; CN. Nguyễn Thị Thanh Hoa; ThS. Nguyễn Thanh Bằng; ThS. Trương Bá Kiên; ThS. Đào Ngọc Tuấn; ThS. Vũ Phương Nam; ThS. Trần Thị Nhung; ThS. Trần Thị Mai Sứ; KS. Trần Thị Thanh Dung; KS. Hoàng Văn Hiến; KS. Hoàng Thị Kim Dung; KS. Nguyễn Thị Thanh Hà - Hà Nội - Viện quy hoạch thủy lợi, 2021; 06/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích, tổng hợp về diễn biến các đợt mưa lớn trong thời gian qua (khoảng 3 thập kỷ) và khả năng, kinh nghiệm ứng phó ở các lưu vực nghiên cứu. Phân tích đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội và mức độ phơi bày trước thiên tai lũ lụt của các khu vực nghiên cứu, từ đó nghiên cứu phân tích, tổng hợp về diễn biến các đợt mưa lớn trong thời gian qua (khoảng 3 thập kỷ) và khả năng, kinh nghiệm ứng phó ở các lưu vực nghiên cứu. Xây dựng bộ công cụ nghiên cứu sự thay đổi về mưa, dòng chảy và lũ trên các lưu vực nghiên cứu: Ứng dụng công nghệ viễn thám để xây dựng cơ sở dữ liệu về khí tượng thủy văn, Xây dựng mô hình toán nghiên cứu chế độ thủy văn trên lưu vực nghiên cứu. Đề xuất các giải pháp phi công trình và công trình nhằm quản lý và giảm thiểu rủi ro

thiên tai lũ, ngập lụt cho các khu vực nghiên cứu, bao gồm thành phố Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Sơn La, Yên Bái. Xây dựng kế hoạch và phương án ứng phó với rủi ro thiên tai lũ, ngập lụt cho các thành phố Yên Bái, Hà Giang, Sơn La, Cao Bằng, Lạng Sơn và một số điểm đông dân cư

Số hồ sơ lưu: 19633

**82281.07-2022 Tính toán, xác định lượng phát thải của các phương tiện giao thông trên địa bàn Tỉnh Vĩnh Phúc và đề xuất phương pháp kiểm soát/** TS. Vương Văn Sơn, ThS. Nguyễn Kim Tuấn - Vĩnh Phúc - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2018; 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Thông qua việc xác định lượng phát thải của các phương tiện giao thông trên địa bàn Tỉnh Vĩnh Phúc để đề xuất giải pháp kiểm soát góp phần bảo vệ môi trường và hỗ trợ trong công tác quản lý, kiểm soát chất lượng không khí của tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng, của quốc gia nói chung.

Số hồ sơ lưu: VPC-022-2020

### **20702. Kỹ thuật dầu khí (dầu mỏ, khí đốt)**

**80026.07-2022 Sản xuất thử nghiệm than biomass từ lõi ngô, trấu và mùn cưa dùng trong sinh hoạt của người dân tỉnh Lai Châu/** KS Lê Văn Hà, Lê Văn Hà; Lê Xuân Tùng; Đặng Văn Công; Hoàng Văn Tú; Nguyễn Văn Thịnh - Lai Châu - Trường Đại học Tây Bắc, 2015;

06/2013 - 03/2015. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Trong những năm gần đây đã có một số tỉnh ứng dụng công nghệ ép trấu thành củi để tận dụng nguồn phụ phẩm nông nghiệp là vỏ trấu, không bị lãng phí và không gây ô nhiễm môi trường như: Tiền Giang, Hậu Giang và Vĩnh Long đã có một số công ty sản xuất than củi trấu quy mô lớn 20 tấn/ngày và xuất khẩu 20 tấn than mỗi ngày đi Canada, Hàn Quốc, Nhật Bản và Mỹ, .... Sau các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long thì sản xuất củi trấu đã phát triển ra các tỉnh miền trung và miền bắc như Đà Nẵng, Quảng Trị, Huế và Hưng Yên, Hải Phòng, Thanh Hoá, Hà Nội (Hà Tây cũ) cụ thể: Quảng Trị có 3 doanh nghiệp sản xuất 4000 – 5000 tấn củi trấu mỗi năm. Lai Châu là tỉnh có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp do đó lượng phụ phẩm nông nghiệp cũng rất lớn. Tuy nhiên, cho tới nay chưa có một nghiên cứu nào thống kê cụ thể về số lượng, thành phần, và đặc biệt là nghiên cứu đề xuất phương án sử dụng nguồn sinh khối này một cách hiệu quả. Vì vậy, để sử dụng nguồn phế phụ phẩm này có hiệu quả Trường Đại học Tây Bắc đã tiến hành thực hiện dự án: “*Sản xuất thử nghiệm than biomass từ lõi ngô, trấu và mùn cưa dùng trong sinh hoạt của người dân tỉnh Lai Châu*”

Số hồ sơ lưu: LCU- KQNC-2021-014

### **20704. Viễn thám**

**82003.07-2022 Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS hỗ trợ quản lý, giám sát và cảnh**

**báo dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản/** TS. Nguyễn Thanh Tùng, ThS. Nguyễn Ngọc Hân; TS. Phan Thị Ngọc Diệp; ThS. Đỗ Đức Tùng; ThS. Nguyễn Trường Sơn; KS. Tống Phước Hoàng Sơn; ThS. Đỗ Phương Linh; ThS. Ngô Thị Ngọc Thủy; ThS. Nguyễn Vũ Giang; CN. Đỗ Hồng Vân - Hà Nội - Viện kinh tế và quy hoạch thủy sản, 2021; 11/2017 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS trong giám sát , quản lý và cảnh báo môi trường , dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản vùng duyên hải Việt Nam. Xây dựng WebGIS phục vụ giám sát , quản lý, chỉ đạo sản xuất trong nuôi trồng thủy sản. Nghiên cứu đánh giá thực trạng nuôi trồng thủy sản và các vấn đề môi trường và dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản tại vùng duyên hải. Cơ sở khoa học và phương pháp ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS trong quản lý, giám sát và cảnh báo môi trường , dịch bệnh lĩnh vực nuôi trồng thủy sản vùng duyên hải . Tích hợp dữ liệu viễn thám và GIS phục vụ quản lý , giám sát và cảnh báo môi trường , dịch bệnh . Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, giám sát , cảnh báo môi trường , dịch bệnh nuôi trồng thủy sản tập trung (giai đoạn 2011-2016).

Số hồ sơ lưu: 19600

**82033.07-2022 Nghiên cứu ứng dụng ảnh viễn thám quang học độ phân giải cao kết hợp ảnh siêu cao tần hỗ trợ công tác bảo vệ bờ biển (thử nghiệm tại tỉnh Quảng Nam)/** ThS. Nguyễn Hải Đông, CN. Đặng Thu Trà; CN. Trần Thị Hiền;

ThS. Nguyễn Hữu Chuyên; CN. Phạm Thị Thúy Hằng; ThS. Vũ Thị Hồng Nhị; ThS. Phạm Hà Trang; TS. Dư Văn Toán; PGS. TS. Trần Văn Anh; ThS. Nguyễn Danh Đức - Hà Nội - Trung tâm triển khai công nghệ viễn thám, 2021; 06/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được ranh giới vùng bờ biển cần bảo vệ theo tiêu chuẩn quy định kỹ thuật hiện hành; Xây dựng được mô hình quản lý phục vụ giám sát vùng bờ biển sử dụng ảnh viễn thám quang học độ phân giải cao kết hợp ảnh siêu cao tần nhằm phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Đề xuất danh mục các khu vực phải thiết lập vùng bờ biển cần bảo vệ;

Số hồ sơ lưu: 19614

**82072.07-2022 Nghiên cứu ứng dụng dữ liệu viễn thám đa thời gian và lựa chọn mô hình trong việc giám sát và dự báo biến động sử dụng đất dưới tác động của điều kiện tự nhiên và kinh tế-xã hội, thử nghiệm tại thành phố Hải Phòng/** TS. Nguyễn Quốc Khánh, ThS. Vũ Văn Phong; ThS. Nguyễn Đức Phú; ThS. Vũ Ngọc Phan; CN. Vũ Thị Thu Thủy; ThS. Trần Tuyết Mai; CN. Đinh Việt Hoàng; ThS. Đặng Trọng Hải; ThS. Nguyễn Thị Phương Hoa; ThS. Nguyễn Quang Huy; ThS. Nguyễn Ngọc Quang; ThS. Nguyễn Tuấn Tú; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương; ThS. Vũ Thị Minh Trâm; ThS. Dương Anh Quân; ThS. Trần Thị Tuyết Vinh; ThS. Nguyễn Thị Trần An - Hà Nội - Trung tâm Kiểm định chất lượng

sản phẩm viễn thám, 2021; 06/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được loại dữ liệu ảnh vệ tinh viễn thám đa thời gian kết hợp với mô hình phân tích phù hợp trong dự báo biến động lớp phủ mặt đất dưới tác động của các yếu tố tự nhiên và kinh tế - xã hội. Cung cấp thông tin, cập nhật nhanh chóng tình hình biến động và dự báo biến động sử dụng đất thông qua biến động lớp phủ mặt đất sử dụng dữ liệu ảnh vệ tinh viễn thám đa thời gian đến các cơ quan quản lý và phân tích tác động của các yếu tố tự nhiên và kinh tế-xã hội.

Số hồ sơ lưu: 19620

**82080.07-2022 Sử dụng tư liệu viễn thám đa độ phân giải và công nghệ GIS trong nghiên cứu mối quan hệ giữa lớp phủ và xói mòn phục vụ sử dụng bền vững tài nguyên đất/** ThS. Vũ Hữu Liêm , ThS. Vũ Hữu Liêm ; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Lan ; ThS. Nguyễn Hồng Sơn; ThS. Nguyễn Minh Hải ; ThS. Phạm Hồng Thắng ; ThS. Nguyễn Trường Sơn ; ThS. Chu Thị Hiền ; CN. Nguyễn Thị Bích Ngọc; KS. Vương Ngọc Trung Dũng; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng - Hà Nội - Trung tâm Giám sát Tài nguyên Môi trường và biến đổi khí hậu, 2021; 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu đánh giá, giám sát tình trạng xói mòn đất và mối quan hệ giữa xói mòn với lớp phủ từ tư liệu viễn thám và GIS. Áp dụng cách tiếp cận Từ tổng quan đến chi tiết, từ lý thuyết đến thực nghiệm Từ thực tiễn đến mô hình lý thuyết; Các

phương pháp nghiên cứu lý thuyết đã được nghiên cứu trên thế giới, phương pháp sử dụng công nghệ xử lý ảnh số và hệ thống tin địa lý, phương pháp khảo sát, thử nghiệm, phân tích và so sánh, đánh giá kết quả, phương pháp chuyên gia. Đề xuất các giải pháp công nghệ, đặc biệt là giải pháp sử dụng công nghệ xử lý ảnh số - viễn thám và hệ thống tin địa lý trong quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên đất. Đề xuất giải pháp công nghệ sử dụng viễn thám và mô hình hóa trong hỗ trợ quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên đất.

Số hồ sơ lưu: 19624

**82082.07-2022 Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn, đề xuất giải pháp khai thác hiệu quả dữ liệu viễn thám quốc gia/** ThS. Hồ Thị Vân Trang, ThS. Nguyễn Thị Mai Yên; ThS. Nguyễn Ngọc Quang; ThS. Nguyễn Thị Phương Hoa; ThS. Nguyễn Thị Trang Nhung; ThS. Phạm Vĩnh Hà; ThS. Đặng Thế Chính; ThS. Trịnh Việt Nga; TS. Trịnh Thị Hoài Thu - Hà Nội - Trung tâm triển khai công nghệ viễn thám, 2021; 06/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng dữ liệu viễn thám ở nước ta và trên thế giới. Đề xuất công cụ, giải pháp kỹ thuật để đánh giá được hiệu quả khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia để hỗ trợ cho cơ quan quản lý nhà nước về viễn thám hoạch định kế hoạch, chiến lược phát triển viễn thám quốc gia phù hợp với tiềm lực kinh tế, nhu cầu sử dụng và khả năng công nghệ trong

nước. Xây dựng quy trình phân tích chính sách khai thác sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia và xác định các yếu tố ảnh hưởng tới việc khai thác hiệu quả dữ liệu viễn thám quốc gia. Đưa ra quy trình phân tích chính sách sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia và trình bày một số giải pháp về cơ chế chính sách sử dụng dữ liệu viễn thám đang được phân tích đánh giá. Nghiên cứu cơ sở cho việc đề xuất phương án sửa đổi Thông tư 187/2016/TT-BTC.

Số hồ sơ lưu: 19630

82139.07-2022 **Nghiên cứu ứng dụng ảnh Viễn thám và GIS để dự báo, đánh giá diễn biến của một số vấn đề môi trường chính trong việc xây dựng, theo dõi và giám sát đánh giá môi trường chiến lược của địa phương/** ThS. Vũ Văn Thụy, ThS. Phạm Hà Anh; ThS. Vũ Thị Hiền; TS. Đàm Quang Thọ; ThS. Phạm Văn Hoàng; KS. Nguyễn Hồng Tiến; ThS. Chu Thị Hằng; ThS. Dương Thị Lan Anh; ThS. Vũ An; ThS. Chu Thị Hiền - Hà Nội - Trung tâm Giám sát Tài nguyên Môi trường và biến đổi khí hậu, 2021; 05/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở khoa học ứng dụng viễn thám và GIS để dự báo, đánh giá diễn biến của một số vấn đề môi trường chính trong việc xây dựng, theo dõi và giám sát đánh giá môi trường chiến lược cấp tỉnh. Xây dựng quy trình về ứng dụng viễn thám và GIS để dự báo, giám sát một số vấn đề môi trường chính của quy hoạch phát triển kinh tế xã hội cấp tỉnh, quy trình sử dụng viễn thám và

GIS. Xây dựng cơ sở dữ liệu webGIS theo dõi, giám sát các vấn đề môi trường chính khi thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh.

Số hồ sơ lưu: 19644

82163.07-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất giải pháp cảnh báo sớm tai biến sụt đất, trượt lở, lũ quét, lũ bùn đá miền Bắc Việt Nam bằng công nghệ viễn thám và dữ liệu về cấu trúc địa chất/** TS. Trần Quốc Cường , TS. Trần Quốc Cường ; PGS. TS. Đỗ Minh Đức; ThS. Nguyễn Đức Anh ; PGS. TS. Trần Văn Anh ; TS. Bùi Văn Thơm; KS. Trần Trung Hiếu ; ThS. Nguyễn Trung Thành ; ThS. Đào Minh Đức ; TS. Văn Đức Tùng; ThS. Ngô Đức Anh; CN. Nguyễn Huy Thắng; KS. Nguyễn Trọng Tài - Hà Nội - Viện Địa Chất, 2021; 05/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các phương pháp và đề xuất giải pháp cảnh báo sớm tai biến sụt đất, trượt đất, lũ quét - lũ bùn đá bằng công nghệ viễn thám đa tầng, đa độ phân giải, đa thời gian và dữ liệu về cấu trúc địa chất. Đánh giá, kiểm chứng các phương pháp nói trên tại một số khu vực thường xảy ra tai biến như Bắc Kạn, Quảng Ninh, Lào Cai, Hà Giang.

Số hồ sơ lưu: 19653

82174.07-2022 **Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS trong quản lý, bảo vệ và sử dụng hợp lý hành lang bờ biển Bắc Bộ, thí điểm tại tỉnh Nam Định/** TS. Trần Tuấn Ngọc, ThS. Nguyễn Thị Phương

Hoa; ThS. Vũ Thị Tuyết ; ThS. Nguyễn Hà Phú; TS. Phạm Văn Sơn; KS. Hà Thanh Biên ; CN. Trần Thị Hiền; ThS. Lê Ngọc Xuyên ; ThS. Nông Thị Oanh; ThS. Bùi Thị Thanh Nga - Hà Nội - Trung tâm Triển khai công nghệ viễn thám, 2021; 05/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng quan về quản lý, khai thác bờ biển và thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển. Nghiên cứu, phân tích cơ sở pháp lý phục vụ thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển. Cơ sở khoa học ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS phục vụ thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển. Nghiên cứu tiêu chí phục vụ thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển. Nghiên cứu cơ sở khoa học, thực tiễn ứng dụng công nghệ viễn thám đa đầu thu, đa độ phân giải trong giám sát hành lang bảo vệ bờ biển. Thu thập, hệ thống hoá, xử lý, phân tích, đánh giá tài liệu, dữ liệu liên quan đến thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển. Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS phục vụ thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển Bắc Bộ. Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS phục vụ thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Nam Định. Xây dựng Cơ sở dữ liệu hành lang bờ biển. Xây dựng trang thông tin điện tử công bố tình hình khai thác sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển. Vận hành thử nghiệm hệ thống giám sát việc khai thác sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển bằng công nghệ viễn thám tại tỉnh Nam Định.

Số hồ sơ lưu: 19657

82217.07-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng**

**quy định kỹ thuật bay chụp và xử lý ảnh từ thiết bị bay không người lái phục vụ thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500, 1/1.000, 1/2.000/** TS. Nguyễn Đại Đồng, ThS. Phạm Tuyết Minh; ThS. Bùi Thị Xuân Hồng; TS. Phạm Xuân Hoàn; KS. Lê Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Tuấn Anh; TS. Bùi Ngọc Quý; ThS. Vũ Văn Thái; KS. Trần Văn Dương; ThS. Nguyễn Ngọc Tuấn - Hà Nội - Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, 2021; 01/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn công nghệ bay chụp ảnh từ thiết bị bay không người lái trong thành lập bản đồ địa hình 1/500, 1/1.000, 1/2.000. Đề xuất xây dựng quy định kỹ thuật bay chụp và xử lý ảnh từ thiết bị bay không người lái phục vụ thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500, 1/1.000, 1/2.000. Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu : thống nhất thực hiện việc lựa chọn thiết bị bay không người lái, thiết kế bay, bay chụp, quy trình công nghệ và quy định kỹ thuật thành lập mô hình số địa hình và bình đồ trực ảnh từ thiết bị bay chụp không người lái UAV. Các cán bộ khoa học, cán bộ kỹ thuật của cơ quan được tiếp cận với công nghệ mới trên thế giới , nâng cao chất lượng nguồn nhân lực . Đối với kinh tế - xã hội: thúc đẩy ứng dụng công nghệ và phát triển ngành đo đạc và bản đồ , góp phần quan trọng đưa công nghệ mới phục vụ cho sản xuất thực tiễn với mục tiêu hiện đại hóa ngành và giảm giá thành. Kết quả đề tài có thể sẵn sàng chuyển giao và áp dụng trong thực tế . Đối với các đơn

vị có nhu cầu sử dụng : chủ động trong việc tổ chức áp dụng công nghệ thiết bị bay không người lái trong sản xuất và nghiên cứu khoa học lĩnh vực đo đạc và bản đồ..

Số hồ sơ lưu: 19663

**20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học.**

82021.07-2022 Hoàn thiện công nghệ sản xuất nhiên liệu sinh học đốt nồi hơi trên cơ sở Triglycerit biến tính để pha trộn với nhiên liệu lỏng công nghiệp quy mô 100 tấn/năm/ TS. Đỗ Mạnh Hùng, GS. TS. Vũ Thị Thu Hà; TS. Nguyễn Thị Phương Hòa; TS. Phạm Thị Nam Bình; ThS. Phạm Minh Tứ; ThS. Cao Thị Thúy; TS. Phạm Đỗ Thanh Thùy; PGS. TS. Mai Ngọc Chúc; Lê Thiên Thạch; CN. Phạm Anh Tài - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm Công nghệ lọc, hóa dầu, 2021; 06/2018 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện công nghệ và hệ thống thiết bị sản xuất nhiên liệu sinh học đốt nồi hơi trên cơ sở triglycerit biến tính; Sản xuất thử nghiệm 50 tấn nhiên liệu sinh học đốt nồi hơi trên cơ sở triglycerit biến tính để pha trộn với nhiên liệu lỏng công nghiệp; Triển khai ứng dụng thử nghiệm đối với một số loại nồi hơi công nghiệp ở Việt Nam. Đánh giá hiệu quả kinh tế, tác động môi trường một cách toàn diện phải định lượng hoá mọi

nguồn năng lượng và vật liệu đầu vào, đầu ra trong toàn bộ thời gian tồn tại của sản phẩm bao gồm các khâu từ sản xuất – lưu thông – phân phối – sử dụng – tiêu huỷ hoặc tái sử dụng.

Số hồ sơ lưu: 19609

**21002. Các quy trình nano (các ứng dụng ở cấp nano). (Vật liệu sinh học kích thước không phải nano được xếp vào 209)**

82099.07-2022 Tổng hợp và nghiên cứu vật liệu nanocomposite quang xúc tác và từ tính có chứa Zn, Mn, Fe, Co, Ni...theo hướng ứng dụng/ PGS.TS. Trần Minh Thi, PGS.TS. Phạm Văn Bền; TS. Phạm Thị Thanh; TS. Nguyễn Mạnh Nghĩa; TS. Nguyễn Mẫu Lâm; TS. Đặng Văn Thái - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2021; 12/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo nanocomposite ZnO :M; ZnS:M bọc phủ polimer có tính quang hoạt. Xác định ảnh hưởng của chế độ công nghệ chế tạo (thủy nhiệt, phương pháp hoá , ủ nhiệt , ủ laser...) tới tính chất quang và quang xúc tác của vật liệu nanocomposite . Nghiên cứu vai trò của polymer và các kim loại chuyển tiếp trong vật liệu, và sự ảnh hưởng tới tính quang xúc tác vật liệu nanocomposite và khả năng sử lí methylene blue (MB), methylene orange (MO), methylene violet (MV), xylenol orange (XO). Nghiên cứu tính chất từ dựa trên ý tưởng kết hợp 2 pha vật liệu như vậy bằng một liên kết trao đổi đối với các vật liệu từ nanocomposite không chứa đất hiếm gồm hai pha từ cứng



và từ mềm chứa: Co, C, Ni, Mn, Fe, Sm... và các vật liệu nano từ tính vật liệu dạng lõi /vỏ. Tổng hợp một số vật liệu từ nanocomposite bằng phương pháp hoá . Bước đầu nghiên cứu tỷ phần thể tích giữa 2 pha cứng/mềm và các tính chất từ quan trọng với giá trị (BH)max cao, nhằm đáp ứng việc chế tạo nam châm vĩnh cửu dùng trong kỹ thuật, đời sống.

Số hồ sơ lưu: 19635

### 21099. Công nghệ nano khác

81970.07-2022 Ảnh hưởng của cấy ion lên cấu trúc và tính chất của vật liệu cấu trúc nano/ PGS.TS. Hoàng Nam Nhật, TS. Nguyễn Trọng Tĩnh; TS. Nguyễn Thế Nghĩa; ThS. Vương Văn Hiệp; PGS.TS. Đặng Thị Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Khắc Thuận - Hà Nội - Viện Vật lý, 2021; 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu chế tạo màng mỏng Au, màng hợp kim Au-Fe (AuFe<sub>3</sub>, Fe<sub>3</sub>Au), cấy C, N và H và khảo sát tính chất điện-từ-quang của các vật liệu này - Nghiên cứu chế tạo các hệ hợp kim từ nền LaFe<sub>13</sub> pha tạp, một số hệ oxit hay sulfur, và perovskite (LaMnO<sub>3</sub>-đơn và kép) cấy ion nhằm thay đổi đặc trưng quang học, từ học, từ nhiệt của vật liệu - Nghiên cứu lý thuyết các hiệu ứng thu được từ thực nghiệm, tiên đoán các hiệu ứng mới, phân tích bản chất vật lý của các quá trình vật lý ở mức vi mô.

Số hồ sơ lưu: 19596

82001.07-2022 Chế tạo và khảo sát tính chất đảo điện trở thuận nghịch của cấu trúc trở nhớ sử dụng vật liệu lai hoá nanocomposite vô cơ - hữu cơ/ TS. Phạm Kim Ngọc, PGS.TS. Trần Cao Vinh; TS. Trần Duy Tập; ThS. Tạ Thị Kiều Hạnh; ThS. Vũ Hoàng Nam; ThS. Phạm Thanh Tuấn Anh; ThS. Mai Ngọc Xuân Đạt - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Tp. Hồ Chí Minh, 2021; 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp hạt nano ZnO bằng phương pháp dung dịch . Tổng hợp vật liệu nanocomposite trên nền PVA theo tỷ lệ thành phần vô cơ / hữu cơ và độ dày màng khác nhau . Khảo sát đặc điểm vi cấu trúc , hình thái bề mặt, tính chất quang – điện của PVA-ZnO. Tính toán về sự tương tác giữa các thành phần hữu cơ và vô cơ trong vật liệu PVA -ZnO, mật độ trạng thái, cấu trúc vùng năng lượng của vật liệu. Chế tạo và khảo sát tính chất đảo điện trở thuận nghịch của cấu trúc trở nhớ (khả năng lưu trữ dữ liệu) sử dụng vật liệu PVA -ZnO với các thông số về tỷ lệ vô cơ / hữu cơ, độ dày màng mỏng khác nhau . Khảo sát và luận giải quá trình truyền dẫn điện tích và quá trình đảo điện trở thuận nghịch của linh kiện trở nhớ.

Số hồ sơ lưu: 19597

### 3. Khoa học y, dược

#### 30101. Giải phẫu học và hình thái học

81443.07-2022 Ứng dụng kỹ thuật ghép tim từ người cho đa tạng chết não tại Bệnh viện Chợ

**Rẫy/ PGS. TS Trần Quyết Tiến, - TP. Hồ Chí Minh - Bệnh viện Chợ Rẫy, 2020 - 12/2018 - 08/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Ghép tim là một kỹ thuật hiện đại và mới đã được áp dụng tại Việt Nam tuy nhiên đến nay bệnh viện Chợ Rẫy là đơn vị đầu tiên phía nam thực hiện kỹ thuật này. Sau khi được đào tạo, thực hành và thực hiện thực tế tại bệnh viện Chợ Rẫy, các bác sĩ đã làm chủ được kỹ thuật, đưa ra được các quy trình ghép tim áp dụng cho bệnh viện Chợ Rẫy. Kêu gọi bước đầu sau 1 trường hợp ghép tim thành công cho thấy, đã làm chủ được kỹ thuật và đưa ra quy trình hợp lý. Các trường hợp ghép tim ở khu vực phía Nam sẽ được thực hiện tại bệnh viện Chợ Rẫy, tiết kiệm được chi phí cho bệnh nhân và người nhà trong việc đi lại và ăn ở, không phải chuyển bệnh nhân đi khu vực khác. giúp điều trị cho những bệnh nhân suy tim giai đoạn cuối không còn đáp ứng với điều trị nội khoa. Cứu chữa cho các bệnh nhân khu vực phía Nam, góp phần giải quyết vấn đề chờ ghép tim của bệnh nhân.

Số hồ sơ lưu: HCM-003-2021

81644.07-2022 **Sử dụng phương pháp mô phỏng động lực học phân tử không cân bằng để nghiên cứu cơ chế mở rào cản máu não dưới tác động của siêu âm hội tụ/ TSKH. Nguyễn Hoàng Phương, Mai Xuân Lý; Phạm Đăng Lâm; Phan Minh Trường - TP. Hồ Chí Minh - Viện khoa học và công nghệ tính toán, 2020 - 12/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Phương pháp phẫu thuật là phương pháp hiệu quả nhất, trong đó các vùng não có bệnh sẽ được chẩn đoán và thuốc được đưa vào bằng cách tiêm trực tiếp. Phương pháp này có thể gây nên các thiệt hại đối với các mô khỏe mạnh do vết kim và các rủi ro do phẫu thuật gây ra. Một cách tiếp cận khác là sử dụng các cơ chế vận chuyển nội sinh trong đó thuốc được sửa đổi và tăng độ hấp thụ qua hàng rào máu não (BBB) bởi các thụ thể tế bào nội mô não. Cách này, tuy nhiên, các loại thuốc có thể không đạt được nồng độ mong muốn để trị liệu bệnh. Phương pháp mở BBB một cách tạm thời là một cách tiếp cận khác để cho phép phân phối thuốc vào CNS. Một kỹ thuật đã được tiến hành là tiêm các chất hóa học như rượu đường, dung môi và thuốc giãn mạch để thu nhỏ các tế bào nội mô, vì vậy kéo giãn BBB, do đó thúc đẩy việc đưa thuốc vào não. Tuy nhiên, điều này có thể làm cho BBB bị mở rất rộng, do đó toàn bộ não có thể bị tiếp xúc không chỉ với thuốc mà còn các hợp chất khác từ các hệ thống tuần hoàn, khiến não có thể bị độc.

Số hồ sơ lưu: HCM-018-2021

### **30199. Y học cơ sở khác**

82343.07-2022 **Nghiên cứu xác định một số căn nguyên vi rút gây hội chứng sốt phát ban tỉnh Bắc Giang/ BS CKII Đặng Thanh Minh, TS.BS. Dương Thị Hiền; TS.BS.Đỗ Phương Loan; ThS. Triệu Thị Thanh Vân; Ths. Đoàn Thị Thanh Nhân; BS CKCI. Lâm Văn Tuấn; Ths. Nguyễn Thị Mai Duyên; BS CKI. Giáp Văn Minh; ThS. Trần Thị**

Thanh Nhàn; CN. Phạm Thanh Sơn; CN. Phạm Thị Tâm; CKIYTCC. Lê Văn Tiến - Bắc Giang - Sở Y tế tỉnh Bắc Giang, 2021; 03/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định một số căn nguyên vi rút sởi, rubella, parvo B19, Herpes 6, Adeno và vi rút đường ruột gây sốt phát ban tại tỉnh Bắc Giang; chuẩn hóa các quy trình kỹ thuật xét nghiệm sinh học phân tử phát hiện các tác nhân vi rút sởi, Ubella, Pravo B19, Herper6, vi rút Adeno và vi rút đường ruột gây sốt phát ban tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh. Các kết quả nghiên cứu của đề tài có giá trị khoa học trong ngành y tế, xác định được 6 tác nhân khác gây ra hội chứng sốt phát ban, không chỉ do sởi, rubella. Đặc biệt, kết quả nghiên cứu cho thấy trẻ dưới 9 tháng tuổi ở tỉnh Bắc Giang khi chưa đến kỳ tiêm phòng sẽ có tỷ lệ mắc bệnh cao, đây có thể là thông tin tham khảo trong công tác phòng dịch bệnh, khám chữa bệnh ở tỉnh. Đề tài có khả năng chuyển giao số liệu, quy trình kỹ thuật đã được chuẩn hóa cho các cơ quan, đơn vị sử dụng.

Số hồ sơ lưu: ĐTCT64/2021

### 30202. Sản khoa và phụ khoa

82176.07-2022 Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử và kỹ thuật laser quang đông ở thai phụ mắc hội chứng truyền máu song thai và dải xơ buồng ối/ PGS. TS. Nguyễn Duy Ánh, BSCKI. Nguyễn Thị Sim; TS. Nguyễn Mạnh Trí; ThS. Nguyễn Cảnh Chương; TS. Nguyễn Đức Lam; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; CN. Đào Thanh Tâm; ThS. Phan Thị Huyền Thương; PGS. TS.

Nguyễn Duy Bắc; TS. Hoàng Văn Tổng - Hà Nội - Bệnh viện phụ sản Hà Nội, 2021; 06/2018 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử khảo sát biến đổi nồng độ một số marker sinh học ở thai phụ mắc hội chứng truyền máu song thai và dải xơ buồng ối. Xây dựng được quy trình ứng dụng kỹ thuật laser quang đông trong điều trị trước sinh hội chứng truyền máu song thai và dải xơ buồng ối. Đánh giá hiệu quả điều trị trước sinh hội chứng truyền máu song thai và dải xơ buồng ối bằng kỹ thuật laser quang đông.

Số hồ sơ lưu: 19658

### 30204. Hệ tim mạch

82507.07-2022 **Hiệu quả chương trình chăm sóc liên tục trên người bệnh tăng huyết áp/** ThS. Huỳnh Thị Phụng, TS. ĐD. Đỗ Thị Hà; ThS. Trần Thị Kim Ngọc; ThS. Cam Ngọc Thúy; ThS. Bùi Thị Thu Thủy; ThS. Dương thị Trang; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Cần; CN. Nguyễn Văn Dừa; BS. CKII. Nguyễn Văn Bé Hai; ThS. BS. Trần Quang Khải; BS. Lê Thị Kim Phụng; ThS. Phạm Nhật Tuấn - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu và Đào tạo Y Dược An Sinh, 2020 - 09/2018 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá hiệu quả chương trình chăm sóc liên tục trên người bệnh (NB) tăng huyết áp (THA) đang điều trị ngoại trú tại các phòng khám trong 5 bệnh viện đa khoa, thành phố Hồ Chí Minh. Tăng tuân thủ điều trị thuốc, tăng tỉ lệ hành vi sử dụng rau

củ quả, muối ăn hợp lý và tăng chất lượng cuộc sống, có thể tác động lên hiệu quả tăng tỉ lệ đạt huyết áp mục tiêu trong nhóm can thiệp. Từ hiệu quả trên có thể chứng minh chương trình chăm sóc liên tục trên người bệnh tăng huyết áp do điều dưỡng quản lý đạt hiệu quả. Chương trình chăm sóc liên tục có thể tiếp tục nghiên cứu chứng minh hiệu quả chi phí của chương trình. Ngoài ra, có thể triển khai thử nghiệm tại các phòng khám, đặc biệt là phòng khám bác sỹ gia đình tại các cơ sở y tế.

Số hồ sơ lưu: HCM-043-2021

### **30207. Hệ hô hấp và các bệnh liên quan**

81810.07-2022 **Vai trò của dao động xung ký trong chẩn đoán hen ở trẻ 3 - 5 tuổi có triệu chứng nghi hen phế quản tại bệnh viện nhi đồng I/ Lê Thị Tuyết Lan, - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xác định vai trò của dao động xung ký trong việc chẩn đoán hen phế quản ở trẻ 3-5 tuổi có triệu chứng nghi hen phế tại Bệnh viện Nhi Đồng 1. Khảo sát sự tương quan trong chẩn đoán hen trên trẻ 3-5 tuổi giữa lâm sàng và IOS. Xác định tỷ lệ chẩn đoán hen phế quản dựa trên IOS ở các trẻ không đủ tiêu chuẩn chẩn đoán hen trên lâm sàng. Xác định tỷ lệ trẻ cải thiện điều trị hen phế quản ở các nhóm trẻ được chẩn đoán hen theo lâm sàng và IOS.

Số hồ sơ lưu: HCM-036-2021

### **30209. Gây mê**

80824.07-2022 **Đánh giá thực trạng cấp cứu, tử vong trẻ sơ sinh và đề xuất giải pháp nâng cao năng lực cấp cứu sơ sinh tại tỉnh Lào Cai/ PGS. TS. Khu Thị Khánh Dung, Hoàng Quốc Hương Hoàng Thị Nguyệt; ThS. Vũ Thị Hải Yến; ThS. Nguyễn Thị Hoàng Yến; ThS. Trần Hoàng Kiên; Lê Thị Hà; ThS. Chu Lan Hương; ThS. Quách Thị Hoa; ThS. Đinh Thị Thu Huyền. - Hà Nội - Bệnh viện Nhi Trung ương, 2020 - 07/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu, khảo sát thực trạng cấp cứu, tử vong sơ sinh và tình hình nhân lực, trang thiết bị, thuốc cho cung cấp dịch vụ chăm sóc sơ sinh tại các bệnh viện tỉnh và huyện trong toàn tỉnh Lào Cai năm 2017. Thực hiện can thiệp tập huấn nâng cao kiến thức và thực hành cấp cứu sơ sinh tại các tuyến bệnh viện của tỉnh Lào Cai. Đề xuất, khuyến nghị các giải pháp nhằm cải thiện chất lượng cấp cứu ở các bệnh viện trong tỉnh Lào Cai.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2020-006

### **30210. Chấn thương, Chỉnh hình**

81807.07-2022 **Xây dựng mô hình tiên lượng tử vong ở bệnh nhân chấn thương vào khoa Cấp cứu Bệnh viện Chợ Rẫy/ TS. Tôn Thanh Trà, PGS. TS. Phạm Thị Ngọc Thảo; BS. Phạm Thanh Việt; ThS. Đinh Quang Minh; TS.BS. Phan Hữu Hên; BS. Lê Ngọc Ánh; BS.Phạm Trí Dũng; BS.Trương Thế Hiệp; BS. Vũ Dzuy; BS.Trần Minh Toàn; BS.Nguyễn Trọng Phương; BS.Võ Hạnh; ThS. Đặng Hoàng Vũ;**

ThS. Nguyễn Thị Kim Liên; CN. Phạm Thị Thùy Dung; CN. Đinh Thị Ngọc Yến; TS. Hoàng Lan Phương; TS. Lê Quốc Hùng; TS. Vũ Hoài Nam; Ths Nguyễn Thị Phương Thảo - Thành phố Hồ Chí Minh - Bệnh viện Chợ Rẫy, 2020 - 12/2018 - 04/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Trên cơ sở các yếu tố liên quan đến tử vong sớm cũng như tử vong trong bệnh viện, xây dựng mô hình tiên lượng tử vong cho bệnh nhân chấn thương. Tiến hành nghiên cứu đoàn hệ tiến cứu trên 1500 bệnh nhân chấn thương vào khoa Cấp cứu, Bệnh viện Chợ Rẫy. Xác định tỷ lệ tử vong trong bệnh viện (30 ngày) ở bệnh nhân chấn thương điều trị tại bệnh viện Chợ Rẫy. Xác định các yếu tố tiên lượng tử vong sớm (trong 24 giờ đầu) và tử vong trong bệnh viện (30 ngày) ở bệnh nhân chấn thương. Xây dựng mô hình tiên lượng tử vong sớm và tử vong trong bệnh viện ở bệnh nhân chấn thương.

Số hồ sơ lưu: HCM-033-2021

82383.07-2022 **Đánh giá kết quả sớm điều trị vỡ lách chấn thương bằng phương pháp làm tắc mạch/** TS. Mai Phan Tường Anh, - Thành phố Hồ Chí Minh - Bệnh viện Nhân dân Gia Định, 2020 - 06/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá kết quả gần của làm tắc mạch lách, dựa trên: số ngày nằm viện trung bình, tỉ lệ chuyển mổ, tỉ lệ tử vong, tỉ lệ các biến chứng tức thời. Điều trị bảo tồn lách với kỹ thuật làm tắc động mạch lách qua can thiệp nội mạch là kỹ thuật ít xâm

lấn được đề xuất trong thời gian gần đây. Nghiên cứu đánh giá tính khả thi (tỉ lệ thành công trong bảo tồn lách) và tính an toàn của kỹ thuật tắc mạch lách trong điều trị vỡ lách chấn thương. Trong nghiên cứu, ghi nhận tỉ lệ thành công của kỹ thuật tắc mạch lách trong điều trị vỡ lách chấn thương là 93%, tỉ lệ các biến chứng chung sau can thiệp là 29,7%, đa số là các biến chứng nhẹ, chỉ cần điều trị nội khoa, chỉ có 7 % chảy máu tiếp diễn. Cần truyền máu sau làm DSA, tổn thương cực dưới hoặc nhiều hơn một tổn thương trên DSA và kỹ thuật can thiệp đoạn gần là các yếu tố gợi ý có thể thất bại của kỹ thuật làm tắc mạch lách điều trị vỡ lách chấn thương.

Số hồ sơ lưu: HCM-039-2021

### **30218. Nội tiết và chuyển hoá (bao gồm cả đái tháo đường, rối loạn hoocmon)**

81514.07-2022 **Nghiên cứu tiên triễn của độ lọc cầu thận ước tính ở người bệnh đái tháo đường típ 2/** PGS. TS. Lê Tuyết Hoa, - TP. Hồ Chí Minh - Bệnh viện Quận 10, 2020 - 08/2014 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định tỷ lệ mắc giảm độ lọc cầu thận ước tính ở người ĐTĐ típ 2 mắc bệnh ít nhất 5 năm tại bệnh viện Quận 10. Lượng giá tốc độ giảm độ lọc cầu thận ước tính và tỉ lệ giảm độ lọc cầu thận ước tính sau 5 năm theo dõi. Đánh giá sự giảm độ lọc cầu thận ước tính ở các phân mức albumin niệu. Xác định mối liên quan giữa HbA1c và huyết áp với giảm nhanh độ lọc cầu thận ước tính.

Số hồ sơ lưu: HCM-012-2021

### 30219. Tiêu hoá và gan mật học

81809.07-2022 **Các trực khuẩn đa kháng thuốc chiếm cư đường tiêu hóa của người lành mạnh/** PGS. TS. Võ Thị Chi Mai, Võ Thị Chi Mai; Hoàng Tiến Mỹ; Võ Thị Xuân Hạnh; Trần Thị Ngọc Lâm; Lê Kim Ngọc Giao; Hoàng Thị Phương Dung; Nguyễn Thị Thanh Trúc; Trần Bích Ngọc - Thành phố Hồ Chí Minh - Đại học Y dược TP.HCM, 2020 - 07/2013 - 12/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu thập 1204 mẫu phân tại hộ gia đình ở 5 quận huyện của thành phố Hồ Chí Minh. Phân lập trên ChromID®, McConkey và định danh 4 loại vi khuẩn trên. Phát hiện bằng kỹ thuật sàng lọc và xác định kiểu hình các enzym ESBL, AmpC, carbapenemase do *E coli* và *Klebsiella spp.*, tìm carbapenemase đối với *P aeruginosa*, *A baumannii*, đồng thời thực hiện PCR xác định NDM-1 ở trực khuẩn tiết carbapenemase. Khảo sát tỉ lệ % hiện diện của 4 loại trực khuẩn kháng thuốc chiếm cư đường tiêu hóa người lành tiết enzym  $\beta$ -lactamase phổ rộng, AmpC và carbapenemase ở thành phố Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-035-2021

81811.07-2022 **So sánh kết quả điều trị phẫu thuật tắc đường tiêu hóa bẩm sinh giữa hai nhóm có và không có siêu âm chẩn đoán tiền sản/** TS. BS. Phạm Việt Thanh, - Thành phố Hồ Chí Minh - Bệnh viện

Nhi đồng 2, 2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá hiệu quả của chẩn đoán trước sanh trên kết quả điều trị trẻ bị tắc đường tiêu hóa bẩm sinh (TĐTHBS) được phẫu thuật tại bệnh viện Nhi Đồng 2 đối với các bệnh lý: teo thực quản, tắc tá tràng, teo hồng - hồi tràng. So sánh kết quả điều trị trẻ bị tắc đường tiêu hóa bẩm sinh (TĐTHBS) được phẫu thuật tại bệnh viện Nhi Đồng 2 đối với các bệnh lý: teo thực quản, tắc tá tràng, teo hồng - hồi tràng. Xác định mối tương quan giữa hình ảnh siêu âm trước sanh với các tổn thương thực thể sau sanh. Xây dựng quy trình theo dõi trước sanh, truy tìm các dị tật TĐTHBS, phác đồ chẩn đoán và xử trí sớm các trẻ TĐTHBS thống nhất từ bệnh viện sản đến bệnh viện nhi.

Số hồ sơ lưu: HCM-037-2021

### 30221. Ung thư học và phát sinh ung thư

82165.07-2022 **Nghiên cứu điều trị ung thư buồng trứng bằng liệu pháp vi rút tiêu hủy u (Oncolytic Virotherapy)/** TS. Đặng Thành Chung, PGS. TS. Nguyễn Lĩnh Toàn; PGS. TS. Hồ Anh Sơn; GS. TS. Nguyễn Đăng Hiền; TS. Ngô Thu Hương; TS. Nguyễn Thúy Hương; CN. Phạm Anh Thư; CN. Nguyễn Xuân Hòa; PGS. TS. Nguyễn Việt Trung; ThS. Đào Thế Anh; TS. Hoàng Văn Tổng; ThS. Ngô Thu Hằng; TS. Lê Thanh Đức; TS. Đoàn Lực; TS. Nguyễn Phú Hùng - Hà Nội - Học viện Quân y, 2021; 06/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được quy trình tạo chế phẩm chứa vi rút sợi giảm độc lực sử dụng trong điều trị ung thư. Đánh giá được tính an toàn và tác dụng kháng tế bào ung thư buồng trứng của chế phẩm trên thực nghiệm. Đánh giá kết quả liệu pháp vi rút tiêu hủy u trong điều trị ung thư buồng trứng.

Số hồ sơ lưu: 19655

82254.07-2022 **Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật xạ trị trong, chọn lọc bằng hạt vi cầu phóng xạ Resin Y-90 và kỹ thuật định lượng PIVKA-II, AFP, AFP-L3 trong điều trị ung thư biểu mô tế bào gan/ GS.** TS. Mai Trọng Khoa, PGS. TS. Vũ Đăng Lưu; PGS. TS. Trần Đình Hà; PGS. TS. Phạm Cẩm Phương; BS. Nguyễn Duy Anh; TS. Phạm Văn Thái; BS. Trần Hải Bình; BS. Lê Quang Hiền; ThS. Bùi Tiến Công; BSCKI. Trần Thu Hạnh; ThS. Vũ Lệ Thương; ThS. Bùi Bích Mai; ThS. Vũ Thị Thu Hiền; TS. Nguyễn Thuận Lợi; GS. TS. Phạm Minh Thông; BSNT. Trịnh Hà Châu; TS. Lê Văn Kháng; ThS. Đỗ Đăng Tân; ThS. Lê Đức Thọ - Hà Nội - Bệnh viện Bạch Mai, 2021; 07/2018 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được quy trình ứng dụng kỹ thuật xạ trị trong chọn lọc bằng hạt vi cầu phóng xạ Resin Y-90 trong điều trị ung thư biểu mô tế bào gan (HCC). Đánh giá hiệu quả của kỹ thuật xạ trị trong chọn lọc bằng hạt vi cầu phóng xạ Resin Y-90 điều trị ung thư biểu mô tế bào gan (HCC). Đánh giá giá trị của nồng độ PIVKA-II, AFP, AFP-L3 huyết thanh trong theo dõi kết quả điều trị

ung thư biểu mô tế bào gan bằng hạt vi cầu phóng xạ Resin Y-90

Số hồ sơ lưu: 19671

82270.07-2022 **Nghiên cứu đánh giá tình hình mắc bệnh ung thư trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và đề xuất các giải pháp phòng ngừa/ BS CKII.** Nguyễn Thanh Hải, ThS. Nguyễn Đắc Ca - Vĩnh Phúc - Sở Y tế tỉnh Vĩnh Phúc, 2018; 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định tỷ lệ mắc ung thư của người dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong 2 năm 2017-2018; Tìm hiểu một số yếu tố nguy cơ gây mắc bệnh ung thư; Nghiên cứu tổng quan trong nước, ngoài nước về bệnh ung thư. Đánh giá thực trạng bệnh ung thư và các yếu tố nguy cơ trên địa bàn tỉnh; Đề xuất các giải pháp phòng ngừa bệnh ung thư trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: VPC-013-2020

### **30304. Dinh dưỡng; Khoa học về ăn kiêng**

81481.07-2022 **Thu nhận, xác định cấu trúc và đánh giá khả năng kiểm soát béo phì của chất nhầy hạt é (*Ocimum basilicum Lamiaceae*)/ PGS.** TS. Tôn Thất Quang, Nguyễn Thiên Trường Vân; Trần Văn Hiếu; Nguyễn Cao Trí; Nguyễn Hoàng An; Nguyễn Lê Duy - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 12/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu nhận được chất nhầy từ hạt cây *O. basilicum* L; Xác định thành phần hóa học và cấu trúc polysaccharide của chất nhầy từ hạt cây *O. basilicum* L.; Đánh giá một số đặc điểm và khả năng hấp thu lipid của chất nhầy in vitro; Đánh giá khả năng giảm béo của chất nhầy trên mô hình chuột béo phì do khẩu phần ăn.

Số hồ sơ lưu: HCM-007-2021

### 30399. Các vấn đề y tế khác

82360.07-2022 **Nghiên cứu thực trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết trong vùng đồng bào dân tộc ít người trên địa bàn tỉnh Lai Châu/ PGS.TS Lã Ngọc Quang, PGS.TS. Lã Ngọc Quang; ThS. Dương Kim Tuấn; TS. Dương Đình Đức; TS. Đặng Vũ Phương Linh; CN. Nguyễn Văn Tuấn; BS.CK 2. Phạm Văn Mẫn; KS. Tạ Anh Hà; TS. Phạm Văn Tân; CN. Lò Thị Duyên; ThS. Lê Thị Thắm - Hà Nội - Trường Đại học Y tế Công cộng, 2020 - 07/2017 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Theo số liệu từ Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2009, cả nước có 9 tỉnh có trên 5% dân số nam 15 - 19 tuổi và 14 tỉnh có trên 5% dân số nữ 15 - 17 tuổi đã từng kết hôn. Tình trạng kết hôn của riêng nữ cũng tương tự, 23/63 tỉnh có trên 10% dân số nữ 15 - 19 tuổi đang hoặc đã từng có chồng. Các tỉnh có tỷ lệ tảo hôn cao nhất là những tỉnh miền núi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống như: Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai, Hà Giang, Kon Tum. Theo Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển dân số thuộc Tổng cục DS -

KHHGD, ở một số dân tộc thiểu số như Lô Lô, Hà Nhì, Chứt, Phù Lá, Ê Đê, Chu Ru, Si La, Pu Péo, Mông, Rơ Mân, Brâu... cứ 100 trường hợp kết hôn thì trung bình có 10 trường hợp hôn nhân cận huyết thống. Nghèo đói, thiếu ăn, thiếu mặc, không có việc làm và tương lai mù mịt phía trước, tất cả những điều này đã trở thành một vòng luẩn quẩn ở các làng, bản, thôn, buôn có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao tại vùng dân tộc thiểu số.

Số hồ sơ lưu: LCU- KQNC-2021-024

### 30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc

82508.07-2022 **Nghiên cứu nuôi cấy rễ tơ cây ké hoa đào (*Urena lobata* L.) nhằm thu nhận nguyên liệu sản xuất hoạt chất điều trị tiểu đường tuýp 2/ PGS. TS. Quách Ngô Diễm Phương, Vũ Thị Bạch Phượng; Cao Minh Đại; Bùi Lan Anh; Hoàng Thị Thanh Minh; Trà Đông Phương; Nguyễn Thụy Vy; Bùi Văn Lệ; Phạm Thị Ánh Hồng - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2020 - 10/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Khai thác nguồn rễ thực vật có tiềm năng sử dụng điều trị tiểu đường tuýp 2. Ứng dụng công nghệ sinh học thực vật (nuôi cấy rễ tơ, tối ưu hóa điều kiện nuôi cấy, can thiệp con đường biến dưỡng hoạt chất trong nuôi cấy thực vật...) trong tạo rễ có hoạt tính cao trong kiểm soát glucose máu. Chứng minh rễ Ké hoa



đào là nguồn nguyên liệu có hoạt tính điều trị tiểu đường tuýp 2. Xác định nhóm hoạt chất chính có trong rễ Ké hoa đào mang hoạt tính điều trị tiểu đường tuýp 2. Thiết lập quy trình nuôi cấy rễ tơ Ké hoa đào trên hai mô hình bioreactor và thủy canh. Ứng dụng một số chiến lược trong tăng sinh sinh khối rễ cũng như tăng sinh tích lũy hoạt chất đích trên nguồn rễ nuôi cấy tối ưu. Tiêu chuẩn hóa rễ tạo thành theo dược điển Việt nam với hoạt tính chính là điều trị tiểu đường tuýp 2 cao hơn so chứng dương Arcarbose đang được sử dụng khá phổ biến hiện nay trên thị trường.

Số hồ sơ lưu: HCM-044-2021

#### **30404. Hoá dược học**

82091.07-2022 **Áp dụng sáng chế US6833143B1 không bảo hộ tại Việt Nam để phát triển sản phẩm hỗ trợ điều trị Alzheimer từ rau đắng biển Việt Nam/** TS. Hoàng Đức Mạnh, ThS. Đào Anh Hoàng; PGS.TSKH. Nguyễn Minh Khôi; ThS. Phan Văn Trường; TS. Nguyễn Thị Phương; PGS.TS. Đỗ Thị Hà; TS. Nguyễn Văn Tài; PGS.TS. Phạm Thị Nguyệt Hằng; ThS. Phan Thị Phương; TS. Trần Minh Ngọc - Hà Nội - Viện Dược Liệu, 2021; 11/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu thập và đánh giá nguồn nguyên liệu đầu vào của rau đắng biển. Nghiên cứu giải mã qui trình công nghệ từ patent US6833143B1 để chiết xuất cao rau đắng biển giàu bacoside với hàm lượng trên 20%. Nghiên cứu tác dụng dược lý và bào chế tạo sản phẩm viên nén bao phim

từ cao chiết rau đắng biển Memonimm. Đánh giá độ ổn định của chế phẩm viên nén bao phim Memonimm.

Số hồ sơ lưu: 19632

82130.07-2022 **Nghiên cứu sản xuất 11 vắc xin mẫu chuẩn quốc gia dùng cho kiểm định vắc xin thuộc chương trình sản phẩm quốc gia vắc xin phòng bệnh cho người/** TS. Đoàn Hữu Thiển, TS. Nguyễn Thị Kiều; TS. Phạm Văn Hùng; ThS. Lê Thị Hoàng Yến; ThS. Nguyễn Thị Lý; CN. Lưu Thị Dung; TS. Ngô Thu Hương; TS. Nguyễn Anh Tuấn; TS. Nguyễn Lan Phương; ThS. Đàm Thị Thu Ngân - Hà Nội - Viện kiểm định quốc gia vắc xin và sinh phẩm y tế, 2021; 12/2016 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu công nghệ sản xuất, quy trình kiểm định 11 vắc xin mẫu chuẩn quốc gia bao gồm bạch hầu, ho gà vô bào, uốn ván, viêm gan B tái tổ hợp, viêm não Nhật Bản sản xuất trên tế bào Vero, sởi, rota sống giảm độc lực, rubella, thương hàn Vi, Hib, bất liệt bất hoạt. Xây dựng tiêu chuẩn cho 11 vắc xin mẫu chuẩn quốc gia theo hướng dẫn của WHO. Sản xuất 11 vắc xin mẫu chuẩn quốc gia đạt tiêu chuẩn mẫu chuẩn quốc gia theo tiêu chuẩn của WHO với số lượng đủ dùng trong 5-10 năm.

Số hồ sơ lưu: 19636

82131.07-2022 **Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí chẩn đoán theo y học cổ truyền và ứng dụng công nghệ tiên tiến bào chế bài thuốc y học cổ truyền điều trị suy thận mạn/** ThS. Đặng Trường Giang,

PGS.TS. Vũ Bình Dương; PGS.TS. Phạm Xuân Phong; PGS.TS. Nguyễn Lĩnh Toàn; PGS.TS. Hồ Anh Sơn; TS. Trịnh Hoài Nam; TS. Nguyễn Văn Thư; TS. Đặng Thành Chung; TS. Phạm Văn Hiến; ThS. Trần Thị Tuyết Nhung; TS. Nguyễn Trọng Điệp; ThS. Hồ Bá Ngọc Minh; ThS. Lại Duy Nhất - Hà Nội - Học viện Quân y, 2021; 07/2018 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng bộ tiêu chí bệnh danh, tiêu chuẩn, chẩn đoán, tiêu chuẩn phân thể suy thận mạn theo y học cổ truyền. Xây dựng mô hình suy thận mạn có tổn thương cầu thận, ống thận để đánh giá tác dụng của thuốc. Nghiên cứu quy trình công nghệ chiết xuất cao và bào chế viên nang từ bài thuốc y học cổ truyền điều trị suy thận mạn. Nghiên cứu quy trình chiết phân đoạn giàu hoạt chất từ dược liệu có tác dụng hỗ trợ điều trị suy thận mạn. Đánh giá tác dụng bảo vệ thận của viên nang, phân đoạn giàu hoạt chất trên mô hình động vật thực nghiệm và hiệu quả điều trị suy thận mạn của viên nang trên lâm sàng.

Số hồ sơ lưu: 19640

### **30499. Dược học khác**

82002.07-2022 Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất thuốc viên Indapamid 1,5mg và Felodipin 5mg giải phóng kéo dài/ ThS. Phạm Thị Thanh Hương, TS. Nguyễn Thị Thanh Duyên; DSK1. Tô Thị Kim Quyên; ThS. Huỳnh Thế Duy; DSK1. Nguyễn Thị Hải Lý; ThS. Trần Đình Khải; DSK1. Đỗ Thị Hoa Hường; DSK1. Trương Thị Mỹ Vân; DSK1. Bạch Hồng;

DSCK1. Nguyễn Ngọc Dũng - Bình Định - Công ty Cổ Phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar), 2020 - 06/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện được quy trình công nghệ sản xuất thuốc viên Indapamid 1,5mg, Felodipin 5mg giải phóng kéo dài. Đánh giá được tương đương sinh học của thành phẩm so với thuốc đối chiếu. Dự án hoàn thành, tạo ra sản phẩm sản xuất trong nước với chất lượng tương đương thuốc ngoại nhập, giúp bệnh nhân có điều kiện tuân thủ điều trị lâu dài, ổn định huyết áp, giảm đau thắt ngực, giảm biến chứng và tử vong, nâng cao chất lượng cuộc sống, đây là vấn đề có ý nghĩa thực tiễn và cấp thiết.

Số hồ sơ lưu: 19598

### **30502. Công nghệ sinh học liên quan đến thao tác với các tế bào, mô, cơ quan hay toàn bộ sinh vật (hỗ trợ sinh sản); công nghệ tế bào gốc**

82166.07-2022 Nghiên cứu ứng dụng liệu pháp tế bào CAR-T trong điều trị bạch cầu nguyên bào lympho cấp/ PGS. TS. Cần Văn Mão, TS. Đặng Thành Chung; PGS. TS. Nguyễn Lĩnh Toàn; TS. Chủ Văn Mến; TS. Phạm Thế Tài; PGS. TS. Nguyễn Văn Ba; ThS. Hồ Việt Hoàn; BSK1. Phạm Khánh Hưng; TS. Lê Quang Hòa; TS. Phùng Thị Thủy - Hà Nội - Học viện Quân y, 2021; 06/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tạo khối tế bào CAR-T nhận biết protein CD19 điều trị bệnh ALL: Tạo khối tế bào CAR-T; Tối ưu hóa tạo khối tế bào CAR-T; Đánh giá chất lượng khối tế bào CAR-T; Xây dựng bộ tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm khối tế bào CAR-T. Nghiên cứu thử nghiệm tiền lâm sàng liệu pháp tế bào CAR-T điều trị bệnh ALL: Thử nghiệm tiền lâm sàng liệu pháp CAR-T hướng đích CD19 in vitro; Thử nghiệm tiền lâm sàng các tế bào CAR-T trên mô hình chuột.

Số hồ sơ lưu: 19654

### **30599. Công nghệ sinh học y học khác**

82578.07-2022 **Phân tích hàm lượng các nguyên tố kim loại trong mẫu móng tay chân của các bệnh nhân ung thư bằng phương pháp phân tích hạt nhân nguyên tử/** PGS.TS. Huỳnh Trúc Phương, PGS.TS. Trương Thị Hồng Loan; PGS.TS. Nguyễn Văn Đông; ThS. Nguyễn Thị Trúc Linh; TS. Đinh Thanh Bình; TS. Trần Tuấn Anh; TS. Hồ Mạnh Dũng - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 08/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan về ung thư và vai trò của nguyên tố kim loại trong cơ thể người. Thu tập và chuẩn bị mẫu móng tay (móng chân) của bệnh nhân ung thư vú và ung thư đại trực tràng. Chiếu và đo hoạt độ mẫu trên lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt (phân tích bằng kỹ thuật NAA), kích thích huỳnh quang tia X (phân tích bằng kỹ thuật TXRF),

và kích thích phổ nguyên tử (phân tích bằng kỹ thuật ICP-MS). Phân tích hàm lượng các nguyên tố kim loại trong móng tay chân của các bệnh nhân ung thư nhằm thu được bộ số liệu quan trọng để nhận dạng các yếu tố gây nguy cơ ung thư, giúp bác sỹ chẩn đoán bệnh nhanh chóng và hiệu quả, giúp dược sỹ có thể bào chế các loại thuốc đặc trị ngăn ngừa và điều trị ung thư.

Số hồ sơ lưu: 19593

### **4. Khoa học nông nghiệp**

82333.07-2022 **Duy trì, phát triển và xây dựng nhãn hiệu Gà Tàu Vàng Hậu Giang/** ThS. Nguyễn Công Uẩn, PGS.TS Đỗ Võ Anh Khoa; KS. Trần Văn Bằng; BS. Phạm Văn Tâm; KS. Bùi Chí Nguyên; KS. Đinh Hữu Tài; KS. Nguyễn Thị Thanh Hiếu - Hậu Giang - Trung tâm Giống Nông nghiệp tỉnh Hậu Giang (nay là Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Hậu Giang), 2020 - - 04/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Dự án “*Duy trì, phát triển và xây dựng nhãn hiệu Gà Tàu Vàng Hậu Giang*” đạt một số kết quả như sau: Xây dựng 02 mô hình chăn nuôi Gà tàu Vàng sinh sản bố mẹ với qui mô 1.500 con. Xây dựng 06 mô hình chăn nuôi Gà Tàu Vàng thịt (3.000 con) trong nông hộ tại các huyện/thị trong tỉnh Hậu Giang. Xuất bản 300 quyển “*Cẩm nang nuôi Gà Tàu Vàng*” ngắn gọn, dễ hiểu, dễ áp dụng cho cán bộ kỹ thuật và người chăn nuôi. Xây dựng trang Web riêng với tên miền <http://giongnongnghiephaugian.g.vn> giao diện thân thiện, dễ sử

dụng, đầy đủ thông tin, dễ cập nhật. Đăng ký được nhãn hiệu chứng nhận “Gà Tàu Vàng Hậu Giang” để làm một trong những sản phẩm thương hiệu của nông nghiệp Hậu Giang. Thời hạn nhãn hiệu 10 năm kể từ ngày 26/4/2018. Đăng trên tạp chí Khoa học kỹ thuật chăn nuôi, trường Đại học Cần Thơ 01 bài báo khoa học.

Số hồ sơ lưu: hgi-2020-007

#### **40102. Thổ nhưỡng học**

81928.07-2022 **Nghiên cứu sử dụng đất hợp lý ứng phó với khô hạn vùng duyên hải Nam Trung Bộ/** GS.TS. Nguyễn Hữu Thành, TS. Luyện Hữu Cử; PGS.TS. Cao Việt Hà; TS. Nguyễn Thu Hà; TS. Ngô Thanh Sơn; ThS. Nguyễn Đức Hùng; ThS. Nguyễn Văn Thao; ThS. Trần Hùng; ThS. Phạm Vũ Bảo; ThS. Nguyễn Văn Chính - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2020 - 01/2007 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định vùng khô hạn theo 02 kịch bản biến đổi khí hậu cho Việt Nam năm 2016 (RCP 4.5 và RCP 8.5) trên địa bàn 3 tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận. Đánh giá tình hình sử dụng đất nông nghiệp và đề xuất chuyển đổi cơ cấu cây trồng ứng phó với các kịch bản biến đổi khí hậu trên địa bàn 3 huyện Hàm Thuận Bắc (Bình Thuận), huyện Ninh Hòa (Khánh Hòa) và huyện Ninh Phước (Ninh Thuận). Nghiên cứu một số giải pháp kỹ thuật ứng phó với khô hạn trong vùng duyên hải Nam Trung Bộ và xây dựng mô hình sử dụng đất hiệu quả ứng phó

với khô hạn trên địa bàn của 3 huyện trên.

Số hồ sơ lưu: 19573

#### **40103. Cây lương thực và cây thực phẩm**

79998.07-2022 **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phát triển giống lúa Tẻ Râu, hình thành vùng sản xuất hàng hóa tại huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu/** TS. Nguyễn Mai Thom, ThS Nguyễn Ngọc Dũng; ThS Vũ Xuân Hải; ThS Nguyễn Thu Thủy; ThS Nguyễn Thị Năng; ThS Nguyễn Thị Ngân; ThS Lại Thị Phượng; ThS Vũ Hữu Lương - Lai Châu - Trung tâm Thực nghiệm và đào tạo nghề, 2018; 09/2014 - 01/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tẻ Râu là giống lúa địa phương trên địa bàn huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã được phục tráng thành công các ưu điểm của giống như: thời gian sinh trưởng ngắn, cây được cả vụ xuân và vụ mùa, hạt thóc to, dài, cơm có mùi thơm dẻo. Do vậy để kế thừa và phát huy kết quả của đề tài: “*Phục tráng và phát triển giống lúa tẻ râu tại huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu*” để đem lại hiệu quả kinh tế cho người dân tại địa phương thì cần thiết phải xây dựng vùng sản xuất lúa thương phẩm, xây dựng nhãn hiệu chứng nhận để bảo hộ và quảng bá cho gạo Tẻ Râu Phong Thổ. Xuất phát từ đề tài pha 1 và ý tưởng trên mà chúng tôi thực hiện dự án: “*Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phát triển giống lúa Tẻ Râu, hình thành vùng sản xuất hàng hóa tại huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu*”.

Số hồ sơ lưu: LCU- KQNC-2021-008

79999.07-2022 **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phát triển giống lúa Khẩu ký, hình thành vùng sản xuất hàng hóa tại huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu/** TS Nguyễn Mai Thơm, TS Nguyễn Mai Thơm; ThS Nguyễn Ngọc Dũng; PGS. TS. Nguyễn Văn Cương; ThS Nguyễn Thu Thủy; ThS Lại Thị Phượng; ThS Vũ Xuân Hải; ThS Nguyễn Thị Ngân; KS Đinh Nguyệt Thu; KS. Ngô Doãn Bình - Lai Châu - Trung tâm Thực nghiệm và đào tạo nghề, 2018; 09/2014 - 01/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khẩu Ký là giống lúa địa phương trên địa bàn Lai Châu đã được phục tráng thành công lại các ưu điểm của giống như: hạt thóc to, dài, cơm có mùi thơm dẻo, chống chịu tốt với điều kiện khí hậu bất thuận. Do vậy để kế thừa và phát huy kết quả của đề tài “*Phục tráng giống lúa Khẩu Ký, Nếp Tan địa phương của huyện Tân Uyên tỉnh Lai Châu*” để đem lại hiệu quả kinh tế cho địa phương thì cần thiết phải xây dựng vùng sản xuất lúa thương phẩm, xây dựng nhãn hiệu chứng nhận để bảo hộ và quảng bá cho gạo Khẩu Ký tại Lai Châu. Xuất phát từ ý tưởng trên mà chúng tôi thực hiện dự án: “*Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phát triển giống lúa Khẩu Ký, hình thành vùng sản xuất hàng hóa tại huyện Tân Uyên tỉnh Lai Châu*”.

Số hồ sơ lưu: LCU- KQNC-2021-009

80019.07-2022 **Xây dựng mô hình thử nghiệm một số giống lúa**

**chịu lạnh, ngô chịu hạn tại một số xã vùng cao tại các huyện: Phong Thổ, Sìn Hồ và Tam Đường/** KS Hoàng Đình Chinh, KS Hoàng Đình Chinh; KS Đặng Đình Thản; KS Nguyễn Văn Bình; KS Vũ Đình Trí; KS Nguyễn Duy Hồng; KS Nguyễn Duy Giang; KS Đào Văn Bình; KS Trần Đức Phúc - Lai Châu - Trung tâm Khuyến nông, 2016; 06/2013 - 12/2015. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tỉnh Lai Châu có nhiều tiểu vùng khí hậu khác nhau, các xã vùng cao thường có khí hậu lạnh hơn so với các vùng khác, vì vậy khi sản xuất lúa vụ Đông xuân thường bị kéo dài thời gian sinh trưởng so với đặc tính của giống từ 15 - 20 ngày, gây khó khăn cho việc bố trí thời vụ, ảnh hưởng đến thời vụ mùa và sản xuất cây vụ đông. Bên cạnh đó, hàng năm với khoảng 6.200 ha lúa vụ Đông xuân gieo cấy trên địa bàn các huyện trong tỉnh vẫn thường gặp khó khăn do rét đậm, rét hại gây ra làm chết mạ và lúa gieo sạ, ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng. Như vậy để sản xuất lúa 02 vụ có hiệu quả và chủ động trong việc bố trí mùa vụ, từ đó có thể sản xuất cây trồng vụ đông cần tìm ra các giống lúa có khả năng chịu lạnh, có thời gian sinh trưởng trung bình, thích nghi với điều kiện khí hậu thời tiết tại địa phương. Việc thử nghiệm một số giống lúa chịu lạnh để đánh giá khả năng sinh trưởng phát triển từ đó lựa chọn, đưa vào sản xuất, khắc phục những hạn chế của các giống lúa hiện nay là việc làm rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay của tỉnh Lai Châu.

Số hồ sơ lưu: LCU- KQNC-2021-013

80271.07-2022 **Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào canh tác lúa - màu trong điều kiện hạn và mặn ở tỉnh Hậu Giang/ TS.** Trịnh Quang Khương, - Cần Thơ - Viện Lúa Đồng bằng Sông Cửu Long, 2020 - 11/2017 - 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), trong đó có tỉnh Hậu Giang đang chịu tác động mạnh của hạn hán, xâm nhập mặn, thiếu nước ngọt cho canh tác lúa vụ Xuân Hè. Cần thiết bổ sung các giống lúa mới có khả năng chịu hạn, mặn vào cơ cấu giống hiện tại. Ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật canh tác tổng hợp, những chế phẩm mới vào kỹ thuật canh tác lúa, nhằm làm giảm thiệt hại do tác động của biến đổi khí hậu. Chuyển đổi một phần diện tích canh tác lúa vụ Xuân Hè kém hiệu quả sang trồng cây màu, đó là cây đậu bắp Nhật Bản xuất khẩu có giá trị cao. Xây dựng được các quy trình canh tác lúa, quy trình canh tác đậu bắp Nhật Bản trên nền lúa và chuyển giao các quy trình canh tác này đến với nông dân.

Số hồ sơ lưu: hgi-2020-003

80500.07-2022 **Ứng dụng chế phẩm sinh học sản xuất phân hữu cơ phục vụ sản xuất một số giống rau và rau thương phẩm an toàn tại tỉnh Lai Châu/ KS.** Ngô Thanh Hùng, KS. Ngô Thanh Hùng; KS. Hoàng Văn Toàn; ThS. Trần Thị Huế; KS. Trần Ích Khiêm; CN. Nguyễn Thanh Tuấn; Ks. Trần Thị Diệu Thúy - Lai Châu - trung tâm

Kiểm định và Phát triển KHCN, 2018; 09/2016 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tỉnh Lai Châu xác định trong thời gian tới sản xuất nông nghiệp hữu cơ là hướng đi chính tuy nhiên tới nay chưa có nhà máy sản xuất phân hữu cơ sinh học nào. Việc ứng dụng chế phẩm Compost Maker để xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp thành nguyên liệu sản xuất phân bón HCVS, tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có ở địa phương như: rơm rạ, thân lá ngô, thân lá đậu tương...phân gia súc gia cầm để sản xuất phân HCVS không những làm giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm mà còn góp phần giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường do sản xuất nông nghiệp gây ra. Phối hợp với các tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển giao nhiều tiến bộ KHCN thiết thực vào sản xuất và đời sống tại các địa phương trong tỉnh, góp phần tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo trên địa bàn tỉnh. Trước nhu cầu thực tế tại tỉnh về vấn đề rau xanh có chất lượng tốt, có nguồn gốc xuất xứ. Trung tâm xây dựng dự án **“Ứng dụng chế phẩm sinh học sản xuất phân hữu cơ phục vụ sản xuất một số giống rau và rau thương phẩm an toàn tại tỉnh Lai Châu”**

Số hồ sơ lưu: LCU- KQNC-2021-018

82242.07-2022 **Nghiên cứu hoàn thiện biện pháp kỹ thuật canh tác tổng hợp vườn cây lê thời kỳ đầu kinh doanh tại huyện Tam Đường và Phong Thổ, tỉnh Lai Châu/ Hà Mạnh Phong, ThS. Hà**

Mạnh Phong ; ThS Nguyễn Ngọc Huân; KS. Phạm Thị Quyên; KTV Nguyễn Huy Chương; KS. Trần Thị Hoài Thu; Triệu Khánh Dư; Điều Chính Duy - Sapa - Trung tâm nghiên cứu và phát triển cây ôn đới, 2021; 05/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mô hình các giống lê mới tại các huyện Tam Đường, Phong Thổ đánh giá sau 3 năm trồng cho thấy cây sinh trưởng phát triển tốt, ít sâu bệnh hại, tiềm năng cho năng suất và chất lượng cao. Tuy nhiên, trong phạm vi của các dự án trước đây chưa nghiên cứu sâu đến biện pháp kỹ thuật canh tác, nhất là biện pháp quản lý tổng hợp cho cây lê thời kỳ đầu kinh doanh. Điều này rất quan trọng đối với cây lê bởi vì đây là giai đoạn cần có sự chăm sóc, cắt tỉa cành, vít cành tạo tán, phòng trừ dịch hại... một cách cẩn thận và chu đáo để đảm bảo ổn định mật độ trồng, tạo cho cây có bộ khung tán tốt, khỏe mạnh, cân đối làm cơ sở tạo nên diện tích cành, tán lá hợp lý có khả năng cho năng suất và chất lượng cao ở thời kỳ kinh doanh sau này.

Số hồ sơ lưu: LCU- KQNC-2021-020

82244.07-2022 **Phục tráng giống lúa nếp Khẩu Hóc tại huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu/** ThS. Nguyễn Xuân Dũng, ThS. Nguyễn Xuân Dũng; ThS. Nguyễn Văn Trung; ThS. Nguyễn Văn Bằng; TS. Hoàng Tuyền Phương; KS. Vũ Thị Khuyên; ThS. Đàm Quang Minh; KS. Trần Hậu Hùng; ThS. Nguyễn Thị Bạch Thông - Hà Nội - Trung tâm Chuyển giao công nghệ và

Khuyến nông, 2021; 05/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm của giống lúa nếp Khẩu Hóc đảm bảo có chất lượng tốt đáp ứng nhu cầu của thị trường, mở rộng khu vực canh tác, nâng cao thu nhập của người dân trên địa bàn huyện thì cần phải phục tráng lại giống lúa đồng thời phải nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật canh tác. Bên cạnh đó, việc khai thác phát triển du lịch sinh thái là mục tiêu chiến lược của huyện cần phát triển trong thời gian tới. Do vậy, việc phát triển các sản phẩm truyền thống, đặc trưng của vùng làm sản phẩm phục vụ du lịch, thương mại là nhu cầu tất yếu, trong đó có giống lúa nếp Khẩu Hóc. Xuất phát từ những thực tế trên, UBND tỉnh Lai Châu đã phê duyệt đề tài: “Phục tráng giống lúa nếp Khẩu Hóc tại huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu” thực hiện trong 32 tháng, từ tháng 5 năm 2018 đến tháng 12 năm 2020 do Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Khuyến nông chủ trì.

Số hồ sơ lưu: LCU- KQNC-2021-021

82430.07-2022 **Phát triển sản xuất giống lúa nếp Khẩu Nua Lếch Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn/** TS. Lưu Ngọc Quyên, TS. Lưu Ngọc Quyên; ThS. Hà Mạnh Phong; CN. Trần Thị Như Ngọc; ThS. Nguyễn Văn Chinh; KS. Lưu Thị Thanh Huyền; KS. Phạm Thị Xuyên; Vũ Thị Tuyết; Ngô Quang Trung. - TS. Lưu Ngọc Quyên; ThS. Hà Mạnh Phong; CN. Trần Thị Như Ngọc; ThS. Nguyễn

Văn Chinh; KS. Lưu Thị Thanh Huyền; KS. Phạm Thị Xuyên; Vũ Thị Tuyết; Ngô Quang Trung. - Viện KHKT nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc, 2016; 01/2014 - 12/2015. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định được vùng mở rộng diện tích giống lúa Khẩu Nua Lếch tại huyện Ngân Sơn, sản phẩm gạo đạt tiêu chuẩn bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa. Áp dụng biện pháp kỹ thuật canh tác mới xây dựng 30 ha mô hình sản xuất lúa thương phẩm tại vùng đã được bảo hộ nhãn hiệu, gồm: Thượng Quan 21 ha; Thuận Mang 5 ha và Thượng Ân 4 ha. Đăng ký nhãn hiệu tập thể cho giống lúa Khẩu Nua Lếch với tên gọi “Gạo nếp Khẩu Nua Lếch Ngân Sơn” của vùng Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Xác định vùng sản xuất giống lúa nếp Khẩu Nua Lếch tại huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn: Tại 5 xã gồm: Thượng Quan, Thuận Mang, Thượng Ân, Bằng Vân và Cốc Đán huyện Ngân Sơn. Hoàn thiện kỹ thuật canh tác giống lúa Khẩu Nua Lếch. Xây dựng nhãn hiệu tập thể gạo nếp Khẩu Nua Lếch Ngân Sơn. Xây dựng mô hình sản xuất lúa thương phẩm.

Số hồ sơ lưu: 02/Quyển số 01-STD-QLCN&CN

#### **40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả**

80496.07-2022 **Nghiên cứu, tuyển chọn dòng Maccadamia có khả năng cho năng suất quả cao từ các dòng đã khảo nghiệm tại tỉnh Lai Châu/** Nguyễn Thị Vân Anh, Ths. Nguyễn Thị Vân Anh; ThS. Bùi Thanh Hằng; ThS. Nguyễn Quang Hưng; ThS. Trần Hoàng Quý; Ths.

Trịnh Ngọc Bon; Ths. Ninh Việt Khương; Ths. Phạm Quang Tuyền; CN. Nguyễn Thị Hoài ANh; Ths. Bùi Thanh Tân; ThS. Nguyễn Thanh Sơn - Lai Châu - Viện Nghiên cứu Lâm sinh, 2019; 08/2016 - 03/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá được thực trạng các mô hình đã trồng (khả năng ra hoa, đậu quả, năng suất quả), tuyển chọn được các dòng có năng suất quả cao và hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc Macadamia tại Lai Châu.

Số hồ sơ lưu: LCU- KQNC-2021-017

80821.07-2022 **Xây dựng vườn giống đầu dòng và vườn mô hình trồng thương phẩm cây hoa địa lan lai (*Cymbidium*) có hương thơm tại Bắc Hà/** KS. Nguyễn Lê Chi, ThS. Mai Văn Sơn; KS. Vũ Ngọc Trường; KS. Trần Thị Phượng; KS. Nguyễn Thị Lương; KS. Sa Thu Giang; KS. Nguyễn Đình Dư; KS. Vũ Minh Thành - Lào Cai - Công ty cổ phần kinh doanh xuất nhập khẩu Việt Tú, 2020 - 06/2016 - 02/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, xây dựng vườn cây giống đầu dòng hoa địa lan lai có hương thơm quy mô 1000 m<sup>2</sup> với số lượng 10.000 cây giống tại Thung Lũng Hoa, thôn Sân Bay 1, xã Thái Giàng Phố, huyện Bắc Hà: Chọn lọc và trồng hoa địa lan có hương thơm; Cung cấp chồi để nhân giống phục vụ sản xuất đại trà; Theo dõi khả năng sinh trưởng, phát triển, tình hình sâu bệnh hại tại vùng sinh thái Bắc Hà. Thực hiện các thí nghiệm



nhằm hoàn thiện quy trình. Xây dựng vườn mô hình trồng thương phẩm hoa địa lan lai có hương thơm. Biên soạn tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, tập huấn kỹ thuật, tổ chức hội nghị đầu bờ,...

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2020-004

80828.07-2022 **Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phát triển sản xuất nấm hương (*Lentinula edodes*) và nấm dược liệu (nấm linh chi, nấm Đầu khỉ) theo hướng sản xuất hàng hóa tại Lào Cai/ KS. Hoàng Trung Thông, Không CN. Phùng Thuỳ Dung; CN. Đào Hoàng Anh; Nguyễn Thị Huế; Nguyễn Thị Kim Thảo; TỰ Văn Nhiên - Lào Cai - Công ty TNHH thương mại dịch vụ Cát Lợi Lai, 2020 - 11/2017 - 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Ứng dụng những kết quả nghiên cứu KH&CN trong lĩnh vực sinh học nông nghiệp. Ứng dụng thành công 09 kỹ thuật nhân giống, nuôi trồng nấm đầu khỉ, linh chi, nấm hương tại tỉnh Lào Cai. Xây dựng được 03 mô hình trồng nấm (Mô hình nhân giống nấm dạng dịch thể; mô hình sản xuất nấm tập trung thương phẩm; mô hình sản xuất nấm tại 10 hộ gia đình). Công bố hợp quy chất lượng 03 loại nấm, đào tạo 05 kỹ thuật viên nhân giống và nuôi trồng và tổ chức lớp tập huấn kỹ thuật cho 100 hộ nông dân trong vùng dự án.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2020-010

81342.07-2022 **Nghiên cứu, xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu an toàn thực phẩm cho sản phẩm chè trên địa bàn tỉnh Phú**

**Thọ/ ThS. Hoàng Văn Huy, Đặng Thị Thu Trang; Nguyễn Tuấn Anh; Trần Duy Hiền; Đinh Đức Long; Nguyễn Thụy Cường; Đinh Đức Lương; Tạ Thị Kim Thư; Vi Ngọc Hà; Hoàng Đỗ Thanh Tùng - Phú Thọ - Trường cao đẳng công nghiệp thực phẩm, 2018; 05/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Điều tra khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý an toàn thực phẩm cho sản phẩm chè trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Tiến hành nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu an toàn thực phẩm cho sản phẩm chè trên địa bàn của tỉnh. Cài đặt, vận hành thử nghiệm, hiệu chỉnh và hoàn thiện phần mềm. Đồng thời, xây dựng tài liệu hướng dẫn cài đặt và tập huấn cho cán bộ quản trị, sử dụng phần mềm.

Số hồ sơ lưu: PTO-014-2021

81941.07-2022 **Ứng dụng công nghệ cao để sản xuất giống sạch bệnh và thâm canh cam quy mô công nghiệp tại một số tỉnh trung du miền núi phía Bắc/ ThS. Trần Đức Phúc, KS. Vũ Thị Hoà; KS. Trần Văn Tùng; ThS. Lê Xuân Hà; KS. Nguyễn Thị Lan; TS. Vũ Văn Định; CN. Hoàng Lan Anh; GS.TS. Đỗ Năng Vịnh; TS. Lê Quốc Hùng; CN. Trịnh Hồng Sơn - Hà Nội - Viện Khoa học nông nghiệp công nghệ cao Trường Phát, 2020 - 10/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Thông qua việc áp dụng quy trình công nghệ nhân giống cam sạch bệnh quy mô công nghiệp, quy trình thâm canh tiên tiến, quản lý vườn cam theo VietGAP, ứng dụng

công nghệ tưới nhỏ giọt tiết kiệm nước kết hợp với bón phân điều khiển tự động để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả cho sản xuất cam bền vững tại một số tỉnh trung du miền núi phía Bắc. Hoàn thiện Quy trình nhân giống cam sạch bệnh quy mô công nghiệp; Quy trình canh tác cam ứng dụng công nghệ cao (tưới kết hợp bón phân điều khiển tự động, bón tự động) tại trung du miền núi phía Bắc. Quy trình được Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở thông qua.

Số hồ sơ lưu: 19586

81968.07-2022 **Hoàn thiện quy trình kỹ thuật và nhân giống vải chín sớm PH40/** ThS. Hà Quang Thuởng, Hán Thị Hồng Xuân; Đỗ Hải Long; Phùng Mạnh Hùng; Đỗ Thế Việt; Nguyễn Thị Thúy; Nguyễn Thị Duyệt - Phú Thọ - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc, 2021; 01/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống và quy trình kỹ thuật thâm canh giống vải chín sớm PH40 được công nhận cấp cơ sở. Sản xuất thử 30.000 cây giống đạt tiêu chuẩn xuất vườn. Sản xuất thử 24 ha mô hình trồng mới và 3 ha mô hình ghép cải tạo, 1 ha mô hình thâm canh giống vải PH40. Trên cơ sở quy trình nhân giống vô tính bằng phương pháp ghép và quy trình thâm canh chăm sóc giống vải chín sớm PI-I40 của dự án - các địa phương, đơn vị cùng phối hợp với cơ quan chủ trì dự án xây dựng các mô hình, kế hoạch mở rộng kết quả trong sản

xuất, cung cấp giống, tập huấn chuyển giao quy trình sản xuất mới.

Số hồ sơ lưu: 19594

82153.07-2022 **Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất hoa lan bản địa có giá trị cao tại huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên/** KS. Trần Văn Tông, CN. Nguyễn Thị Huế; KS. Nguyễn Thị Kim Dung; KTV. Nguyễn Thị Huyền; KTV. Đàm Văn Sang; PGS.TS. Đặng Văn Đông; ThS. Mai Thị Ngoan; ThS. Đặng Tiến Dũng; KS. Lê Thanh Hùng - Hưng Yên - Công ty TNHH Thủy Cam, 2021; 08/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao và tiếp nhận quy trình công nghệ, xây dựng thành công mô hình sản xuất hoa lan bản địa: Đại Châu (*Rhynchostylis gigantea* (Lindl.) Ridl.), Quế Lan Hương (*Aerides odorata* Lour.), Kiêu Tím (*Dendrobium amabile* (Lour.) O'Brien.), Kiếm Mặc Biên (*Cymbidium sinense* (Jacks.) Willd.) đem lại hiệu quả kinh tế cao gấp 1,5-2,0 lần so với sản xuất thông thường tại huyện Văn Giang - Hưng Yên.

Số hồ sơ lưu: 19646

82208.07-2022 **Nghiên cứu, thử nghiệm một số giống ớt thương phẩm nhập nội, hình thành chuỗi giá trị nhằm phát triển vùng nguyên liệu ớt phục vụ xuất khẩu trên địa bàn huyện Tam Dương/** ThS. Nguyễn Văn Khải, ThS. Nguyễn Thanh Sơn - Vĩnh Phúc - Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện Tam Dương, 2018; 01/2016 -

12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Chọn lọc một số giống ớt nhập nội có tiềm năng, năng suất cao và thị trường tiêu thụ ổn định để liên kết sản xuất ớt xuất khẩu trên địa bàn huyện Tam Dương với diện tích 190ha/3 năm, từ năm 2016 - 2018. Hình thành chuỗi giá trị phát triển vùng nguyên liệu ớt phục vụ xuất khẩu trên địa bàn huyện Tam Dương, đảm bảo đầu ra của sản phẩm đảm bảo ổn định lâu dài đóng góp vào mục tiêu chung trong việc tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Tập huấn quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, thâm canh cây ớt đạt hiệu quả cao cho hộ nông dân, cán bộ HTX. Làm nơi tham quan, học tập tuyên truyền cho nông dân về cách thức chuyển đổi cơ cấu cây trồng, liên kết sản xuất, ứng dụng các biện pháp kỹ thuật mới vào sản xuất và thâm canh cây ớt.

Số hồ sơ lưu: VPC-003-2020

**82210.07-2022 Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật để xử lý cây thanh long ruột đỏ bằng biện pháp chiếu sáng và chăm sóc, tạo ra sản phẩm quả trái vụ nhằm tăng năng suất nâng cao hiệu quả kinh tế/** TS. Hà Văn Quyết, KS. Nguyễn Văn Thái - Vĩnh Phúc - Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện Lập Thạch, 2018; 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật để xử lý cây thanh long ruột đỏ bằng biện pháp chiếu sáng và chăm sóc tạo ra sản phẩm quả trái vụ nhằm tăng năng suất nâng cao hiệu quả kinh tế. Qua việc theo dõi đánh giá

sinh trưởng, phát triển, thời điểm, thời lượng, chiếu sáng và khả năng ra hoa đậu quả trái vụ, từ đó đưa ra được quy trình chăm sóc và phương pháp xử lý chiếu sáng bằng bóng đèn điện để tạo quả trái vụ nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế. Là cơ sở để định hướng nông dân an tâm sản xuất tạo cho người dân trồng thanh long có thu nhập cao ở tất cả các thời điểm trong năm, nâng cao năng suất và giá trị của sản phẩm trên một đơn vị diện tích, giúp người dân có thể làm giàu.

Số hồ sơ lưu: VPC-005-2020

**82212.07-2022 Nghiên cứu, xây dựng quy trình trồng trọt sản xuất hữu cơ có ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trên cây dưa vàng, cây dưa chuột và cây cà chua/** CN. Lại Xuân Tôn, - Vĩnh Phúc - Trại nghiên cứu thực nghiệm sản xuất nông nghiệp công nghệ cao Vĩnh Phúc, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nhằm tạo ra các sản phẩm thật sự an toàn phục vụ nhu cầu chế biến tươi (nước ép, salad). Cải thiện môi trường sản xuất, đem lại lợi ích về sức khỏe cho người sản xuất và người sử dụng sản phẩm. Kết hợp giữa phương pháp truyền thống (sử dụng hiệu quả phân hữu cơ, thiên địch, cây xua đuổi, dẫn dụ côn trùng) với phương pháp ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật (nhà màng cải tiến, màng phủ, tưới nhỏ giọt, vi sinh vật hữu hiệu) nhằm cải thiện môi trường đất, hạn chế tối đa sử dụng phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật; giảm tỷ lệ cây chết do bệnh nứt thân xì mũ, héo xanh; xoắn lá do

virus,... từ đó góp phần tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cây trồng.

Số hồ sơ lưu: VPC-006-2020

82213.07-2022 **Nghiên cứu phát triển giống ổi đặc sản tại xã Đôn Nhân - Huyện Sông Lô - Tỉnh Vĩnh Phúc theo hướng nông nghiệp sạch/** KS. Dương Quốc Khánh, ThS. Lê Tiến Anh - Vĩnh Phúc - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Phúc, 2018; 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra tình hình phát triển và hiệu quả kinh tế của cây ổi được trồng trên địa bàn xã Đôn Nhân-Sông Lô-Vĩnh Phúc. Theo dõi một số chỉ tiêu lý hóa về đất, phân bón, chỉ tiêu sinh trưởng phát triển, chỉ tiêu về năng suất, chất lượng của ổi để có cơ sở khoa học khuyến cáo hộ nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật phát triển sản xuất. Xây dựng quy trình chăm sóc theo hướng nông nghiệp sạch trên cơ sở tiêu chuẩn VietGAP và áp dụng quy trình cho giống ổi đặc sản của xã Đôn Nhân. Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa giống ổi đặc sản của xã Đôn Nhân tạo vùng sản xuất hàng hóa tập trung, có thương hiệu đủ sức cạnh tranh trên thị trường góp phần phát triển kinh tế- xã hội và mục tiêu chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp của xã Đôn Nhân và huyện Sông Lô. Nghiên cứu đề xuất mô hình liên kết chuỗi giá trị, các giải pháp nhằm phát triển sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: VPC-007-2020

82258.07-2022 **Xây dựng mô hình phát triển cam quýt tại xã Thượng Ân, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn/** KS Hà Tấn Tùng, TS Ngô Hồng Bình; TS Vũ Việt Hưng; TS Đào Quang Nghị; KS Hà Tấn Tùng; KS Phạm Kim Hiểu; KS Đồng Thị Yến; KS Doanh Thiêm Huy; KS Nguyễn thị Huệ; KS Ngô Hồng Quang; KS Ngô Thị Ngọc. - Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn - Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn, 2018; 10/2014 - 10/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Qua theo dõi các chỉ tiêu sinh trưởng của các cây cam xã đoàn và quýt địa phương tại mô hình bước đầu khẳng định là cây cam xã đoàn, cây quýt phù hợp với điều kiện sinh trưởng và phát triển trên địa bàn huyện Ngân Sơn. Tập huấn được 336/360 lượt hộ nông dân đạt 93,3 % số với kế hoạch. Dự án được triển khai đã hướng dẫn cho các hộ dân áp dụng các biện pháp kỹ thuật cắt tỉa, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh cho 1,5 ha quýt địa phương, đạt 100% so với kế hoạch năng suất chất lượng tăng lên trên 25% so với trung bình giảm được 30% công thu hoạch chăm sóc, và đặc biệt mẫu mã quả đẹp, không có quả loại 3 loại 4. Triển khai thực hiện được 15 ha (02 ha cam Xã Đoàn, 13 ha Quýt Quang Thuận). Sau 3 năm trồng cây sinh trưởng phát triển tốt, chiều cao cây trung bình từ 1,5-2,5 m, cây có từ 3-4 đợt lộc/năm, có khoảng 70% số cây trong mô hình ra hoa và được hướng dẫn tỉa bỏ.

Số hồ sơ lưu: 06 Quyển số 01-STD-QLCNCN

82260.07-2022 **Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau tại thành phố Bắc Kạn/** GS.TS Trần Khắc Thi, GS.TS. Trần Khắc Thi; Ths. Bùi Thị Trâm Anh; TS. Ngô Hồng Bình; TS. Tô Thị Thu Hà; KS. Nghiêm Hoàng Anh; KS. Ngô Hồng Quang; Ths. Nguyễn Thu Hiền; KS. Phan Thị Thu. - Viện Nghiên cứu và PT công nghệ Nông lâm nghiệp Thành Tây - Viện Nghiên cứu và PT công nghệ Nông lâm nghiệp Thành Tây., 2019; 11/2016 - 10/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra thực trạng sản xuất, tiêu thụ rau tại thành phố Bắc Kạn cho thấy điều kiện sản xuất rau vùng dự án (ven thành phố) rất thuận lợi nhưng do diện tích canh tác ít, năng suất thấp, sản lượng không đủ cung cấp cho nhu cầu thị trường. Xây dựng 01 nhà lưới cấp 1 diện tích 792 m<sup>2</sup> để trồng rau có thân leo (rau ăn quả) cùng hệ thống tưới, kết hợp cung cấp dinh dưỡng, hệ thống quạt mát), 01 nhà mái che (vòm che cao) diện tích 720 m<sup>2</sup>. Triển khai đào tạo kỹ thuật cho 20 cán bộ nông nghiệp của 7 huyện, thành phố về các kỹ thuật sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao, kỹ thuật sản xuất rau an toàn; tập huấn quy trình sản xuất rau trong nhà lưới, nhà vòm, sản xuất rau an toàn ngoài đồng cho 50 lượt nông dân tham gia dự án và nông dân vùng dự án. Xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau an toàn.

Số hồ sơ lưu: 08/2019 Quyển số 01-STD-QLCNCN

82349.07-2022 **Nghiên cứu trồng thử nghiệm giống nho Hạ**

**đen ứng dụng công nghệ sản xuất trong nhà màng tại Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ Bắc Giang/** K.s Đỗ Nguyên Hạnh, ThS. Hà Ngọc Linh; KS. Đỗ Thị Thu Hà - Bắc Giang - Trung tâm ứng dụng tiến bộ Khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nho là một trong những cây ăn quả có giá trị dinh dưỡng và hiệu quả kinh tế cao. Nó có ý nghĩa quan trọng trong ngành thực phẩm, dược phẩm và công nghiệp. Đề tài đưa ra mục tiêu xây dựng thành công mô hình trồng thử nghiệm giống nho Hạ đen ứng dụng công nghệ sản xuất trong nhà màng, sử dụng hệ thống tưới nhỏ giọt. Hoàn thiện, làm chủ quy trình kỹ thuật trồng cây nho Hạ đen. Kết quả thực hiện đề tài thành công giúp bổ sung thêm giống cây ăn quả mới vào cơ cấu giống cây ăn quả của tỉnh Bắc Giang nói chung. Đề tài góp phần mở rộng diện tích, khuyến cáo nhân rộng giống nho Hạ đen nhằm đa dạng cơ cấu cây trồng của tỉnh. Tiến tới đưa cây nho Hạ đen thành cây chủ lực của tỉnh.

Số hồ sơ lưu: NVCS92/2021

82356.07-2022 **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây sung Mỹ tại Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang/** Ths. Hà Ngọc Linh, ThS. Đỗ Nguyên Hạnh; KS. Đỗ Thị Thu Hà - Bắc Giang - Trung tâm Ứng dụng KH&CN tỉnh Bắc Giang, 2021; 01/2020 - 07/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Hiện nay cây sung Mỹ là giống cây nhập ngoại tương đối mới lạ và rất phù hợp với điều kiện khí hậu ở Việt Nam, cây cho quả quanh năm chỉ sau trồng 6 - 8 tháng. Sung Mỹ ra rất sai quả và mọc lan dọc theo cành chứ không theo chùm. Hoàn thiện quy trình trồng sung Mỹ trong nhà màng. Kết quả sau thời gian nghiên cứu trồng thử nghiệm trong nhà màng, sử dụng hệ thống tưới nhỏ giọt tự động ban đầu cho thấy các chỉ tiêu về khảo năng sinh trưởng tốt, tỷ lệ sống đạt 98%, sau 180 ngày sau khi trồng 50% số cây ra hoa, sau 240 ngày 50% cây cho quả được thu hoạch với khối lượng trung bình 2,4 kg/cây. Độ ngọt giao động từ 15- 16,6%. Trong khuôn khổ của đề tài đã hoàn thiện được quy trình kỹ thuật trồng giống sung Mỹ sử dụng hệ thống tưới nhỏ giọt phù hợp với điều kiện tại địa phương.

Số hồ sơ lưu: NVCS91/2021

82358.07-2022 **Chọn giống, nhân giống và gây trồng cây Sơn tra theo hướng lấy quả tại tỉnh Lai Châu/** ThS Ninh Việt Khương, ThS. Ninh Việt Khương; TS. Triệu Thái Hưng; TS. Phạm Quang Tuyền; TS. Trần Văn Đô; ThS. Nguyễn Quang Hưng; ThS. Nguyễn Thị Thu Phương; ThS. Phùng Đình Trung; ThS. Trần Hoàng Quý; ThS. Trần Cao Nguyên; KS. Phạm Ngọc Đoàn; ThS. Trần Thị Hà - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Lâm sinh, 2021; 07/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Sơn tra (*Docynia indica* Wall.(Decne.)) hay còn gọi là Táo

mèo, Chua chát, Sám sá...thuộc họ Hoa hồng (*Rosaceae*). Sơn tra là cây đặc sản lâm nghiệp cho quả, có giá trị kinh tế cao của vùng Tây Bắc. Quả Sơn tra có vị chua, chát, ngọt, thơm mát rất đặc trưng, được sử dụng rộng rãi trong chế biến nước hoa quả, rượu và là vị thuốc quý sử dụng trong đông y, nhờ tác dụng làm mạnh tim, điều hòa huyết áp, tăng lưu lượng máu ở mạch vành, giãn mạch và chống loạn nhịp tim cùng một số tác dụng khác. Tại Việt Nam, Sơn tra mọc tự nhiên ở độ cao trên 1.000 m so với mực nước biển như : Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Sơn La, Điện Biên. Có nhiều nguyên nhân như biện pháp kỹ thuật nhân giống và gây trồng chưa phù hợp với mục đích lấy quả, cây giống được lấy từ nhiều nguồn khác nhau... Trong đó, nguyên nhân quan trọng nhất do giống cây Sơn tra tại địa phương hầu hết là giống chưa qua chọn lọc và khảo nghiệm, do đó chất lượng của sản phẩm, hiệu quả kinh tế chưa cao. Vì vậy, Đề tài: “Chọn giống, nhân giống và gây trồng cây Sơn tra theo hướng lấy quả tại tỉnh Lai Châu” thực hiện là cần thiết.

Số hồ sơ lưu: LCU- KQNC-2021-022

82476.07-2022 **Xây dựng mô hình trồng cam Xã Đoài tại tỉnh Bắc Kạn/** TS Ngô Hồng Bình, PGS.TS Nguyễn Quốc Hùng TS. Ngô Hồng Bình; PGS.TS. Nguyễn Quốc Hùng; KS. Nghiêm Hoàng Anh; Hoàng Thị Tuyết Nhung; ThS. Đào Quang Nghị, KS. Ngô Hồng Quang; KS. Đỗ Thị Thu Hằng - Viện Nghiên cứu Rau quả trung ương - Viện Nghiên cứu Rau quả trung

ương., 2018; 06/2014 - 06/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phối hợp với lãnh đạo các xã lựa chọn được 208 hộ tham gia mô hình trồng cam Xã Đoài tại 6 xã thuộc vùng dự án đạt 100% theo kế hoạch. Tập huấn được 225 người đạt 64,3% so với kế hoạch ban đầu dự án ban đầu dự kiến triển khai trồng mới tại xã Rã Bản 30ha (350 người), Xây dựng được mô hình trồng mới 30ha cam Xã Đoài đạt 100% so với kế hoạch tại huyện Ba Bê/ 3 xã: Cao Trí, Yên Dương, Mỹ Phương: huyện Na Rì/2 xã: Văn Minh, Lam Sơn, huyện Chợ Đồn xã Rã Bản. Tổ chức đoàn tham quan học tập kinh nghiệm sản xuất cam tại huyện Cao Phong - Hòa Bình đạt 100% so với kế hoạch. Qua tham quan học tập người dân đã trao đổi, học tập kinh nghiệm về áp dụng vào mô hình của gia đình. Tổ chức 03 hội nghị đầu bờ tại 3 huyện đạt 100% so với kế hoạch, đã giới thiệu kết quả triển khai mô hình trồng mới cam Xã Đoài, qua hội thảo các đại biểu đều đề nghị tiếp tục hỗ trợ để mở rộng diện tích cam Xã Đoài thành vùng sản hàng hóa.

Số hồ sơ lưu: 07Quyển số 01-STD-QLCNCN

82477.07-2022 **Trồng thử nghiệm một số giống đậu tương mới năng suất cao, chất lượng tốt tại Bắc Kạn/** KS Nguyễn Thị Nghĩa, Nguyễn Thị Nghĩa; Đỗ Xuân Việt; Đinh Thị Quê; Lâm Ngọc Kiều Oanh; Ngọc Thị Phùng; Đàm Thị Thê; Hà Văn Minh; La Thị Thuyền; Chu Thị Căn; Trần Thị Liên; Nguyễn Duy SLãnh. - Trung Tâm Khuyến nông-Khuyến lâm Bắc Kạn

- Trung Tâm Khuyến nông-Khuyến lâm Bắc Kạn, 2014; 01/2013 - 12/2014. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Dự án đã trồng thử nghiệm, đánh giá toàn diện bảy giống đậu tương mới và hai giống đối chứng; Trên cơ sở đó lựa chọn được hai giống ĐT 51 và ĐT22 có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp sinh thái tỉnh Bắc Kạn. Xây dựng mô hình trình diễn 1,05 ha, hai giống đậu tương mới tại bốn điểm của hai huyện (Ba Bê và Na Rì), trên hai loại đất, hai thời vụ, trong điều kiện gần với sản xuất đại trà và người dân tham gia gần như hoàn toàn vào quá trình thực hiện; Dự án đã theo dõi được diễn biến dịch hại cây đậu tương qua các thời kỳ sinh trưởng của cây, thành phần dịch hại chính tại Bắc Kạn và những thời điểm xuất hiện chủ yếu trong vụ, trong năm. Kết quả này là cơ sở của việc dự tính, dự báo và chủ động phòng trừ dịch hại cây đậu tương.

Số hồ sơ lưu: 04 Quyển số 01-STD-QLCNCN

82481.07-2022 **Ứng dụng Khoa học và Công nghệ sản xuất cây giống đảm bảo chất lượng phục vụ phát triển vùng hồng 1.000 ha của tỉnh Bắc Kạn từ nay đến năm 2015/** KS Ngô Hồng Quang, KS. Ngô Hồng Quang; TS.Đào Quang Nghị; KS.Đoàn Đức Hoàng; KS. Ngô Thị Ngọc; KS. Trần Văn Tuyền; KS. Đỗ Thị Thu Hằng; CN Nguyễn Văn Hùng; KS Nguyễn Thị Hồng; KS Lương Thị Dân - Viện Nghiên cứu Rau quả - Viện nghiên cứu rau quả, 2016; 12/2011 -

06/2015. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mô hình sản xuất giống triển khai trong 4 năm đã sản xuất được 61.676 cây giống hồng đủ tiêu chuẩn xuất vườn, số cây sản xuất đủ tiêu chuẩn đã được Sở NN&PTNT Bắc Kạn thẩm định đạt tiêu chuẩn đã vượt 21,41% so với quy mô dự án được điều chỉnh 127ha/50.800 cây. 100% các hộ có nguồn đối ứng tại hai huyện Ngân Sơn và huyện Chợ Đồn đã nhận được 100% nhu cầu cây giống hồng giống đáp ứng được nhu cầu trồng mới. Số diện tích còn lại 10,05% chưa đáp ứng được nhu cầu dự án là do nguyên nhân các hộ không có tiền đối ứng nên không nhận được cây giống, do vậy việc sản xuất cây giống trong dự án thì thừa nhưng hộ dân không có vốn đối ứng để nhận cây giống.

Số hồ sơ lưu: 04 Quyển số 01-STD-QLCNCN

82499.07-2022 **Ứng dụng khoa học - công nghệ trong phát triển một số loài lan rừng quý, có giá trị kinh tế tại Bắc Kạn/** ThS. Đào Thanh Tùng, Sầm Văn Bình; ThS. Đào Thanh Tùng ; KS. Nguyễn Thị Huyền Trang; KS. Nguyễn Kim Dương; ThS. Vũ Trí Quân; Nguyễn Thị Mỹ; ThS. Nguyễn Văn Tuấn; Bùi Văn Quang; KS. Lãng Ngọc Viên; Đàm Thị Hậu. - Trung tâm ứng dụng Khoa học - Công nghệ và Tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh Bắc Kạn. - Trung tâm ứng dụng Khoa học - Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Bắc Kạn., 2019; 01/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu thập, lưu giữ được 24 loài hoa lan, vượt 14 loài so với chỉ tiêu đề ra. Nhân giống thành công 17 loài bằng phương pháp tách thân, nhân giống bằng phương pháp nuôi cấy mô được 06 loài. Hiện các loài hoa lan đang sinh trưởng và phát triển tốt, chỉ có 01 loài sinh trưởng kém đó là Hoàng thảo Kèn (tỷ lệ sống chỉ đạt 56,2%). Xây dựng được vườn nuôi trồng lan quý nuôi cấy mô tế bào được 5.300 cây, đạt 106 % kế hoạch đề ra.

Số hồ sơ lưu: 09/2019 Quyển số 01-STD-QLCNCN

82501.07-2022 **Xây dựng mô hình sản xuất quýt bền vững theo hướng VietGAP/** TS. Nguyễn Văn Dũng, TS. Nguyễn Văn Dũng; KS. Ngô Hồng Quang; ThS. Đoàn Đức Hoàng; ThS. Hoàng Thị Tuyết Mai; ThS. Đỗ Thị Thu Hằng - Viện Nghiên cứu Rau quả trung ương - Viện nghiên cứu Rau quả trung ương, 2018; 08/2016 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Kết quả xây dựng mô hình theo hướng VietGAP: Xây dựng được mô hình sản xuất 30 ha quýt theo hướng VietGAP; Mô hình bảo quản sau thu hoạch; Mô hình hợp tác xã: Xây dựng được hợp tác xã trong quản lý tiêu thụ sản phẩm quýt theo hướng VietGAP tại xã Rã Bản đạt 100% so với kế hoạch đáp ứng được mục tiêu của dự án bước đầu của dự án, Hợp tác xã đã đi vào hoạt động. Dự án đã đào tạo tập huấn cho 360 lượt người/3 xã về kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch, bảo quản quýt theo VietGAP. Tổ chức được 1 đoàn đi thăm quan học tập mô hình sản xuất



cam theo hướng VietGAP tại huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

Số hồ sơ lưu: 10/2019 Quyền số 01-STD-QLCNCN

#### **40105. Cây công nghiệp và cây thuốc**

80827.07-2022 **Nghiên cứu bảo tồn cây ba kích (*Morinda officinalis* F.C. How), thông đất (*Huperzia serrata*) và phát triển vùng nguyên liệu, chế biến một số sản phẩm từ Ba kích/ ThS. Trịnh Xuân Thủy, TS. Nguyễn Thị Thuý Hương Tạ Thị Đông; Lê Thị Quỳnh Nga; An Trí Ngọc; Nguyễn Thị Kim Thành; Lý Thị Thơ; Lý A Thắng; Lương Minh Tuấn - Lào Cai - Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Tài Nguyên Xanh, 2020 - 04/2018 - 10/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu hoàn thiện các qui trình nhằm phát triển nguồn dược liệu cây ba kích tím và cây thông đất (Thạch tùng răng cưa) bản địa dưới tán rừng. Đánh giá chất lượng, khả năng sinh trưởng và phát triển dược liệu của cây ba kích và thông đất tại một số vùng ở Lào Cai. Hoàn thiện quy trình nhân giống in vitro nguồn gen cây Ba kích tím Lào Cai. Xây dựng quy trình nuôi cấy in vitro cây Thông đất (Thạch tùng răng cưa) tại Lào Cai. Xây dựng mô hình trồng và chăm sóc cây Ba kích tím theo tiêu chí GACP-WHO. Nghiên cứu chế biến một số sản phẩm tăng cường sức khỏe từ rễ củ ba kích.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2020-009

81480.07-2022 **Ứng dụng hệ thống chiếu sáng đơn sắc (led-light**

**emitting diode) lên khả năng nhân giống cây bá bệnh (*Eurycoma longifolia*) thông qua phôi vô tính/ ThS. Trần Trọng Tuấn, - TP. Hồ Chí Minh - Viện sinh học Nhiệt đới, 2020 - 06/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xác định các thông số của đèn LED lên quy trình vi nhân giống cây bá bệnh thông qua phôi vô tính và khảo sát điều kiện nuôi trồng cây giống trong vườn ươm. Xác định các thông số của đèn LED lên quy trình nhân giống cây bá bệnh thông qua phôi vô tính nuôi cấy in vitro. Xây dựng quy trình thuần dưỡng cây giống trong vườn ươm.

Số hồ sơ lưu: HCM-006-2021

81966.07-2022 **Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ sản xuất chế phẩm vi sinh CAFE-HTD01 và HOTIEU-HTD03 và sử dụng tích hợp các chế phẩm sinh, hóa học nhằm phát triển hiệu quả và bền vững cây cà phê và hồ tiêu ở Tây Nguyên/ TS. Hà Việt Sơn, PGS.TS. Trần Đình Mẫn; ThS. Đỗ Thị Gấm; ThS. Nguyễn Thị Thu; ThS. Phan Thị Lan Anh; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hà; PGS.TS. Phạm Việt Cường; GS.TS. Nguyễn Cửu Khoa; PGS.TS. Phạm Bích Ngọc; TS. Chu Nhật Huy - Hà Nội - Trung tâm Phát triển công nghệ cao, 2021; 12/2016 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Hoàn thiện quy trình sản xuất các chế phẩm vi sinh CAFE HTD-01, HOTIEU HTD-03 (quy mô pilot), chế phẩm POLYFA TN3 (quy mô công nghiệp), phân bón nhả chậm (quy mô pilot). Tiến hành khảo nghiệm và xây dựng quy trình

sử dụng cho các chế phẩm CAFE HTD-01, HOTIEU HTD-03, POLYFA TN3, phân bón nhả chậm và thuốc trừ sâu thảo mộc ANISAF SH01 trên cây cà phê và hồ tiêu tại Tây Nguyên. Nghiên cứu và phát triển được chế phẩm VSV nội sinh kích thích sinh trưởng và ức chế tuyến trùng trên cây cà phê (chế phẩm HTD-CNSH-CF ở quy mô phòng thí nghiệm). Xây dựng qui trình sử dụng tích hợp các chế phẩm sinh, hóa học nhằm giảm phân bón hóa học từ 25-35%, thuốc trừ sâu thảo mộc ANISAF SH01 thay thế từ 30% - 60% thuốc trừ sâu hóa học trong canh tác bền vững cây cà phê, hồ tiêu nâng cao chất lượng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đối với cà phê và hồ tiêu thương phẩm. Triển khai các mô hình trình diễn ở diện rộng ứng dụng các chế phẩm sinh học nhằm giảm phân bón hóa học từ 25- 35%, thuốc trừ sâu thảo mộc ANISAF SH01 thay thế từ 30% - 50% thuốc trừ sâu hóa học đối với cây cà phê và hồ tiêu. Góp phần tăng năng suất cà phê và hồ tiêu, giảm thời gian chuyển tiếp từ cây cà phê kiến thiết sang giai đoạn kinh doanh, kéo dài tuổi thọ của cây cà phê kinh doanh. Góp phần cải tạo đất hướng tới phát triển bền vững cây cà phê tại Tây Nguyên.

Số hồ sơ lưu: 19589

**82359.07-2022 Xây dựng mô hình trồng, nhân giống sâm Lai Châu nhằm bảo tồn và phát triển sản phẩm đặc hữu tại các huyện vùng cao của tỉnh Lai Châu/ ThS Nguyễn Quang Hưng, ThS. Nguyễn Quang Hưng; TS. Phạm Quang Tuyền; ThS. Ninh Việt Khương;**

CN. Nguyễn Thị Hoài Anh; ThS. Bùi Thanh Tân; ThS. Trịnh Ngọc Bon; ThS. Vũ Tiến Lâm; ThS. Nguyễn Thanh Sơn; ThS. Phạm Tiến Dũng; ThS. Nguyễn Huy Hoàng. - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Lâm sinh, 2021; 07/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Sâm Lai Châu (*Panax vietnamensis* var. *fuscidiscus*) hay còn gọi là Tam thất hoang Mường Tè, Tam thất đen (tên địa phương) là loài cây thuộc chi Nhân sâm (*Panax* L.), họ Ngũ gia bì (*Araliaceae*) có phân bố hẹp ở Lai Châu. Sâm Lai Châu là loại cây thuốc rất quý hiếm về giá trị nguồn gen cũng như về giá trị sử dụng. Do có nhiều giá trị về dược liệu và kinh tế nên loài cây này đã bị khai thác tận diệt, có nguy cơ bị tuyệt chủng ngoài tự nhiên. Sâm Lai Châu là loài cây được xếp hạng ở mức độ nguy cấp, đối tượng ưu tiên bảo tồn và phát triển ở Việt Nam hiện nay. Nhằm đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ tạo việc làm cho người dân vùng sâu, vùng xa góp phần hoàn thành các mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương tại huyện vùng cao biên giới Lai Châu thì việc ưu tiên phát triển các loài cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu có giá trị là một trong những vấn đề cấp thiết và bức bách hiện nay. Từ những lý do trên, việc xây dựng mô hình nhân giống, phát triển mở rộng cây Sâm Lai Châu thành sản phẩm dược liệu chủ lực cho các huyện vùng cao tỉnh Lai Châu sẽ phần nào giải quyết được những vấn đề nêu trên.

Số hồ sơ lưu: LCU- KQNC-2021-023

82428.07-2022 **Xây dựng mô hình sản xuất và tiêu thụ một số cây dược liệu tại Minh Hóa/ CN.** Cao Đình Dũng, Cao Đình Dũng; Đinh Tự Trọng; Trần Thị Thúy; Đinh Văn Kỳ - Công ty TNHH Thảo Mộc Nhân Sơn Dược - Công ty TNHH Thảo Mộc Nhân Sơn Dược, 2021; 09/2020 - 08/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng mô hình trồng kim ngân hoa và hà thủ ô đỏ để đánh giá khả năng thích nghi và hoàn thiện quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản, chế biến. Xây dựng mô hình liên kết tiêu thụ cây dược liệu, góp phần phát triển kinh tế - xã hội huyện Minh Hóa, Quảng Bình. Tiếp nhận công nghệ từ đơn vị chuyên gia công nghệ trồng, chăm sóc cây kim ngân hoa, hà thủ ô đỏ. Liên kết với các hộ nông dân trên địa bàn, tiến hành đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và bảo quản cây kim ngân hoa, hà thủ ô đỏ. Lựa chọn đất, chuẩn bị đất, trồng cây, chăm sóc, theo dõi quá trình sinh trưởng, phát triển của cây giai đoạn trồng. Xây dựng các chuỗi liên kết để tiêu thụ sản phẩm dược liệu trong và ngoài nước

Số hồ sơ lưu: 05/2021-QLKH-CN-CS

82438.07-2022 **Mô hình Trồng thử nghiệm cây dược liệu trên vùng đất cát tại Quảng Bình/ KS.** Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Văn Tuấn; Đinh Thị Thanh Trà; Nguyễn Thị Hương Bình; Trần Thị Thanh - Công ty cổ phần Thanh Hương

Công ty Cổ phần Thanh Hương, 2021; 09/2020 - 08/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển của cây Dây thìa canh và cây Diệp hạ châu, khả năng thích nghi với điều kiện đất đai, khí hậu trên vùng đất cát ven biển tại xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Xây dựng mô hình vườn cây dược liệu trên đất cát đã qua cải tạo ở Quảng Bình, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đời sống cho người dân. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng cây dược liệu xanh trên vùng đất trồng lúa chuyên đổi.

Số hồ sơ lưu: 06/2021-QLKH-CN-CS

82503.07-2022 **Ứng dụng khoa học công nghệ tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ chè Shan tuyết tại Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn/ TS.** Lưu Ngọc Quyển, TS. Lưu Ngọc Quyển; TS. Nguyễn Ngọc Bình; KS. Phí Văn Mẫn; KS. Nguyễn Trung Hiếu; KS. Dương Đình Tân; Triệu Văn Sỹ. - Viện KHKT nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc - Viện KHKT nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc, 2019; 01/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình 10ha sản xuất chè đạt tiêu chuẩn VietGAP được cấp giấy chứng nhận mô hình VietGAP; 20 ha mô hình sản xuất chè theo hướng hữu cơ; 01 nhãn hiệu tập thể “Chè Shan tuyết Bằng Phúc”; hỗ trợ 03 thiết bị và chuyển giao 03 quy trình chế biến cho HTX Hồng Hà; thiết kế 05 mẫu mã bao bì, in

10.000 bao bì chuyên cho HTX Hồng Hà; đào tạo tập huấn cho 150 lượt người; thực hiện 03 phóng sự tuyên truyền, tổ chức các hội nghị, hội thảo; xây dựng bảng tiêu chí chất lượng sản phẩm... Năng suất, chất lượng và hiệu quả mô hình đều đạt và vượt so với thuyết minh.

Số hồ sơ lưu: 11/2019 Quyền số 01-STD-QLCNCN

#### **40106. Bảo vệ thực vật**

81476.07-2022 **Bước đầu nghiên cứu chuyển gene kháng tuyến trùng sưng rễ trên cây đậu nành/** TS. Nguyễn Vũ Phong, - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng công nghệ RNA can thiệp tạo cây đậu nành kháng tuyến trùng sưng rễ. Xác định một số dòng tuyến trùng sưng rễ gây hại trên đậu nành. Trình tự một số gene mã hóa effector của tuyến trùng sưng rễ ở Việt Nam. Thiết kế và tạo vector mang cấu trúc miRNA (microRNA) Chuyển gene và tái sinh cây đậu nành chuyển gene. Tạo được 02-03 cây đậu nành biến đổi gene biểu hiện cấu trúc RNAi có khả năng kháng tuyến trùng.

Số hồ sơ lưu: HCM-005-2021

81926.07-2022 **Nghiên cứu bệnh dãn cao, bệnh thối rễ hại chè và biện pháp quản lý tổng hợp ở các tỉnh miền núi phía Bắc/** ThS. Trần Đặng Việt, KS. Nguyễn Thị Thu Hà; TS. Nguyễn Văn Thiệp; ThS. Phạm Huy Quang; ThS. Hà Thị Vân Anh; KS. Nguyễn Hải Yên; ThS. Mai Văn Quân; TS. Trần Xuân

Hoàng; CN. Nguyễn Thị Kim Linh; KS. Lê Hồng Thịnh; TS. Trịnh Thị Kim Mỹ; ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh - Phú Thọ - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc, 2020 - 01/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thực trạng gây hại của bệnh dãn cao và bệnh thối rễ chè tại vùng miền núi phía Bắc. Xác định nguyên nhân gây bệnh chủ yếu đối với bệnh dãn cao, bệnh thối rễ và tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến phát sinh, gây hại của bệnh dãn cao và thối rễ hại chè. Qua đó, xây dựng quy trình quản lý tổng hợp bệnh dãn cao và bệnh thối rễ hại chè có hiệu quả kinh tế, thân thiện môi trường, phục vụ sản xuất chè bền vững.

Số hồ sơ lưu: 19572

#### **40107. Bảo quản và chế biến nông sản**

82220.07-2022 **Nghiên cứu giải pháp bảo quản bưởi sau thu hoạch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc/** ThS. Lữ Tất Chánh, CN. Lê Đức Anh - Vĩnh Phúc - Phòng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn huyện Vĩnh Tường, 2018; 06/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đề xuất được giải pháp và xây dựng được mô hình bảo quản bưởi sau thu hoạch, chi phí thấp, hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo vệ sinh ATTP góp phần sản xuất bưởi theo hướng phát triển bền vững. Nghiên cứu, đánh giá thực trạng về sản xuất và bảo quản Bưởi sau thu hoạch nói chung và trên địa bàn tỉnh Vĩnh phúc nói riêng. Tổ chức tập huấn kỹ thuật cho nông dân. Bố trí các thí nghiệm

và các mô hình bảo quản bưởi Diễn sau thu hoạch và theo dõi các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật. Tiếp tục theo dõi các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật trong thí nghiệm, mô hình và tổ chức hội nghị đầu bờ. Đề xuất giải pháp nhân rộng kết quả nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: VPC-010-2020

82427.07-2022 **Nghiên cứu bảo quản tinh bột dong riêng/ PGS.TS. Nguyễn Duy Lâm, PGS.TS. Nguyễn Duy Lâm; KS. Lã Mạnh Tuấn; Ths. Phạm Cao Thăng; Ths. Phạm Thị Mai; KS. Trần Thị Mỹ Nga; KS. Vũ Thị Nhi; Ths. Phạm Ngọc Tuyên; CN. Nguyễn Thuỳ Linh; Ths. Lương Hùng Tiến; Đinh Quang Hiếu. - Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch - Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch., 2016; 05/2014 - 04/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xây dựng phương pháp bảo quản củ dong riêng tươi. Xây dựng phương pháp và quy trình bảo quản tinh bột dong riêng ướt. Xây dựng phương pháp bảo quản tinh bột dong riêng khô: Lựa chọn nguyên liệu tinh bột ướt đảm bảo chất lượng để sấy khô. Sấy khô bằng thiết bị sấy đến độ ẩm 12 đến 13%. Bảo quản kín trong xi lô thép hoặc trong bao sợi PP dệt có lót màng PE bên trong. Xây dựng mô hình bảo quản quy mô 15 tấn trong thời gian 12 tháng, chi phí 1,2 triệu đ/tấn, lãi suất đạt trên 30% so với bảo quản tinh bột ướt. Sản phẩm có chất lượng cao, bảo quản được lâu, phù hợp với công

nghiệp và thương mại, có thể xuất khẩu.

Số hồ sơ lưu: 01/Quyển số 01-STD-QLCN&CN

### **40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác**

80016.07-2022 **Xây dựng mô hình và hoàn thiện quy trình trồng Actiso ( Cynara Scolymus L) tại huyện Sìn Hồ theo tiêu chuẩn GAP/ PGS.TS Nguyễn Minh Khởi, TS Nguyễn Minh Khởi; TS Trần Thị Liên; ThS Tạ Như Thục Anh; ThS Nguyễn Thị Phương; CN Trần Thu Thủy; ThS Dương Thị Phúc Hậu; CN Vương Văn Thắng; CN HTX Tản Kim Lồng; KS Phạm Khắc Tiệp; ThS Lê Văn Giới - Hà Nội - Viện Dược Liệu, 2015; 08/2012 - 04/2015. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Cao nguyên Sìn Hồ có khả năng phát triển các cây ôn đới, các loại cây dược liệu trong đó cây actiso có khả năng phát triển vùng trồng với diện tích hơn 300 ha chủ yếu trên chân đất ruộng một vụ, không cạnh tranh về diện tích đất với cây lúa nói riêng và cây lương thực nói chung. Diện tích gieo trồng actiso ở Sìn Hồ hiện nay là 2 ha, năng suất đạt 23 tấn/ ha. Tại đây, người dân được Chương trình WB do Ngân hàng Thế giới đầu tư không hoàn lại, người dân chỉ mất công lao động, được hỗ trợ về giống, phân bón, kỹ thuật từ chương trình và được thu sản phẩm. Với các đặc điểm tự nhiên và điều kiện kinh tế xã hội của huyện Sìn Hồ - Lai Châu thì việc đưa cây actiso vào sản xuất tại huyện để thay đổi cơ cấu cây trồng, đưa nông nghiệp phát

triển theo hướng hàng hoá và xóa đói giảm nghèo là việc làm rất cần thiết và thiết thực. Trong những năm qua tỉnh và huyện đã xác định phát triển vùng dược liệu tại huyện Sin Hồ nhằm khôi phục lại dược liệu quý, thay đổi cơ cấu cây trồng phát triển kinh tế của địa phương.

Số hồ sơ lưu: LCU- KQNC-2021-011

80017.07-2022 **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phát triển và tạo dựng nhãn hiệu chứng nhận " Gạo Sém Cù Than Uyên" tại huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu/ ThS. Vương Thế Mẫn, ThS Vương Thế Mẫn; KS Nguyễn Văn Thăng; KS Mai Tiến Lục; KS Ngô Đức Cường; Ks Nguyễn Thị Thu Thủy; KS LÊ Thị Hạnh; KS Nguyễn Thị Út Nhân; ThS Nguyễn Thị Huế; ThS Vũ Đức Lâm; ThS Vũ Hồng Quảng - Than Uyên - UBND thị trấn Than Uyên, 2018; 01/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Than uyên là một vùng sản xuất lúa lớn thứ 3 trên địa bàn toàn tỉnh. Với diện tích đất trồng lúa cả năm hơn 6.347 ha, hàng năm nhu cầu sử dụng gạo Sém cù trên địa bàn huyện là rất lớn. Đề chủ động trong cung cấp nguồn gạo Sém Cù đặc sản phục vụ tại huyện và các thị trường bạn, thì việc xây dựng thương hiệu gạo Sém Cù là cần thiết. Bên cạnh đó, người dân huyện Than Uyên có kinh nghiệm trong sản xuất lúa từ lâu đời nên việc chuyển giao công nghệ sản xuất lúa cho người dân có nhiều điều kiện thuận lợi.

Số hồ sơ lưu: LCU- KQNC-2021-012

80028.07-2022 **Phục tráng giống lúa Khẩu ký, Nếp Tan Co Giàng địa phương của huyện Tân Uyên tỉnh Lai Châu/ TS Nguyễn Văn Cương, PGS. TS Nguyễn Văn Cương; PGS.TS Nguyễn Thế Hùng; ThS Nguyễn Văn Lộc; KS Hồ Minh Việt; KS Hà Việt Cường - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2015; 04/2012 - 06/2015. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Phục tráng giống lúa Khẩu Ký, Nếp Tan co giàng đang bị lẫn tạp chất và bước đầu xây dựng kỹ thuật canh tác phù hợp cho giống lúa ngon của địa phương là nhu cầu cấp thiết. Thông qua kỹ thuật phục tráng, tổ chức các lớp tập huấn và hội thảo đầu bờ nhằm nâng cao trình độ quản lý của cán bộ địa phương, nâng cao kiến thức về khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, góp phần phát triển bền vững cây lúa đặc sản địa phương. Để đáp ứng được các yêu cầu trên, và tạo ra bước chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa, dự án: **“Phục tráng giống lúa Khẩu Ký, Nếp Tan co giàng địa phương của huyện Tân Uyên tỉnh Lai Châu”** là cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

Số hồ sơ lưu: LCU- KQNC-2021-015

80268.07-2022 **Xây dựng mô hình canh tác lúa sử dụng tiết kiệm nước tưới và phân bón thích ứng với biến đổi khí hậu tại tỉnh Hậu Giang/ PGS. TS Châu Minh Khôi, ThS. Nguyễn Văn Quý; TS. Lê Hồng Việt ; KS. Lâm Văn Việt; Ths.**

Ngô Xuân Hiền ThS. Trần Anh Đức; ThS. Đỗ Bá Tân; Ths. Đoàn Thị Trúc Linh; Lê Thị Kiều - Trường Đại học Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2000 - 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mô hình canh tác lúa áp dụng tưới nước tiết kiệm giúp giảm thất thoát nước do chảy tràn bề mặt so với ngập liên tục, giúp giảm mất đạm và lân góp phần giảm ô nhiễm nguồn nước mặt và giảm bốc thoát khí gây hiệu ứng nhà kính  $CH_4$  và  $N_2O$ . Đồng thời, với liều lượng phân bón phù hợp sẽ giúp giảm chi phí đầu tư, giảm tác động xấu đến môi trường, do đó tăng thu nhập nông hộ, giúp thích ứng với điều kiện thay đổi của khí hậu và tăng tính cạnh tranh của vùng sản xuất lúa. Bà con nông dân ứng dụng kỹ thuật mới sẽ góp phần vào mục tiêu cắt giảm lượng phát thải khí nhà kính trong canh tác lúa.

Số hồ sơ lưu: HGI-2020-001

81948.07-2022 **Nghiên cứu xây dựng bộ quy trình tưới hợp lý kết hợp bón phân cho một số cây trồng chủ lực/** ThS. Trần Hùng, PGS.TS. Nguyễn Tùng Phong; GS.TS. Nguyễn Hữu Thành; ThS. Nguyễn Xuân Kiều; PGS.TS. Nguyễn Thế Quảng; TS. Võ Hữu Thoại; TS. Vũ Việt Hưng; TS. Vũ Thế Hải; ThS. Phạm Thị Phương Thảo; ThS. Nguyễn Gia Vượng - Hà Nội - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, 2021; 06/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng bộ 08 quy trình (chế độ, kỹ thuật) tưới hợp lý kết hợp bón phân cho 08 cây

trồng chủ lực (cà phê chè, cao su, chè, dứa, cam, bưởi, thanh long, chuối); Xây dựng quy trình (chế độ, kỹ thuật) tưới kết hợp một số biện pháp canh tác tiên tiến cho cây xoài vùng Nam Trung Bộ và Tây Nam Bộ để nâng cao hiệu quả tưới nước, hướng tới đạt tiêu chuẩn xuất khẩu; Thiết kế mẫu bố trí tổng thể đồng ruộng, tích hợp đồng bộ hệ thống thiết bị phù hợp với quy trình công nghệ tưới kết hợp bón phân cho 09 cây chủ lực theo điều kiện canh tác, đặc trưng của từng vùng; Xây dựng sổ tay hướng dẫn kỹ thuật thực hành bố trí đồng ruộng, tích hợp công nghệ thiết bị tưới, chế độ tưới, kỹ thuật tưới nước kết hợp bón phân cho 09 cây trồng chủ lực.

Số hồ sơ lưu: 19585

82241.07-2022 **Xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm gạo Sóng Cù của tỉnh Lào Cai/** ThS. Trương Xuân Cường, ThS. Ngô Thanh Lộc; TS. Đàm Thế Chiến; ThS. Nguyễn Hải Hòa; KS. Thân Thị Thái; KS. Nguyễn Thị Tám; ThS. Đinh Võ Sỹ; KS. Nguyễn Văn Hồng; KS. Lê Thị Hương; KS. Nguyễn Hoàng Thương; CN. Mai Đức Quỳnh - Bắc Giang - Trung tâm Nghiên cứu Đất và Phân bón vùng Trung du, 2021; 06/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc đăng ký chỉ dẫn địa lý “Mường Khương - Bát Xát” cho sản phẩm gạo Sóng Cù của tỉnh Lào Cai; - Xây dựng được hồ sơ đăng ký chỉ dẫn địa lý “Mường

Khuong - Bát Xát” dùng cho sản phẩm gạo Sóng Cù của tỉnh Lào Cai, chỉ dẫn địa lý “Mường Khuong - Bát Xát” được bảo hộ; - Xây dựng và vận hành hệ thống tổ chức, quản lý chất lượng và thương mại nhằm quản lý sản phẩm gạo Sóng Cù của tỉnh Lào Cai, đảm bảo sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý “Mường Khuong - Bát Xát” khi tiêu thụ trên thị trường được kiểm soát chặt chẽ.

Số hồ sơ lưu: 19666

82354.07-2022 Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ khí canh nhân giống một số loại cây trồng tại Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ Bắc Giang/ Ths. Hà Ngọc Linh, Ths. Trần Quang Vinh; Ks. Đỗ Nguyên Hạnh - Bắc Giang - Trung tâm ứng dụng khoa học và công nghệ, 2021; 07/2020 - 07/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Công tác khí canh là một phương pháp canh tác mới trong nông nghiệp, trồng cây không sử dụng đất, nước mà trồng trong môi trường không khí có chứa các thể bụi dinh dưỡng. Hiện tại, trên địa bàn tỉnh, chưa đơn vị nào tiến hành thực hiện nhân giống cây Giảo cổ la, lan Thạch học tía bằng công nghệ khí canh. Việc nghiên cứu thành công công nghệ nhân giống này góp phần quan trọng trong việc nhân giống các cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp của tỉnh nhà. Mục tiêu xây dựng thành công mô hình thử nghiệm nhân giống và hoàn thiện quy trình nhân giống cây Giảo cổ lam, lan Thạch học tía bằng công nghệ khí canh, với quy mô 3000 cây

Giảo cổ lam, 500 cây lan Thạch học tía.

Sau 12 tháng triển khai thực hiện đề tài đã mang lại kết quả khả quan và đạt mục tiêu đề ra tạo tiền đề áp dụng cho các loại cây trồng khác.

Số hồ sơ lưu: NVCS90/2021

#### **40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi**

79995.07-2022 Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm năng suất, chất lượng cao tại Than Uyên, tỉnh Lai Châu/ Đinh Văn Tông, KS. Đinh Văn Tông; Tô Thị Bắc; Khuất Văn Hùng; Khuất Văn Thuận; GS – TS. Vũ Đình Tôn; ThS. Nguyễn Văn Duy; TS. Hán Quang Hạnh; CN. Nguyễn Đình Tiến; ThS. Nguyễn Thị Phương - Lai Châu - Hợp tác xã Minh Thuận, 2020 - 01/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Tình hình chăn nuôi trong huyện nói chung và chăn nuôi lợn nói riêng trên địa bàn huyện đang từng bước phát triển nhưng đa phần các trang trại, gia trại phát triển từ chăn nuôi nhỏ lẻ nên chuồng trại và con giống chưa được đầu tư đồng bộ. Quy mô chăn nuôi lợn trong huyện chủ yếu là chăn nuôi nông hộ và quy mô gia trại. Do chất lượng con giống chưa tốt, nguồn con giống sản xuất tại chỗ chưa đáp ứng được nhu cầu của người chăn nuôi. Vì vậy việc tiếp cận với lợn giống chất lượng tốt gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, là nghiên cứu khoa học công nghệ và ứng dụng tiến bộ khoa học trong chăn nuôi còn nhiều hạn chế. Vì vậy, để tăng cường công tác ứng dụng



tiến bộ công nghệ trong chăn nuôi lợn tại huyện Than Uyên chúng tôi tiến hành thực hiện dự án: “*Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm năng suất, chất lượng cao tại huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu*”.

Số hồ sơ lưu: LCU- KQNC-2021-007

#### **40206. Sinh trưởng và phát triển của động vật nuôi**

82276.07-2022 **Nghiên cứu, đánh giá khả năng sinh trưởng và sinh sản của bò cái lai B.B.B trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc/ Trần Quốc Quân, - Vĩnh Phúc - Trung tâm Giống vật nuôi tỉnh Vĩnh Phúc, 2018; 01/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Đánh giá khả năng sinh trưởng và sinh sản của bò cái lai B.B.B. So sánh khả năng sinh trưởng và sinh sản của bò cái lai B.B.B với các giống bò địa phương. Từ các kết quả nghiên cứu trên sẽ là tiền đề để mở rộng các mô hình chăn nuôi bò lai B.B.B trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Tổng quan tình hình nghiên cứu lý luận và thực tiễn về tình hình chăn nuôi bò, các giống bò ở Việt Nam và tỉnh Vĩnh Phúc. Xây dựng 03 mô hình chăn nuôi bò cái lai B.B.B sinh sản (lựa chọn bò cái nền lai B.B.B; theo dõi các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh sản của bò cái nền lai B.B.B; tiến hành phối giống theo dõi các chỉ tiêu sinh trưởng của bò lai sinh ra). Xây dựng quy trình kỹ thuật chăn nuôi bò cái lai B.B.B sinh sản. Đánh giá kết quả thực hiện đề tài, so sánh các chỉ tiêu sinh trưởng, sinh sản của các giống bò hiện có của tỉnh Vĩnh

Phúc, đề xuất các giải pháp nhân rộng mô hình.

Số hồ sơ lưu: VPC-019-2020

#### **40402. Tài nguyên rừng**

82275.07-2022 **Nghiên cứu mở rộng mô hình trồng thông caribê (*Pinus Caribaea Morelet*) nhằm cung cấp gỗ lớn và lấy nhựa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc/ TS. Bùi Trọng Thủy, - Vĩnh Phúc - Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp Đông Bắc Bộ, 2018; 01/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Mở rộng diện tích trồng Thông caribê trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Xây dựng các mô hình thí nghiệm trồng Thông caribê tại huyện Sông Lô và Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc Thông caribê trên địa bàn tỉnh. Đánh giá đề xuất phương hướng giải pháp nhân rộng mô hình phát triển sản xuất giống Thông caribê trên địa bàn tỉnh.

Số hồ sơ lưu: VPC-018-2020

#### **40403. Quản lý và bảo vệ rừng**

80490.07-2022 **Nghiên cứu bảo tồn và phát triển các loài Sâm Lai Châu ( *Panax vietnamensis* var. *fuscidiscus*), Tam Thất hoang ( *panax stipuleanatus*) ở các xã vùng cao huyện Mường Tè/ ThS. Phạm Quang Tuyền, Ths. Phạm Quang Tuyền; CN. Nguyễn Thị Hoài Anh; ThS. Nguyễn Quang Hưng; PGS.TS. Đỗ Thị Hà; Ths. Trịnh Ngọc Bon; Ths. Phan Ngọc Quân; Ths. Bùi Thanh Tân; Kiều Văn Vinh; Ths. Nguyễn Thị Vân Anh; Ma Doãn Thao. - Hà Nội - Viện Nghiên cứu**

Lâm sinh, 2018; 10/2014 - 01/2018.  
(Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định được đặc điểm sinh thái, khu phân bố, mức độ nguy cấp loài và giá trị dược liệu của loài Sâm Lai Châu. Xác định được nguồn gen đạt tiêu chuẩn cây giống gốc Sâm Lai Châu tại Mường Tè và thu thập bổ sung nguồn gen Tam thất hoang từ Sapa để gây trồng và phát triển. Nghiên cứu được kỹ thuật trồng thâm canh và xây dựng mô hình Tam thất hoang trong vườn hộ và dưới tán rừng. Chuyển giao được kỹ thuật trồng và chăm sóc Sâm Lai Châu, Tam thất hoang tại huyện Mường Tè.

Số hồ sơ lưu: LCU- KQNC-2021-016

#### **40406. Nông lâm kết hợp**

80270.07-2022 Nghiên cứu xây dựng mô hình tiêu trà hiệu quả và bền vững ở tỉnh Hậu Giang/ TS. Lê Hoàng Xuyên, Lê Hoàng Xuyên, Tiến sĩ; Sầm Lạc Bình, Thạc sĩ; Nguyễn Khánh, Thạc sĩ; Nguyễn Quốc Thái, Thạc sĩ; Trần Lê Bách, CN; Trần Quốc Yên, kỹ sư; Nguyễn Thiện Hòa, KS; Danh Hồ, KS; Phan Thị Cẩm Ướt, KS; Nguyễn Thanh Thúy, Thạc sĩ Thành viên Chi cục Trồng Trọt – Bảo vệ thực vật Hậu Giang - Hậu Giang - Ban quản lý Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang, 2020 - 01/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

So sánh hiệu quả kinh tế mang lại của các mô hình lúa, khóm và tiêu – trà trên đơn vị diện tích; nghiên cứu tính tương hợp của cây

Trà cho sự phát triển của cây tiêu như sự phân bố của rễ của hai loại cây, dinh dưỡng trong vỏ trà và khả năng đối kháng một số tác nhân gây bệnh trên của tiêu của một số dịch trích từ các bộ phận của cây trà; nghiên cứu ứng dụng một số chế phẩm có nguồn gốc an toàn với môi trường trên ba mô hình tiêu trà ở các huyện Vị Thủy, Long Mỹ và thành phố Vị Thanh; tạo ra sự liên kết trong sản xuất giữa các hộ nông dân, hộ nông dân với nhà doanh nghiệp

Số hồ sơ lưu: hgi-2020-002

#### **40499. Khoa học công nghệ lâm nghiệp khác**

82346.07-2022 Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát sự thay đổi diện tích rừng và đất lâm nghiệp bằng công nghệ viễn thám, phục vụ phát triển bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu ở tỉnh Bắc Giang/ TS, Trần Văn Khoa, TS. Nguyễn Hải Hòa; ThS. Nguyễn Văn Cường; TS. Bùi Mạnh Hưng; TS. Bùi Xuân Dũng; TS. Ngô Duy Bách; TS. Nguyễn Thị Thanh An; Ths. Giang Trọng Toàn; TS. Kiều Thị Dương; ThS. Đồng Thanh Lâm; ThS. Nguyễn Văn Hiệu - Bắc Giang - Trường Đại học Lâm nghiệp, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng giải pháp thực tiễn đảm bảo nâng cao hiệu quả quản lý rừng và đất lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Bắc Giang trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Xây dựng phần mềm ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS cho phép giám sát sự thay đổi rừng và đất lâm nghiệp trên

địa bàn tỉnh Bắc Giang. Đào tạo 20 cán bộ quản lý sử dụng phần mềm; tập huấn kỹ thuật cho ít nhất 100 lượt người về công tác quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng, đất lâm nghiệp (cán bộ địa chính, lâm nghiệp, kiểm lâm). Các sản phẩm của đề tài mang lại hiệu quả tích cực về kinh tế, giảm đáng kể các chi phí điều tra, đánh giá, giám sát lửa rừng, sự thay đổi rừng và đất lâm nghiệp. Đồng thời góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu của nhóm nghiên cứu và những người tham gia.

Số hồ sơ lưu: ĐTCT62/2021

#### **40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản**

80989.07-2022 **Nghiên cứu đánh giá vật liệu chọn giống nâng cao tốc độ sinh trưởng cá rô phi vằn (*Oreochromis niloticus*) nuôi trong điều kiện nhiệt độ không tối ưu/** ThS. Nguyễn Thị Hoa, ThS. Nguyễn Hồng Điệp; TS. Trần Đình Luân; TS. Nguyễn Văn Tiến; TS. Nguyễn Hữu Ninh; ThS. Nguyễn Thị Biên Thùy; KS. Nguyễn Hải Đăng; KS. Vũ Huy Hoàng - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2014; 01/2011 - 12/2013. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước và quốc tế về chọn giống trong nuôi trồng thủy sản và hiệu quả chọn lọc. Lựa chọn và đánh giá quần đàn chọn giống ban đầu. Ước tính các thông số di truyền cơ bản cho tính trạng tăng trưởng trong điều kiện nhiệt độ không tối ưu. Đánh giá hệ số di truyền giá trị chọn lọc. Đánh giá hiệu quả chọn lọc

trong môi trường nhiệt độ không tối ưu.

Số hồ sơ lưu: BNH-001-2021

#### **40504. Nuôi trồng thủy sản**

80823.07-2022 **Nghiên cứu xây dựng quy trình nuôi cá chép V1 thương phẩm bằng công nghệ vi sinh năm 2019/** ThS. Nguyễn Tiến Dũng, KS. Đỗ Thành Luân; KS. Trần Mỹ Hương; KS. Bùi Văn Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Thu Bình - Lào Cai - Trung tâm giống nông nghiệp tỉnh Lào Cai, 2020 - 05/2019 - 02/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng và hoàn thiện quy trình nuôi cá chép V1 thương phẩm bằng công nghệ vi sinh năm 2019. Nghiên cứu sản xuất vi sinh thứ cấp và xác định ảnh hưởng của của chế phẩm vi sinh đến sinh trưởng, tỷ lệ sống đối với cá nuôi thử nghiệm, sử dụng 2 công thức, mỗi công thức được lặp lại 2 ao. Nghiên cứu ảnh hưởng của thức ăn khác nhau đến sinh trưởng, tỷ lệ sống đối với cá nuôi thử nghiệm sử dụng 2 công thức thức ăn, mỗi 1 công thức thức ăn được triển khai tại 2 ao.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2020-005

80825.07-2022 **Ứng dụng công nghệ nuôi thương phẩm cá vược (*Lates calcarifer*) trong ao tại huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai/** KS. Bùi Trung Tá, KS. Nguyễn Thị Nguyệt; ThS. Ngô Chí Phương; KS. Nguyễn Mạnh Hà; KS. Nguyễn Thị Hồng; KS. Hoàng Thị Thanh Xuân - Lào Cai - Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tỉnh Lào

Cai, 2020 - 01/2018 - 03/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ nuôi thương phẩm cá vược (*Lates calcarifer*) trong ao nước ngọt. Khảo sát, lựa chọn địa điểm triển khai dự án với quy mô 2ha. Đào tạo nâng cao năng lực, tập huấn kiến thức về nuôi thương phẩm cá vược. Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá vược trong ao nước ngọt đạt hiệu quả kinh tế cao tại huyện Bảo Thắng, Lào Cai. Xây dựng quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩm cá vược trong ao phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh Lào Cai.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2020-007

80876.07-2022 **Nghiên cứu nuôi cua *Scylla paramamosain* lột với một số mô hình khác nhau trên địa bàn thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu/** ThS. Lâm Tâm Nguyên, TS. Trần Văn Chiêu ThS. Phạm Hồng Đâu; TS. Trần Thị Bé; TS. Nguyễn Văn Tho; ThS. Lê Ngọc Bửu - Bạc Liêu - Trường đại học Bạc Liêu, 2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu thực hiện bao gồm 2 thí nghiệm nuôi cua lột cắt càng, chân bò với mô hình và mật độ khác nhau được thực hiện tại hợp tác xã Nam Đông, tỉnh Bạc Liêu. Thí nghiệm 1 nuôi cua lột cắt càng, chân bò với các mô hình khác nhau: mô hình thay nước truyền thống, mô hình ứng dụng công nghệ lọc sinh học tuần hoàn và mô hình ứng dụng công nghệ Biofloc mỗi nghiệm thức được lặp lại 5 lần.

Số hồ sơ lưu: BLU-001-2021

81946.07-2022 **Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nuôi thương phẩm cá chiên bằng lồng trên sông theo hướng sản xuất hàng hóa tại các tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang/** KS. Nguyễn Thị Loan, CN. Lê Thị Thanh Hương; CN. Phạm Huy Hưng; KS. Vũ Đức Sơn; CN. Hồ Thị Kim Phượng; CN. Nguyễn Thị Lương; CN. Lê Hoàng; KS. Nguyễn Thị Hoa; KS. Nguyễn Quốc Vương - Hà Nội - Trung tâm Hỗ trợ nông dân, nông thôn, 2021; 12/2016 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá chiên trong lồng trên sông với quy mô 60 lồng nuôi cho 2 tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang. Tiến hành đào tạo kỹ thuật viên cho 10 học viên, tập huấn kỹ thuật cho 120 hộ nông dân nuôi cá chiên trong lồng. Đồng thời, xây dựng 5 quy trình chuyên gia công nghệ nuôi cá chiên thương phẩm trong lồng phù hợp với 2 tỉnh trên.

Số hồ sơ lưu: 19576

82271.07-2022 **Nghiên cứu, ứng dụng chế phẩm sinh học BioGro-MT1 và BioGro-MT2 để xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản tại Vĩnh Phúc/** CN. Đỗ Văn Lợi, TS. Mai Lâm Hạc - Vĩnh Phúc - Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh Vĩnh Phúc, 2018; 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan trong nước, ngoài nước về chế phẩm sinh học nói chung và chế phẩm BioGro-MT1 và BioGro-MT2 nói riêng. Điều tra, khảo sát, đánh giá tình hình nuôi trồng thủy sản tại một số địa phương

về quy mô, phương thức nuôi trồng, tình hình ô nhiễm để lựa chọn địa điểm triển khai thực hiện. Nghiên cứu xây dựng mô hình nuôi cá ứng dụng chế phẩm BioGro-MT1 và BioGro-MT2 quy mô 0,5 ha. Xây dựng quy trình sử dụng chế phẩm BioGro-MT1 và BioGro-MT2. Đánh giá kết quả thực hiện đề tài và đề xuất một số giải pháp nhằm nhân rộng ứng dụng chế phẩm BioGro-MT1, BioGro-MT2.

Số hồ sơ lưu: VPC-014-2020

82502.07-2022 **Nghiên cứu đánh giá tác động môi trường của việc nuôi hào (*Crassostrea spp.*) bằng vỏ xe trên địa bàn huyện Cần Giờ/ PGS. TS. Vũ Cẩm Lương, ThS. Nguyễn Thị Bạch Mai; ThS. Võ Thanh Liêm; ThS. Võ Thị Thanh Bình; ThS. Trần Văn Minh; ThS. Văn Hữu Nhật; ThS. Nguyễn Thị Thanh Trúc; ThS. Lê Thị Ngọc Hân; PGS. TS. Nguyễn Như Trí; PGS. TS. Nguyễn Phước Dân; TS. Nguyễn Phúc Cẩm Tú; KS. Phạm Tân Toàn; KS. Võ Văn Phẳng; ThS. Phan Duy Tuyên - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM, 2020 - 09/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu đánh giá tác động môi trường của việc nuôi hào (*Crassostrea spp.*) bằng vỏ xe trên địa bàn huyện Cần Giờ, qua đó đề xuất giải pháp kỹ thuật và quản lý để phát triển bền vững nghề nuôi hào ở địa phương. Đánh giá hiện trạng kỹ thuật, điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội của nghề nuôi hào bằng vỏ xe ở Cần Giờ. Đánh giá tác động của vỏ

xe cũ đến môi trường và sản phẩm hào của vùng nuôi. Đề xuất giải pháp kỹ thuật và quản lý để giảm thiểu tác động xấu và phát triển bền vững nghề nuôi.

Số hồ sơ lưu: HCM-041-2021

82315.07-2022 **Nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) quảng canh cải tiến hai giai đoạn sử dụng chế phẩm sinh học tại xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau/ Ks. Trần Thanh Đông, Ks. Trần Thanh Đông; Ks. Võ Văn Giáp; Ks. Lý Trường An - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Phú Tân - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Phú Tân, 2021; 07/2020 - 01/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Đây là dự án ứng dụng chế phẩm sinh học (EMOZEO) trong nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) quảng canh cải tiến hai giai đoạn tại xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Qua kết quả thực hiện vụ nuôi, góp phần củng cố thêm cơ sở vững chắc cho việc ứng dụng chế phẩm sinh học (EMOZEO) vào nghề nuôi tôm sú QCCT. Việc ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nhất là việc ứng dụng quy trình xử lý bằng sinh học đã làm giảm tác động của môi trường đối với tôm nuôi, cân bằng hệ sinh thái trong ao, hạn chế dịch bệnh và nâng cao năng suất, chất lượng tôm thương phẩm. Từ đó làm cơ sở để hướng đến phát triển nghề nuôi tôm sú QCCT một cách bền vững. Đồng thời còn góp phần hoàn thành tiêu chí thu nhập và kinh tế tập thể trong xây dựng nông thôn mới.

Số hồ sơ lưu: CMU-2021-013

82549.07-2022 **Ứng dụng Công nghệ Biofloc nhằm nâng cao tỷ lệ sống của tôm sú (*Penaeus monodon*) trong giai đoạn ương giống từ post 1.2 - 1.5 cm lên 2.2 - 3cm tại huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau/** Ks. Lê Thanh Tuấn, Ks. Lê Thanh Tuấn; Ks. Phạm Tiến Sĩ; KS. Phạm Ngọc Khỏe - Chi Cục thủy sản Cà Mau - Chi cục Thủy sản Cà Mau, 2020 - 12/2019 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào quy trình ương tôm giống nhằm tăng tỷ lệ sống tôm nuôi và hướng tới mô hình nuôi và hướng tới mô hình nuôi bền vững. Kết quả đạt được sẽ là cơ sở để nhân rộng trong thời gian tới. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật ương tôm sú (*Penaeus monodon*) theo qui trình Biofloc tại tỉnh Cà Mau để phổ biến và nhân rộng cho người nuôi tôm trong tỉnh.

Số hồ sơ lưu: CMU-2021-015

#### **40505. Hệ sinh thái và đánh giá nguồn lợi thủy sản**

80878.07-2022 **Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật để nâng cấp và hiện đại hóa hệ thống thủy lợi nội đồng phục vụ phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu/** TS. Nguyễn Đình Vượng, GS.TS. Lê Sâm; ThS. Trần Minh Tuấn; ThS. Huỳnh Ngọc Tuyên; ThS. Nguyễn Lê Huân; ThS. Nguyễn Văn Lân; KS. Nguyễn Xuân Hòa; ThS. Trần Hoài Giang; PGS. TS. Nguyễn Nghĩa Hùng; ThS. Võ Văn Thanh -

Bạc Liêu - Trung tâm Nghiên cứu Thủy nông và Cấp nước, 2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng và đề xuất được các giải pháp nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và làm muối đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông - ngư - diêm nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. Đề xuất được 06 mô hình hệ thống thủy lợi nội đồng mẫu phục vụ sản xuất và xây dựng nông thôn mới cho 06 xã, thị trấn đại diện 03 vùng sinh thái của tỉnh Bạc Liêu.

Số hồ sơ lưu: BLU-002-2020

#### **40599. Khoa học công nghệ thủy sản khác**

82329.07-2022 **Xây dựng và phát triển mô hình tôm - lúa luân canh trên vùng đất phèn nhiễm mặn ở huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang/** Ks. Nguyễn Hoàng Tâm, Ths.Lê Kim Ngọc; Ks.Phạm Công Lịnh; Ks.Trần Văn Đẹp; Ks.Sơn Ngọc Huyền; Ths.Hứa Huy Bình; Ths.Nguyễn Thị Thùy Lam; Ks.Nguyễn Thị Cẩm Ngân; Ks.Lê Hoàng Anh; CN.Nhan Thị Bảo Xuyên; CN.Dương Kim Sơn; Ts.Lê Hồng Việt - Hậu Giang - Sở Nông nghiệp và PTNT Hậu Giang, 2020 - 05/2017 - 05/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Dự án điều tra 60 hộ sản xuất lúa, tôm - lúa, cá - lúa bằng cách phỏng vấn theo phiếu câu hỏi được chuẩn bị sẵn để so sánh, đánh giá hiệu quả của các mô hình này với mô hình thực nghiệm tôm - lúa QC

và QCCT. Kết quả điều tra cho thấy so với mô hình thực nghiệm, đa phần các nông hộ được điều tra có hệ thống công trình chưa đảm bảo, chưa đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật trong nuôi tôm; Như vậy có thể thấy, mô hình tôm sú - lúa luân canh phù hợp với vùng đất phèn bị nhiễm mặn vào mùa khô ở ngoài đê bao ngăn mặn xã Lương Nghĩa. Mô hình đã tận dụng được nguồn nước mặn xâm nhập như một tài nguyên quý giá cùng với đất đai đã giúp người dân nâng cao thu nhập gấp 2,0.

Số hồ sơ lưu: hgi-2020-004

#### **40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;**

81943.07-2022 **Khai thác, phát triển nguồn gen lúa nếp địa phương chất lượng cao (Nếp tan nhe, Khẩu nua nương) phục vụ sản xuất hàng hóa tại miền núi phía Bắc/** TS. Vũ Linh Chi, ThS. Dương Thị Hồng Mai; ThS. Nguyễn Thị Tâm Phúc; CN. Nguyễn Thị Thu Hằng; ThS. Trịnh Thùy Dương; ThS. Nguyễn Tiến Hải; ThS. Đinh Long Xuyên - Hà Nội - Trung tâm Tài nguyên Thực vật, 2021; 10/2016 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra, phân tích, đánh giá bổ sung đặc điểm nông sinh học đặc trưng của 02 giống lúa Nếp tan nhe, Khẩu nua nương. Tiến hành nghiên cứu xây dựng quy trình phục tráng cũng như quy trình canh kỹ thuật canh tác cho 02 giống lúa Nếp tan nhe, Khẩu nua nương. Đồng thời, nghiên cứu hoàn thiện quy trình bảo quản, chế biến và xây dựng mô hình

sản xuất hàng hóa phù hợp cho 02 giống lúa trên.

Số hồ sơ lưu: 19582

82071.07-2022 **Nghiên cứu chọn tạo giống dâu và giống tầm cho vụ hè đạt năng suất cao cho các tỉnh phía Bắc/** TS. Nguyễn Thị Min, TS. TS. Lê Hồng Vân; ThS. Phạm Tuấn Nho; ThS. Tống Thị Sen; ThS. Nguyễn Thị Thu; ThS. Nguyễn Thúy Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Khánh Ly; ThS. Nguyễn Thị Lương; ThS. Lê Thị Xuân; TS. Lê Quang Tú - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu Dâu tầm tơ Trung ương, 2020 - 01/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Chọn tạo được giống dâu lai phù hợp cho việc cắt cành thích hợp cho việc nuôi tầm ở các thời vụ khác nhau; Chọn tạo giống tầm mới cho vụ hè có năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng chịu được một số bệnh hại chính (virus, vi khuẩn). Đánh giá tập đoàn dòng mới ngoài đồng ruộng, theo TCVN 9485:2013 về Giống dâu. Phương pháp thu thập, đánh giá, mô tả và lưu giữ. Thí nghiệm bố trí theo 3 lần nhắc lại; Số liệu thu thập theo TCVN 9485:2013, xử lý kết quả theo chương trình IRRISTAT. Chỉ tiêu theo dõi: Đặc trưng hình thái và đặc tính nông sinh học theo TCVN 9485:2013. Chọn tạo được giống tầm VNT2 có sức sống tầm đạt trên 94%, năng suất kén bình quân đạt 12,75 kg kén/vòng trứng, cao hơn đôi chứng 11,86%, có sức chống chịu bệnh hại tốt (virus, vi khuẩn) nuôi trong điều kiện của vụ Hè đã được Cục Chăn nuôi – Bộ Nông

nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận tiến bộ kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: 19623

#### **40699. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp khác**

82341.07-2022 Nghiên cứu, xây dựng bộ chỉ số giám sát một số sản phẩm (rau, thịt) an toàn nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang/ Th.S Trần Thị Loan, ThS Trần Thị Loan; Th. Nguyễn Võ Kiên; ThS Hoàng Thị Chung; TS Nguyễn Võ Linh; PGS.TS Nguyễn Trọng Xuân; TS Nguyễn Quốc Hiếu; TS Trịnh Quang Tuyên; TS Hồ Kim Hương; GS.TS Phạm Văn Đình; ThS Hoàng Thị Ánh - Hà Nội - Viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp, 2020 - 02/2018 - 01/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Với mục tiêu nâng hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản, góp phần nâng cao giá trị chất lượng, năng lực cạnh tranh của nông sản góp phần phát triển bền vững ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Giang. Nghiên cứu cơ sở lý luận chung và vai trò của việc xây dựng bộ chỉ số an toàn cho sản phẩm rau và thịt; Đánh giá, phân tích hiện trạng tình hình sản xuất, sơ chế, chế biến, tiêu thụ đối với rau thịt an toàn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ số giám sát an toàn cho rau và thịt; xây dựng 03 mô hình tại các huyện Yên Dũng, Tân Yên, Yên Thế áp dụng bộ chỉ số trên cơ sở kết quả bộ chỉ số an toàn thực phẩm rau và thịt toàn tỉnh Bắc Giang, Đồng thời đưa ra 05 nhóm giải pháp nhằm quản lý,

giám sát sản xuất nông sản an toàn tỉnh Bắc Giang.

Số hồ sơ lưu: ĐTCT63/2021

#### **5. Khoa học xã hội**

82331.07-2022 Đánh giá mức độ hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới (NTM) trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ TS. Nguyễn Thùy Trang, Phó giáo sư; tiến sĩ Nguyễn Duy Cần; Phó giáo sư; tiến sĩ Nguyễn Phú Sơn; Tiến sĩ Võ Hồng Tú; Thạc sĩ Đỗ Văn Hoàng; Thạc sĩ Lê Văn Dẽ; Huỳnh Thành Hữu; Thạc sĩ; Trịnh Thị Chúc Ly; CN Nguyễn Văn Linh; Cử nhân Trần Văn Khoa; Thạc sĩ Phạm Minh Trí - Hậu Giang - Đại học Cần Thơ (Khoa Phát triển Nông thôn), 2020 - 12/2018 - 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng nông thôn mới (NTM) là chương trình mục tiêu quốc gia nhằm phát triển toàn diện về kinh tế, xã hội và môi trường cho khu vực nông thôn. Kết quả nghiên cứu cho thấy, người dân có mức hài lòng khá cao đối với chương trình xây dựng NTM và có 04 nhóm nhân tố ảnh hưởng mức độ hài lòng của người dân về chương trình xây dựng NTM, gồm vai trò của chính quyền và người dân, thông tin và kiến thức, lợi ích của chương trình và tham gia của người dân. Đối với tác động của chương trình xây dựng NTM, kết quả nghiên cứu cho thấy chương trình có tác động tích cực đến thu nhập và đời sống kinh tế xã hội tại địa bàn nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, người dân tham gia khá tốt vào chương trình xây dựng NTM theo phương châm “dân



biết, dân bàn, dân làm và dân kiểm tra”. Nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường và thu hút sự tham gia của người dân vào chương trình xây dựng NTM.

Số hồ sơ lưu: hgi-2020-005

### **50102. Tâm lý học chuyên ngành**

82219.07-2022 **Nghiên cứu giải pháp hình thành kỹ năng sống cho học sinh trung học cơ sở trên địa bàn Thành phố Vĩnh Yên/ Nguyễn Thị Kim Chung, Nguyễn Thị Kim Thoa - Vĩnh Phúc - Sở Khoa học và Công nghệ, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu giải pháp hình thành kỹ năng sống giúp học sinh THCS tại Thành phố Vĩnh Yên góp phát triển toàn diện, hình thành lối ứng xử tốt với xã hội, môi trường. Góp phần nâng cao nhận thức, tăng cường phối hợp giữa nhà trường - gia đình, xã hội trong việc giáo dục, phát triển con người và hòa nhập tốt xã hội.

Bằng các tác động tâm lý - xã hội vào các chỉ số tâm lý tính đúng đắn, tinh thành thực và tính linh hoạt của kỹ năng sống trong thực tiễn giáo dục, rèn luyện nhằm hình thành kỹ năng sống của học sinh. Qua đó, đi đến khẳng định tính đúng đắn của các chỉ số tâm lý của tính đúng đắn, tinh thành thực và tính linh hoạt của kỹ năng sống đã được nghiên cứu chỉ ra; rút ra những kết luận; đề xuất các giải pháp, kiến nghị giúp việc kỹ năng sống của học sinh trung học cơ sở tại thành phố Vĩnh Yên đạt hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: VPC-009-2020

### **50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh**

81164.07-2022 **Giải pháp phát triển nông nghiệp công nghệ cao vùng Tây Nguyên trong bối cảnh liên kết vùng và hội nhập quốc tế mới/ PGS. TS. Bùi Đức Hùng, TS. Trịnh Thị Thu; TS. Phạm S; TS. Nguyễn Duy Thụy; TS. Lê Đức Niêm; PGS. TS. Nguyễn Mạnh Toàn; PGS.TS.Võ Thị Thúy Anh; TS. Hoàng Dương Việt Anh; TS. Nguyễn Thị Tô Quyên; TS. Hoàng Vũ Quang; TS. Võ Thanh Hải; PGS. TS. Lê Đức Toàn; TS. Nguyễn Hữu Phú; PGS. TS. Nguyễn Gia Như; TS.Hồ Văn Nhàn; TS. Đinh Như Hoài; TS. Cao Tuấn Phong; ThS. Lê Thị Trường An; ThS. Bùi Đức Phi Hùng; TS. Lê Thị Hồng Dương; TS. Ngô Trần Xuất; TS. Phan Thị Hoàn; ThS. Lê Văn Hà; ThS. Trần Quốc Hùng; CN. Lê Minh Đức; ThS. Đinh Thế Toàn; ThS. Trần Thị Thu Huyền - Đà Nẵng - Viện Khoa học Xã hội vùng Trung Bộ, 2020 - 07/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xây dựng khung lý thuyết nông nghiệp công nghệ cao; khung chính sách thúc đẩy hoạt động này, kinh nghiệm thế giới, bài học với Tây Nguyên. Làm rõ thực trạng, mức độ thực hiện sản xuất nông nghiệp công nghệ cao từ khâu giống, tổ chức sản xuất, thu hoạch, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Phát hiện những bất cập trong chính sách thúc đẩy phát triển nông nghiệp cả nước, vùng hay từng địa phương so với yêu cầu hướng tới nền nông nghiệp công nghệ cao. Xây dựng quan điểm, định hướng nội dung và giải pháp nhằm hoàn thiện

chính sách hướng đến nền nông nghiệp công nghệ cao ở các tỉnh Tây Nguyên.

Số hồ sơ lưu: 19340

81927.07-2022 **Nghiên cứu đề xuất các chỉ số tổng hợp phản ánh đóng góp, tác động của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam/** ThS. Đinh Tuấn Minh, ThS. Phan Xuân Linh; TS. Nguyễn Hà Thị Quỳnh Trang; TS. Phạm Thê Anh; TS. Lê Thanh Hà; TS. Đinh Thị Thanh Bình; ThS. Nguyễn Thị Phương Mai; CN. Phạm Thị Thắm; ThS. Nguyễn Thùy Liên; CN. Trịnh Duy Hoàng - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2020 - 04/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan các phương pháp phản ánh đóng góp, tác động của STI đối với tăng trưởng kinh tế hiện đang được áp dụng trên thế giới. Qua đó, lựa chọn một số chỉ số STI tổng hợp phù hợp nhất với điều kiện của Việt Nam. Đồng thời tiến hành phân tích cơ chế đóng góp và đánh giá mức độ đóng góp, tác động của STI vào tăng trưởng kinh tế Việt Nam dựa trên các chỉ số đó.

Số hồ sơ lưu: 19570

81944.07-2022 **Nghiên cứu, đề xuất mô hình sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên xuyên biên giới thuộc ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia (gồm các tỉnh Kon Tum, Quảng Nam, Đà Nẵng, Ratanakiri, Attapeu)/** ThS. Vương Hồng Nhật, PGS.TS. Lại Vĩnh cảm; ThS. Lê Bá Biên; PGS.TS. Nguyễn

Đình Dương; GS.TSKH. Hoàng Văn Huây; PGS.TS. Trần Trung Dũng; PGS.TS. Nguyễn Hiệu; PGS.TS. Nguyễn An Thịnh; PGS.TS. Lưu Thế Anh; KS. Nguyễn Hữu Tứ; TS. Đào Đình Châm; TS. Hoàng Lưu Thu Thủy; TS. Lê Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Văn Hồng - Hà Nội - Viện Địa lý, 2021; 07/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu xây dựng luận cứ khoa học mô hình sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên (TNTN) xuyên biên giới. Tiến hành điều tra bổ sung, cập nhật số liệu, dữ liệu về điều kiện tự nhiên, TNTN, kinh tế - xã hội (KT-XH) vùng nghiên cứu. Đồng thời, nghiên cứu xây dựng bộ chỉ số mô hình sử dụng bền vững tài nguyên xuyên biên giới (đất, nước, rừng) khu vực nghiên cứu và đề xuất các mô hình sử dụng TNTN bền vững xuyên biên giới khu vực nghiên cứu. Xây dựng cơ sở dữ liệu GIS các chỉ số của mô hình sử dụng bền vững tài nguyên xuyên biên giới (tỷ lệ 1:100.000 cấp tỉnh và tỷ lệ 1:250.000 toàn vùng nghiên cứu).

Số hồ sơ lưu: 19575

81953.07-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp chính sách hỗ trợ phát triển các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam/** PGS.TS. Lê Trung Thành, TS. Đoàn Xuân Hậu; TS. Nguyễn Hữu Xuyên; PGS.TS. Phạm Hồng Chương; PGS.TS. Phạm Thị Huyền; PGS.TS. Lê Hà Thanh; PGS.TS. Vũ Minh Đức; TS. Đào Văn Thanh; TS. Nguyễn Đình Toàn; TS. Đỗ Khắc Hưởng; TS. Nguyễn Thị Phương Linh; TS. Dương Công

Doanh; ThS. Nguyễn Minh Hiên; PGS.TS. Vũ Huy Thông; TS. Phạm Văn Tuấn; TS. Nguyễn Thị Thu Cúc; PGS.TS. Đào Thị Thanh Lam; TS. Lê Ba Phong; TS. Nguyễn Thị Kim Chi; TS. Lê Quang Dũng; PGS.TS. Bùi Văn Hưng; TS. Phan Thị Thu Hiền; TS. Lê Thùy Hương - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2021; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nhận diện thực trạng hoạt động của các tổ chức trung gian ở thị trường khoa học và công nghệ ở Việt Nam. Xác định mô hình hoạt động và mạng lưới của tổ chức trung gian theo hướng chuyên nghiệp tại Việt Nam. Qua đó, Đề xuất các giải pháp chính sách hỗ trợ phát triển các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam thông qua việc phân tích thực trạng hoạt động của các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, đánh giá năng lực và kết quả hoạt động của các tổ chức trung gian.

Số hồ sơ lưu: 19574

82132.07-2022 **Nghiên cứu, hướng dẫn doanh nghiệp Việt Nam thực hiện chứng nhận sản phẩm theo các Chương trình chứng nhận CE-Marking, UL, RoHS/** TS. Bùi Bá Chính, ThS. Hà Thị Phương Thảo; TS. Lê Ngọc Thúc; CN. Đặng Minh Dược; ThS. Nguyễn Tố Minh; CN. Nguyễn Quốc Anh; TS. Shin Joong Ha; TS. Hoàng Quốc Việt - Hà Nội - Trung tâm Chứng nhận Phù hợp (QUACERT), 2021; 01/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng nhu cầu của các doanh nghiệp Việt Nam về các chương trình chứng nhận CE-Marking, UL, RoHS. Đào tạo cán bộ, chuyên gia tư vấn tại các tổ chức quốc tế và các chương trình chứng nhận theo CE-Marking, UL, RoHS, Xây dựng các bộ tài liệu về các chương trình chứng nhận CE-Marking, UL, RoHS. Tổ chức các khóa đào tạo cho doanh nghiệp về cách thức, quy trình triển khai các chương trình CE-Marking, UL, RoHS. Tư vấn, hỗ trợ 6 doanh nghiệp được lựa chọn triển khai thực hiện chương trình chứng nhận CE-Marking, UL, RoHS. Tổng kết, đánh giá, quảng bá thông tin về chương trình, chia sẻ kinh nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 19642

82162.07-2022 **Phát triển nhanh và bền vững: Kinh nghiệm thành công của thế giới và định hướng chính sách của Việt Nam trong điều kiện mới/** PGS. TS. Nguyễn Tiến Dũng, TS. Nguyễn Thanh Trọng; PGS. TS. Nguyễn Văn Luân; PGS. TS. Nguyễn Chí Hải; PGS. TSKH. Phạm Đức Chính; TS. Trần Đình Lâm; GS. TS. Ngô Thắng Lợi; TS. Vũ Trọng Bình; TS. Nguyễn Đình Huy; TS. Nguyễn Đình Hưng; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Trương Trọng Hiếu; ThS. Huỳnh Thị Ly Na; ThS. Hoàng Xuân Vũ; ThS. Huỳnh Đình Phát; ThS. Hoàng Ngọc Hiếu - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật, 2021; 02/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu xác lập những luận cứ khoa học của phát triển nhanh và

bền vững (PTN&BV); kinh nghiệm về chính sách, cơ chế và điều kiện mà một số nước trên thế giới đã thành công trong việc PTN&BV; xác định những điều kiện, khả năng vận dụng kinh nghiệm của thế giới vào Việt Nam và đề xuất những chính sách nhằm thực hiện mục tiêu PTN&BV trong điều kiện mới, góp phần xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030.

Số hồ sơ lưu: 19649

82269.07-2022 **Nghiên cứu phát triển hệ thống sản phẩm du lịch tỉnh Vĩnh Phúc/** TS.Trần Thị Xuyên, - Vĩnh Phúc - Ban quản lý di tích, 2018; 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu lý thuyết về sản phẩm du lịch và vai trò của hệ thống sản phẩm du lịch trong hoạt động du lịch của tỉnh Vĩnh Phúc. Trên cơ sở lý thuyết được nghiên cứu, phân tích đánh giá thực trạng hệ thống sản phẩm du lịch của tỉnh Vĩnh Phúc; Nghiên cứu các giải pháp nhằm phát triển hệ thống sản phẩm du lịch tỉnh Vĩnh Phúc phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của khách du lịch quốc tế và khách du lịch nội địa.

Số hồ sơ lưu: VPC-012-2020

82273.07-2022 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc/** TS. Trương Đức Thiệp, - Vĩnh Phúc - Trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp, 2018; 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, đánh giá thực trạng của việc ứng dụng cơ giới hoá vào sản xuất nông nghiệp địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Từ đó đưa ra một số giải pháp để thúc đẩy quá trình ứng dụng cơ giới hoá vào khâu sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong thời gian tới. Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về ứng dụng cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp; Đánh giá thực trạng của việc ứng dụng cơ giới hoá vào sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Vĩnh Phúc; Phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng cơ giới hoá vào sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Vĩnh Phúc; Xây dựng phương pháp xác định tiêu chí đánh giá trình độ ứng dụng cơ giới hoá vào sản xuất nông nghiệp; Đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường ứng dụng cơ giới hoá vào sản xuất nông nghiệp ở Vĩnh Phúc trong thời gian từ nay đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030.

Số hồ sơ lưu: VPC-016-2020

### **50202. Kinh doanh và quản lý**

81475.07-2022 **Đội ngũ doanh nhân ở TP. Hồ Chí Minh: thực trạng và giải pháp nâng cao năng lực hoạt động trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế/** Trần Văn Phương , TS. Trần Văn Thiện ; Lê Thị Dung; ThS. Nguyễn Thị Hà; . ThS. Lê Thanh Hải; Nguyễn Thị Thanh Tâm; ThS. Lương Ngọc Thảo; ThS. Nguyễn Thị Lê Uyên ; Trần Văn Phúc; Nguyễn Thái Đặng Hồng Ân ; ThS. Tô Thị Thùy Trang ; TS. Nguyễn Thị Hoài Hương ; ThS. Nguyễn Thị Hồng Duyên ; Hồ Thị Luán; TS. Lê Thị Mỹ Hà ; ThS. Mai

Thị Quế ; ThS. Nguyễn Đăng Phương Truyền ; ThS. Trần Quốc Dũng; ThS. Cao Thanh Bình 10. ThS. Phạm Hoàng Phước; ThS. Trần Thị Phương Lan - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Phát triển TP. Hồ Chí Minh, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích và đánh giá thực trạng phát triển và năng lực hoạt động của đội ngũ doanh nhân Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay; vị thế - vai trò của đội ngũ doanh nhân đối với sự phát triển của Thành phố. Đặc trưng của doanh nhân Thành phố Hồ Chí Minh: số lượng, quy mô, đặc điểm về lịch sử, đặc điểm về địa kinh tế, trình độ, kỹ năng... Những thuận lợi và khó khăn của đội ngũ doanh nhân trong quản lý, sản xuất, kinh doanh thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay. Nhu cầu hỗ trợ của đội ngũ doanh nhân nhằm nâng cao năng lực hoạt động trong giai đoạn hiện nay và trong thời gian tới. Đánh giá chính sách của thành phố trong việc hỗ trợ doanh nhân trong những năm qua. Đề xuất chính sách hỗ trợ nhằm nâng cao năng lực hoạt động góp phần xây dựng đội ngũ doanh nhân Thành phố đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập.

Số hồ sơ lưu: HCM-004-2021

81500.07-2022 **Giải pháp thực hiện cơ chế tự chủ trong đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh/ PGS. TS Nguyễn Trọng Cơ, - TP. Hồ Chí Minh - Học viện tài chính, 2020 - 11/2018 - 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu về thực trạng cơ chế tự chủ, trong đó trọng tâm về tự chủ tài chính tại đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực giáo dục đào tạo; dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin truyền thông và báo chí; khoa học và công nghệ; sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (giai đoạn 2012- 2017). Đề xuất giải pháp trong triển khai cơ chế tự chủ tài chính trong môi trường tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực giáo dục đào tạo; dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin truyền thông và báo chí; khoa học và công nghệ; sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Xây dựng được mô hình tự chủ tại Đại học y Phạm Ngọc Thạch.

Số hồ sơ lưu: HCM-009-2021

81681.07-2022 **Quá trình thực thi chính sách bảo hiểm xã hội ở thành phố Hồ Chí Minh thực trạng và giải pháp/ CN. Nguyễn Thái Đăng Hồng Ân, ThS. Nguyễn Thị Lê Uyên; ThS. Trần Dũng Hà; Nguyễn Hồng Hà; TS. Trần Văn Thận; CN. Nguyễn Thị Hà; ThS. Nguyễn Thị Hà; ThS. Trần Thị Lệ; CN. Hồ Thị Luân; CN. Nguyễn Hải Loan; ThS. Triệu Thành Sơn; CN. Nguyễn Thị Thanh Tâm; CN. Hứa Quốc Thái; CN. Nguyễn Tôn Thị Tường Vân - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu và phát triển TP. Hồ Chí Minh, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Phân tích khung chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội (BHXH) trong giai đoạn 05 năm (2015-

2019). Thực tiễn chính sách BHXH trong bối cảnh chung của TP. Hồ Chí Minh hiện nay. Phân tích và đánh giá thực trạng thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội ở TP. Hồ Chí Minh hiện nay dựa trên hoạt động của 2 nhóm chủ thể: Đối với cơ quan thực thi chính sách: đánh giá vai trò và tình hình thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội ở các yếu tố: bộ máy hoạt động, nguồn lực tài chính, nguồn nhân lực, cơ chế chính sách, công tác truyền thông, đặc biệt các kết quả công tác chỉ đạo, xây dựng luật pháp, chính sách về hình thành cơ sở dữ liệu bảo hiểm xã hội, việc làm. Đề xuất lộ trình thí điểm phát triển các gói BHXH đa dạng, linh hoạt phù hợp với mức sống của 1 số nhóm nghề nghiệp lao động thuộc khu vực kinh tế phi chính thức bằng các giải pháp quản lý liên ngành ở TP. Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-019-2021

81998.07-2022 **Đổi mới chính sách tài chính nhằm thúc đẩy khu vực tư nhân tham gia cung ứng dịch vụ công**/ TS. Nguyễn Việt Lợi, TS. Lê Thị Thanh Huyền; TS. Lê Thị Thùy Vân; ThS. Nghiêm Thị Thúy Hằng; CN. Nguyễn Thị Mai; ThS. Đàm Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Duy Tuân; ThS. Phùng Thị Thúy Hồng; ThS. Tạ Lê Chinh; ThS. Nguyễn Thị Hoàng Thanh - Hà Nội - Viện chiến lược và chính sách tài chính, 2021; 12/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về dịch vụ công, về chính sách tài chính và sự tác động của nó đến việc thúc đẩy sự tham gia của khu

vực tư nhân trong cung ứng dịch vụ công; khảo cứu kinh nghiệm quốc tế về sự tham gia cung ứng dịch vụ công của khu vực tư nhân, chính sách tài chính thúc đẩy sự tham gia cung ứng dịch vụ công của khu vực này, từ đó rút ra các bài học cho Việt Nam; Nhận diện thực trạng dịch vụ sự nghiệp công của Việt Nam, thực trạng chính sách tài chính thúc đẩy sự tham gia cung ứng dịch vụ công của khu vực tư nhân trong thời gian qua, xác định những tồn tại, nguyên nhân và yêu cầu đặt ra; Đề xuất các giải pháp đổi mới và tăng cường thúc đẩy sự tham gia cung ứng dịch vụ công của khu vực tư nhân, nâng cao tính công khai, minh bạch và cạnh tranh bình đẳng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội của đất nước.

Số hồ sơ lưu: 19603

82019.07-2022 **Hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập ở Việt Nam**/ PGS. TS. Nguyễn Trường Giang, TS. Hà Thị Đoan Trang ThS. Nguyễn Thùy Linh; ThS. Nguyễn Lê Phương Anh; ThS. Nguyễn Ngọc Hiệu; ThS. Đào Lan Hương; ThS. Hoàng Thị Kim Thanh; ThS. Nguyễn Thị Thu Huyền; ThS. Phí Đình Mạnh; CN. Nguyễn Thị Mai - Hà Nội - Vụ Tài chính Hành chính Sự nghiệp và Viện Chiến lược và Chính sách Tài chính, 2021; 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Góp phần thực hiện chủ trương của Đảng về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, trọng tâm là cơ chế tự chủ tài chính; Đảm bảo tính thống

nhất đồng bộ với các văn bản pháp luật hiện hành và định hướng sửa đổi bổ sung các văn bản pháp luật liên quan. Đáp ứng nhu cầu thực tiễn của việc đổi mới cơ chế quản lý và đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công lập, khắc phục tồn tại, hạn chế và đáp ứng yêu cầu thực tế về việc giao quyền tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập (về phân loại đơn vị tự chủ tài chính, cơ chế tiền lương, sử dụng chênh lệch thu chi, chi trả thu nhập tăng thêm, trích lập các Quỹ,...); đảm bảo quy định bao quát, thống nhất thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp trong từng lĩnh vực. Đánh giá cơ chế tự chủ tài chính và việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập ở Việt Nam. Đề xuất các giải pháp, khuyến nghị tổng thể và đặc thù về hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính đối với từng lĩnh vực sự nghiệp công lập

Số hồ sơ lưu: 19612

82098.07-2022 **Hoàn thiện cơ chế quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết/** ThS. Nguyễn Xuân Tú, ThS. Nghiêm Bạch Liên; ThS. Đào Thị Thu Hà; ThS. Lê Duy Minh; ThS. Nguyễn Kim Quới; ThS. Đỗ Ánh Dương; ThS. Trương Minh Nhật; ThS. Lê Trọng Thiện; ThS. Trần Ngọc Ánh; ThS. Bùi Quang Trung - Hà Nội - Tổng cục Thuế, 2021; 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn trong việc thiết lập cơ chế quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Kinh nghiệm quốc tế về cơ chế

quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết và rút ra bài học cho Việt Nam. Đánh giá thực trạng cơ chế quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết trên các khía cạnh: về khuôn khổ pháp lý, về cơ chế vận hành, về năng lực cán bộ. Xác định năng lực của cơ quan quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết hiện nay. Phân tích kết quả, tồn tại, hạn chế, vướng mắc, bất cập trong cơ chế quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết.. Đề xuất và phân tích các giải pháp hoàn thiện cơ chế quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết, trong đó làm rõ giải pháp về mặt pháp lý, về cơ chế, về nhân lực.

Số hồ sơ lưu: 19637

### **50299. Kinh tế học và kinh doanh khác**

82431.07-2022 **Nghiên cứu giải pháp đổi mới và phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả nhằm nâng cao thu nhập cho hộ nông dân trong xây dựng nông thôn mới huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2015-2020/** TS. Trần Quang Huy, TS. Trần Quang Huy TS. Trần Quang Huy; TS. Nguyễn Thị Yên; TS. Bùi Nữ Hoàng Anh; ThS. Trần Văn Dũng; ThS. Nguyễn Thúy Vân; TS. Đàm Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Thị Nhung; TS. Nguyễn Quang Hợp; ThS. Nguyễn Đắc Dũng; ThS. Trần Thị Bích Thủy; TS. Ng Thị Phương Hào; ThS. Nguyễn Thị Hà. - Trường đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, 2016; 03/2015 -

03/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng xây dựng nông thôn mới; Nghiên cứu thực trạng thu nhập của hộ nông dân; Nghiên cứu mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã trên địa bàn xã Quân Bình huyện Bạch Thông từ năm 2010 đến nay; Phân tích, đánh giá các mô hình sản xuất kinh doanh tại xã Quân Bình. Đề xuất các giải pháp về quy hoạch, hướng sản xuất kinh doanh, cơ cấu cây trồng vật nuôi, đổi mới và phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả và kiến nghị để áp dụng kết quả nghiên cứu nhằm đạt tiêu chí nâng cao thu nhập trong chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

Số hồ sơ lưu: 03/Quyển số 01-STD-QLCN&CN

### **50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..**

80826.07-2022 **Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn hướng nghiệp, phân luồng cho học sinh phổ thông tỉnh Lào Cai/** ThS. Dương Bích Nguyệt, TS. Bùi Xuân Tiệp; CN. Nguyễn Thị Hoài Thu; ThS. Nguyễn Văn Quảng; ThS. Bùi Ngọc Minh; CN. Nguyễn Thanh; CN. Nguyễn Hải Đăng; ThS. Đỗ Văn Tân; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Hồng - Lào Cai - Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai, 2020 - 04/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu lý luận và thực tiễn về thực trạng hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau Trung học cơ sở,

Trung học phổ thông tỉnh Lào Cai. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch dạy học tích hợp giáo dục hướng nghiệp và tổ chức hoạt động hướng nghiệp. Xây dựng mô hình thực nghiệm áp dụng tài liệu tại 9 trường THCS, 3 trường THPT. Đo kết quả, so sánh, đối chứng định kì nhằm kiểm định chất lượng của tài liệu. Tổ chức tổng kết đánh giá: Đánh giá kết quả thực nghiệm; Nghiên cứu điều chỉnh nội dung tài liệu đảm bảo phù hợp thực tiễn tỉnh Lào Cai; Khuyến nghị UBND tỉnh một số giải pháp phân luồng học sinh sau THCS và THPT toàn tỉnh từ 2020 đến 2025 (Kế hoạch chỉ đạo). Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn hướng nghiệp, phân luồng cho học sinh phổ thông tỉnh Lào Cai.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2020-008

81517.07-2022 **Truyền thông nâng cao nhận thức về tiêu dùng bền vững cho học sinh trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh/** Th.S. Đặng Thị Thanh Lê, TS. Dương Thị Thúy Nga; Th.S. Trần Thị Kim; TS. Nguyễn Thị Thụy Hằng; ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Thị Kim Anh; CN. Phùng Thị Mỹ Diễm; ThS. Lê Thị Kim Qui; PGS.TS. Tô Thị Hiền; ThS. Hoàng Thị Phương Chi - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 11/2018 - 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định hiện trạng công tác giáo dục và truyền thông tiêu dùng bền vững trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Phân tích và đánh giá đặc tính của học sinh THPT trong khu



vực vực nội thành hiện hữu, nội thành phát triển và ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh. Xây dựng chương trình truyền thông nâng cao tiêu dùng bền vững học sinh THPT trong vực vực nội thành hiện hữu, nội thành phát triển và ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh. Triển khai các hoạt động giáo dục và truyền thông nâng cao nhận thức về tiêu dùng bền vững cho các đối tượng học sinh trung học phổ thông. Đánh giá hiệu quả công tác giáo dục và truyền thông nâng cao nhận thức về tiêu dùng bền vững cho học sinh THPT trong vực vực nội thành hiện hữu, nội thành phát triển và ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-014-2021

81920.07-2022 **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin cơ sở/** ThS. Thẩm Mai Linh, ThS. Hoàng Thị Minh Hiền; ThS. Trần Thị Cẩm Hương; ThS. Khổng Mạnh Tuấn; ThS. Cao Thị Thanh Hà; ThS. Dương Tiến Lộc - Hà Nội - Cục Thông tin cơ sở, 2021; 02/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về thực trạng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác thông tin cơ sở. Phân tích, đánh giá thực trạng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác thông tin cơ sở hiện nay, xác định rõ những vấn đề hạn chế trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cần được tập trung giải quyết trong thời gian tới. Quan đó, đề xuất những giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, bồi

dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin cơ sở trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 19571

81947.07-2022 **Nghiên cứu dự báo nhu cầu đào tạo giáo viên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035/** PGS.TS. Nguyễn Vũ Bích Hiền, TS. Nguyễn Văn Anh; TS. Ngô Hoàng Long; TS. Vũ Thị Mai Hương; TS. Nguyễn Thị Minh Hồng; PGS.TS. Dương Minh Lam; PGS.TS. Phạm Văn Sơn; PGS.TS. Nguyễn Công Giáp; PGS.TS. Vương Thanh Hương; PGS.TS. Nguyễn Văn Lê - Hà Nội - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2020 - 11/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan kinh nghiệm trong nước và quốc tế về dự báo giáo dục và dự báo nhu cầu đào tạo giáo viên. Xây dựng khung lý luận về dự báo giáo dục và dự báo nhu cầu đào tạo giáo viên đến 2025, tầm nhìn đến 2035 của Việt Nam. Đánh giá thực trạng (số lượng và chất lượng) đội ngũ giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông hiện nay. Xác định mô hình toán học, quy trình, thiết kế phần mềm dự báo nhu cầu đào tạo giáo viên đến 2025. Từ đó, đề xuất hệ thống các giải pháp đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên đến 2025, tầm nhìn đến 2035.

Số hồ sơ lưu: 19577

82070.07-2022 **Nghiên cứu đề xuất mô hình gia đình - nhà trường - xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên đáp ứng yêu cầu đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế/** PGS. TS. Nguyễn Văn Biên, PGS. TS.

Nguyễn Văn Biên; TS. Trương Duy Hải; PGS. TS. Nguyễn Thị Hạnh; PGS. TS. Nguyễn Đức Sơn; PGS. TS. Trần Kiều; PGS. TS. Nguyễn Thị Yến Phương; PGS. TS. Nguyễn Thị Ngân Hoa; TS. Nguyễn Thị Liên; TS. Nguyễn Thị Ngọc Liên; PGS. TS. Nguyễn Thị Thọ - Hà Nội - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2021; 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá mô hình gia đình - nhà trường - xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên trong nhà trường hiện nay. Đề xuất mô hình gia đình - nhà trường - xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên đáp ứng yêu cầu đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế. Đề xuất giải pháp thực hiện hiệu quả mô hình gia đình - nhà trường - xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên đáp ứng yêu cầu đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 19619

82362.07-2022 **Xây dựng bộ chữ viết dân tộc Hà Nhì tỉnh Lai Châu**/ TS Phan Lương Hùng, - Hà Nội - Viện Ngôn Ngữ Học, 2021; 08/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu chỉ ra nhiều giá trị văn hóa của các tộc người đang dần bị mai một với tốc độ ngày càng nhanh. Nhiều ngôn ngữ của các dân tộc đang đứng trước nguy cơ suy giảm sức sống, trong đó có tiếng Hà Nhì ở Lai Châu. Trong bối cảnh đó, nhiệm vụ xây dựng bộ chữ viết Hà Nhì tỉnh Lai Châu, nơi cư trú tập trung nhất của người Hà Nhì ở Việt

Nam là cấp thiết nhằm bảo tồn và phát huy vai trò, chức năng xã hội của tiếng Hà Nhì nói riêng và văn hóa truyền thống dân tộc Hà Nhì nói chung; đóng góp thiết thực vào mục tiêu xây dựng con người Việt Nam mới, xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo tinh thần Nghị Quyết Trung ương 5, Khóa VIII.

Số hồ sơ lưu: LCU- KQNC-2021-025

### **50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác**

82545.07-2022 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến ở Trường Đại học Quảng Bình**/ TS. Trần Văn Cường, Trần Văn Cường; Hoàng Văn Thành; Nguyễn Nương Quỳnh; Hoàng Văn Tám - Trường Đại học Quảng Bình - Trường Đại học Quảng Bình, 2021; 05/2021 - 10/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến sử dụng phù hợp, hiệu quả tại đơn vị Trường Đại học Quảng Bình nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, phát triển quy mô và hình thức đào tạo, từ đó chuyển giao cho các cơ sở giáo dục và đào tạo trong tỉnh; Khảo sát, phân tích thực tế công tác đào tạo của Trường Đại học Quảng Bình để đề xuất trường hợp sử dụng từ đó xây dựng được các chức năng phù hợp đảm bảo cả yếu tố dạy học trực tuyến và hỗ trợ được phương pháp giảng dạy truyền thống. Hệ thống đảm bảo tính thẩm mỹ, thân thiện, dễ sử dụng để thu hút được người dùng. Hệ thống có đầy đủ các chức năng để tạo lớp học, tùy chỉnh

giao diện cá nhân, thông báo cho người học, đưa dữ liệu lên hệ thống dễ dàng. Hỗ trợ soạn bài giảng tương tác trực tiếp trên hệ thống, theo dõi học tập, trao đổi, soạn đề thi. Đảm bảo phân quyền người dùng, trong đó bốn người dùng chính là người quản trị, giảng viên, người quản lý giáo dục và người học.

Số hồ sơ lưu: 07/2021-QLKH-CN- CS

#### **50401. Xã hội học nói chung**

80880.07-2022 **Giải pháp thực hiện dân chủ cơ sở cấp xã phục vụ công cuộc xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Bạc Liêu/** TS. Ngô Văn Nhân, TS. Dương Thành Trung TS. Nguyễn Văn Khoa; ThS. Nguyễn Văn Luân; CN. Lê Hồng Tài; Nguyễn Văn Út; ThS. Dương Chí Thanh - Bạc Liêu - Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Bạc Liêu, 2018; 03/2017 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về thực hiện dân chủ ở cấp xã, về xây dựng nông thôn mới, về thực hiện dân chủ ở cấp xã phục vụ xây dựng nông thôn mới trên các phương diện: khái niệm, nội dung, hình thức thực hiện dân chủ ở cấp xã phục vụ xây dựng nông thôn mới; vai trò của thực hiện dân chủ ở cấp xã đối với công cuộc xây dựng nông thôn mới. Điều tra xã hội học nhằm đánh giá thực trạng thực hiện dân chủ ở cấp xã phục vụ xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Bạc Liêu; chỉ ra những thành công, kết quả đạt được cũng như hạn chế, bất cập và nguyên nhân dẫn đến thực trạng; từ đó, rút ra những bài học kinh nghiệm cụ thể, thiết

thực cho giai đoạn tới. Đề xuất, luận giải tính khả thi của các giải pháp thực hiện dân chủ ở cấp xã phục vụ công cuộc xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Bạc Liêu trong những năm tới phù hợp với đặc thù của địa phương, theo hướng bền vững và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong vùng.

Số hồ sơ lưu: BLU-003-2020

#### **50404. Dân tộc học**

80493.07-2022 **Kiểm kê, lập danh mục Di sản văn hóa phi vật thể của 13 dân tộc cư trú thành cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lai Châu và đề xuất các giải pháp bảo tồn/** Th S. Đỗ Hạ Long, ThS. Đỗ Hạ Long; CN. Vàng Ngọc Du; CN Nguyễn Trọng Hiến - Lai Châu - Sở Văn Hóa - Thể Thao - Du Lịch, 2017; 01/2014 - 01/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Văn hóa Lai Châu là sự tổng hòa các giá trị văn hóa các dân tộc của tỉnh. Trong đó, có những dân tộc cư trú từ ban đầu trên địa phận tỉnh Lai Châu hiện nay, có những dân tộc từ nơi khác di cư đến, có những dân tộc chỉ vài trăm người (Sila, Kháng) cũng có những dân tộc có hơn vạn người (Thái, Mông) nhưng các dân tộc hiện nay luôn coi Lai Châu là quê hương của mình, coi nhau như anh em một nhà, quý trọng, thương yêu đùm bọc lẫn nhau, chung sức xây dựng và bảo vệ quê hương Lai châu và tổ quốc Việt Nam cả khi thuận lợi cũng như lúc khó khăn.

Số hồ sơ lưu: LCU- KQNC-2021-017

**50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội**

81515.07-2022 **Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi ứng xử của công nhân trước những biến động kinh tế, xã hội ở thành phố Hồ Chí Minh/** ThS. Nguyễn Thị Lê Uyên, CN.Nguyễn Thị Thanh Tâm; PGS.TS. Nguyễn Tất Viễn; TS. Hồ Thiện Thông Minh; ThS. Hồ Thị Thủy; CN. Nguyễn Phi Hồ; CN.Nguyễn Thái Đăng Hồng Ân; ThS. Nguyễn Thị Hà; CN. Nguyễn Hải Loan; ThS. Trần Thị Lê; ThS. Phạm Hoàng Phước; ThS. Lê Nguyễn Gia Phúc; ThS. Trần Văn Phúc; CN. Nguyễn Tôn Thị Tường Vân - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu và phát triển TP. Hồ Chí Minh, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá chung thực trạng đời sống vật chất và đời sống tinh thần của công nhân Thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM) trong tình hình kinh tế-xã hội giai đoạn hiện nay. Nhận diện các tình huống hành vi ứng xử trái pháp luật của một bộ phận công nhân TP. HCM. Phân tích tác động của tình hình kinh tế - xã hội TP. HCM đến hành vi ứng xử pháp luật của công nhân. Phân tích tác động của các yếu tố thuộc về người công nhân đến hành vi ứng xử của công nhân TP. HCM. Phân tích tác động của các yếu tố thuộc về doanh nghiệp đến hành vi ứng xử của công nhân TP. HCM: quy mô, việc chấp hành pháp luật của doanh nghiệp (lương, BHYT, BHXH, bữa ăn...); văn hoá doanh nghiệp; hoạt

động công đoàn. Đề xuất định hướng, giải pháp nhằm nâng cao ý thức pháp luật; giảm thiểu và ngăn ngừa các hiện tượng hành vi ứng xử trái pháp luật của công nhân.

Số hồ sơ lưu: HCM-013-2021

81613.07-2022 **Nghiên cứu xây dựng tiêu chí đánh giá gia đình hạnh phúc ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay/** PGS. TS Lê Ngọc Văn, PGS. TS. Nguyễn Đức Vinh; TS. Nguyễn Như Trang; PGS. TS Mai Văn Hai; PGS. TS. Nguyễn Đức Chiện; TS. Đoàn Kim Thắng; TS. Trần Nguyệt Minh Thu; TS. Hoàng Văn Dũng; TS. Bùi Thị Hương Trâm; TS. Phạm Thị Thúy - TP. Hồ Chí Minh - Viện Xã hội học, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đề xuất và kiểm nghiệm bộ tiêu chí đánh giá gia đình hạnh phúc của Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. Gợi mở một số vấn đề cần quan tâm về chính sách liên quan đến các lĩnh vực khác nhau của đời sống gia đình, nhằm nâng cao hạnh phúc gia đình Thành phố.

Số hồ sơ lưu: HCM-016-2021

81945.07-2022 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn lĩnh vực lao động, người có công và xã hội phục vụ xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam giai đoạn 2021-2030/** TS. Đào Quang Vinh, ThS. Phạm Minh Thu; CN. Phạm Quang Phụng; ThS. Nguyễn Mạnh Cường; TS. Phạm Trường Giang; TS. Nguyễn Ngọc Toàn; ThS. Lưu Quang Tuấn; ThS. Trịnh Thu Nga; PGS.TS. Mạc Văn Tiến; ThS. Trần Thị Liễu - Hà Nội - Viện

Khoa học Lao động và Xã hội, 2020 - 01/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan cơ sở lý luận về xây dựng chiến lược phát triển kinh tế xã hội. Đánh giá thực trạng thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 và kế hoạch 5 năm 2016-2020 trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội qua đó đưa ra những định hướng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021- 2030 và kế hoạch 5 năm 2021-2025 trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

Số hồ sơ lưu: 19578

82004.07-2022 **Giải pháp phát triển các dịch vụ thể dục thể thao quần chúng đáp ứng nhu cầu xã hội/** PGS. TS. Nguyễn Văn Phúc, PGS. TS. Ngô Trang Hưng; TS. Nguyễn Như Quỳnh; TS. Nguyễn Đình Chung; TS. Nguyễn Thành Long; TS. Nguyễn Hoàng Thu; ThS. Nguyễn Văn Tuấn; ThS. Nguyễn Ngọc Sự; TS. Nguyễn Thu Hường - Hà Nội - Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, 2019; 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định các loại hình dịch vụ Thể dục thể thao quần chúng đáp ứng nhu cầu xã hội hiện nay. Hệ thống hoá cơ sở lý luận, thực tiễn về dịch vụ Thể dục thể thao quần chúng và các giải pháp phát triển các dịch vụ Thể dục thể thao quần chúng đáp ứng nhu cầu xã hội. Đánh giá thực trạng phát triển dịch vụ Thể dục thể thao quần chúng ở Việt Nam. Đề xuất được các giải pháp phát triển dịch vụ Thể dục thể thao quần chúng đáp ứng nhu cầu xã hội.

Số hồ sơ lưu: 19608

82382.07-2022 **Đánh giá tác động xã hội của các đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải/** PGS.TS. Phạm Nguyễn Kim Tuyền , Đoàn Tuân; Nguyễn Xuân Dũ; Nguyễn Thị Hoa; Nguyễn Thị Thu Hằng; Nguyễn Thị Quỳnh Trang; Nguyễn Tuấn Hải ; Hồ Kỳ Quang Minh ; Nguyễn Quốc Bảo ; Dương Thị Giáng Hương ; Lê Công Nhân; Bùi Mạnh Hà; Đào Thanh Vũ; Nguyễn Thị Ngọc Thảo ; Nguyễn Huy Hoàng Phi; Trần Thế Anh Huy - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Sài Gòn , 2020 - 10/2019 - 04/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá tác động xã hội đến nhận thức, thái độ và hành vi của các đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và đề xuất các giải pháp nhằm giúp cho quy trình thu nộp phí hiệu quả hơn. Đánh giá hiện trạng các đối tượng nộp phí , xả nước thải vào nguồn nước của các doanh nghiệp nằm trong và ngoài khu công nghiệp , khu chế xuất , khu công nghệ cao ; Phân tích , đánh giá tác động đến xã hội của các đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất nằm trong và ngoài khu công nghiệp , khu chế xuất , khu công nghệ cao ; Xác định những bất cập, khó khăn, thách thức, các vấn đề còn tồn đọng trong công tác thu phí và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải hiện nay; Đề xuất một số giải pháp về chính sách, lộ trình và phương thức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

cho các doanh nghiệp trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-038-2021

### **50501. Luật học**

81513.07-2022 **Nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm giết người do nguyên nhân, điều kiện xã hội trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh/** ThS. Nguyễn Thế Lâm, - TP. Hồ Chí Minh - Công an TP. Hồ Chí Minh, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu, phân tích làm rõ nhận thức về tội phạm và phòng ngừa tội phạm giết người do nguyên nhân, điều kiện xã hội; Nghiên cứu làm rõ đặc điểm tình hình có liên quan và nguyên nhân của tội phạm giết người do nguyên nhân, điều kiện xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và thực trạng hoạt động phòng ngừa tội phạm này; Dự báo và giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm giết người do nguyên nhân, điều kiện xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và kiến nghị.

Số hồ sơ lưu: HCM-011-2021

82074.07-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về tài nguyên và môi trường để thực thi Hiệp định Tự do thương mại giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam (EV-FTA) và Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)/** ThS. Nguyễn Thi, Phạm Thị Huế; Phan Tuấn Hùng; Vũ Thị Huệ; Phan Ngọc Thúy; Nguyễn Đức Hiếu; Ngân Ngọc Vỹ; Vũ Đình Nam; Bùi Đức Hiền; Nguyễn Ngọc Tú - Hà Nội -

Vụ Pháp chế, 2021; 05/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát hóa các cam kết về tài nguyên môi trường trong EVFTA và CPTPP và xác định nghĩa vụ của Việt Nam. Tìm hiểu kinh nghiệm của một số nước trong thực thi các cam kết về thương mại tự do. Nghiên cứu tác động của các cam kết trong CPTPP và EVFTA đối với hệ thống pháp luật về tài nguyên môi trường và đề xuất hoàn thiện. Đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về tài nguyên môi trường để thực thi Hiệp định Tự do thương mại giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam (EV-FTA) và Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đã làm rõ được nghĩa vụ của Việt Nam trong thực thi các cam kết về tài nguyên môi trường, đồng thời đánh giá những tác động của hai hiệp định nêu trên đến hệ thống pháp luật về tài nguyên môi trường ở nước ta, từ đó đưa ra những kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên môi trường.

Số hồ sơ lưu: 19622

82078.07-2022 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất tiêu chí đối với các chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng trong quy hoạch sử dụng đất/** ThS. Phạm Thị Hồng, ThS. Nguyễn Trung Kiên; TS. Trần Thị Giang Hương; ThS. Phạm Ngọc Thành Lê; ThS. Trần Thị Loan; ThS. Hà Tuấn Anh; TS. Phan Văn Khuê; ThS. Phùng Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Minh Hải; CN. Đỗ Hương Trà - Hà Nội - Cục Quy

hoạch đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai, 2021; 06/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn đối với các chỉ tiêu và tiêu chí của khu chức năng trong quy hoạch sử dụng đất; Đề xuất hệ thống tiêu chí để xác định 05 khu chức năng trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, gồm: khu vực chuyên trồng lúa nước; khu công nghiệp, cụm công nghiệp; khu đô thị - thương mại - dịch vụ; khu du lịch; khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn nhằm khai thác lợi thế của từng khu chức năng góp phần quản lý, sử dụng quỹ đất hiệu quả, bền vững.

Số hồ sơ lưu: 19625

82081.07-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn trong nước và quốc tế làm luận cứ cho chỉnh sửa một số nội dung của Luật Đa dạng sinh học/** TS. Hoàng Thị Thanh Nhàn, TS. Nguyễn Xuân Dũng; ThS. Phan Thị Quỳnh Lê; ThS. Phùng Thu Thủy; ThS. Trần Huyền Trang; ThS. Đỗ Thanh Dương; TS. Trần Thị Kim Tĩnh; TS. Hoàng Ly Anh; ThS. Nguyễn Thị Vân Anh; ThS. Lê Thị Thu Hiền - Hà Nội - Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học, 2021; 06/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng được luận cứ khoa học và thực tiễn trong nước và quốc tế; góp phần sửa đổi, hoàn thiện một nội dung Luật đa dạng sinh học nhằm tăng cường bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học, hài hoà với các quy định của điều ước quốc tế. Nghiên cứu và đề xuất phương án sửa luật về nội dung thể chế, tổ chức

quản lý nhà nước về đa dạng sinh học cũng như đề xuất các phương án sửa đổi các nội dung về phân hạng, phân loại và quản lý khu bảo tồn, bảo vệ loài nguy cấp, quý, hiếm, thu thập, quản lý thông tin về đa dạng sinh học và tài chính cho đa dạng sinh học.

Số hồ sơ lưu: 19626

82230.07-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học, thực tiễn và đề xuất Bộ tiêu chí xác định các nội dung chủ yếu trong xây dựng và đánh giá thực hiện Quy hoạch Bảo vệ môi trường quốc gia theo quy định của Luật Quy hoạch 2017/** TS. Hoàng Hồng Hạnh, CN. Trần Quý Trung; TS. Nguyễn Trung Thắng; ThS. Vũ Thị Thanh Nga; ThS. Trương Thuý Mai; CN. Nguyễn Liên Hương; CN. Hoàng Thị Hiền; ThS. Nguyễn Vũ Trung; TS. Hoàng Anh Lê; TS. Dương Ngọc Bách - Hà Nội - Viện Chiến Lược, Chính Sách Tài Nguyên Và Môi Trường, 2020 - 11/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp, làm rõ được cơ sở lý luận, thực tiễn về xây dựng và đánh giá thực hiện Quy hoạch Bảo vệ môi trường quốc gia; Bộ tiêu chí trong xây dựng và đánh giá thực hiện Quy hoạch Bảo vệ môi trường quốc gia; Đề xuất được Bộ tiêu chí xác định các nội dung chủ yếu trong xây dựng và đánh giá thực hiện Quy hoạch Bảo vệ môi trường quốc gia theo quy định của Luật Quy hoạch 2017; Dự thảo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về ban hành Bộ tiêu chí xác định các nội dung chủ yếu trong xây dựng và đánh giá thực hiện Quy hoạch Bảo

vệ môi trường quốc gia theo quy định của Luật Quy hoạch 2017.

Số hồ sơ lưu: 19668

### **50602. Hành chính công và quản lý hành chính**

81967.07-2022 **Cơ sở khoa học của việc quy định cơ chế, chính sách về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi khu vực biển/** ThS. Nguyễn Thanh Huyền, ThS. Lê Ngọc Thắng; ThS. Phạm Quang Phương; CN. Nguyễn Văn Ngọc; TS. Phan Thị Huệ; ThS. Hoàng Ngọc Hà; CN. Nguyễn Thị Thái Hà; ThS. Đinh Hoàng Oanh; ThS. Nguyễn Thanh Thà; CN. Đỗ Hồng Nhung - Hà Nội - Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên - môi trường biển khu vực phía Bắc, 2021; 07/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập thông tin và tổng hợp các tài liệu trong nước và nước ngoài liên quan đến hoạt động bồi thường, hỗ trợ của Nhà nước trong lĩnh vực biển và hải đảo. Cơ sở khoa học của hoạt động bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi khu vực biển ở Việt Nam. Thực trạng quy định hoạt động bồi thường, hỗ trợ của một số lĩnh vực trước khi bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi khu vực biển. Kinh nghiệm thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi mặt nước; thu hồi đất bãi bồi ven biển, đất có mặt nước ven biển ở một số địa phương của Việt Nam và kinh nghiệm nước ngoài. Nghiên cứu cơ chế, chính sách; trình tự, thủ tục; phương pháp tính để bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi khu vực biển. uĐề xuất

quy định về bồi thường hỗ trợ khi thu hồi khu vực biển;

Số hồ sơ lưu: 19595

82229.07-2022 **Nghiên cứu xây dựng chương trình khung và biên soạn tài liệu bồi dưỡng cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2018-2026/** ThS. Nguyễn Xuân Thăng, ThS. Nguyễn Thị Thu Hà - Vĩnh Phúc - Trường Chính trị tỉnh Vĩnh Phúc, 2018; 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn về biên soạn tài liệu bồi dưỡng cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; Xây dựng chương trình và biên soạn tài liệu bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2018-2026; Đánh giá kết quả thử nghiệm chương trình, tài liệu bồi dưỡng cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã tại Trường Chính trị để hoàn chỉnh tài liệu.

Số hồ sơ lưu: VPC-011-2020

### **50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị**

82252.07-2022 **Tên đề tài: Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác dân vận chính quyền xã, phường, thị trấn tỉnh Bắc Kạn/** Thạc sỹ Trần Thị Lộc, Trần Thị Lộc; CN Phan Thị Na; CN.Nông Thị Tâm; CN.Chu Thị Lan; CN. La Thị Hương Thiệp; CN. Lê Đức Toàn. - Ban Dân vận Tỉnh ủy Bắc Kạn; - Ban Dân vận Tỉnh ủy Bắc Kạn., 2017; 01/2017 - 12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)



Nghiên cứu sơ lược về công tác dân vận của chính quyền xã, phường, thị trấn. Nghiên cứu, đánh giá công tác dân vận của chính quyền xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2010 - 2016. Thực trạng công tác dân vận chính quyền xã, phường, thị trấn. Nhìn nhận ra những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan và đưa ra nhóm giải pháp thực hiện trong thời gian tới, cụ thể: Nhóm giải pháp "Tăng cường, đổi mới, nâng cao chất lượng lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác dân vận của chính quyền xã, phường, thị trấn"; Nhóm giải pháp "Tăng cường và đổi mới công tác dân vận chính quyền xã, phường, thị trấn"; Nhóm giải pháp "Tăng cường xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở"; Nhóm giải pháp "Nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ công tác dân vận của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã"; Nhóm giải pháp "Nâng cao hiệu quả hoạt động phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội";

Số hồ sơ lưu: 03/Quyển số 01-STD-QLCNCN.

82253.07-2022 **Đánh giá thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát của ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn/ Ths.Lý Quang Vịnh, Ông Phùng Văn Huyền; Ông Lý Quang Vịnh; Ông Vũ Ngọc Thái; Ông Vũ Quang Luận; Ông Hoàng Văn Diệu - Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Bắc Kạn. - Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy**

Bắc Kạn., 2012 - 01/2011 - 06/2012. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Kết quả điều tra với đối tượng là cấp ủy viên các cấp, cán bộ làm công tác kiểm tra, đảng viên thấy cán bộ đảng viên nhận thức đúng về công tác giám sát có 95% ý kiến trả lời nhiệm vụ giám sát được quy định tại Đại hội X và việc đưa nhiệm vụ giám sát vào trong Điều lệ Đảng như vậy là phù hợp. Nhận thức về vị trí, vai trò của công tác giám sát của ủy ban kiểm tra các cấp được nâng lên rõ rệt; việc thực hiện giám sát thường xuyên (giám sát trực tiếp và gián tiếp) theo sự phân công của cấp ủy và của ủy ban kiểm tra từng bước đi vào nền nếp và phát huy tác dụng; công tác giám sát chuyên đề đã dần được tổ chức thực hiện; chất lượng và hiệu quả công tác giám sát được nâng lên, góp phần phát huy ưu điểm và khắc phục khuyết điểm của tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên. Đề tài cũng đã chỉ ra được nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan từ công tác giám sát năm qua. Từ đó, rút ra một số kinh nghiệm trong công tác kiểm tra giám sát của Ủy ban kiểm tra các cấp những năm tới.

Số hồ sơ lưu: 02/Quyển số 01-STD-QLCN&CN.

### **50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội**

81942.07-2022 **Nghiên cứu, đề xuất định hướng ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong ngành tài nguyên và môi trường, giai đoạn 2020 - 2030/ ThS. Trần Văn Đoàn, KS. Bùi Mạnh Khôi; ThS. Nguyễn Ngọc Vũ; ThS. Phạm Đức Dương; ThS. Trương Thị Hòa; KS.**

Phạm Thanh Tùng; CN. Nguyễn Thu Huyền; ThS. Dương Thị Minh Thúy; KS. Bùi Công Thịnh; ThS. Nguyễn Thanh Thảo - Hà Nội - Trung tâm Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin - Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường, 2021; 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát hiện trạng và thu thập yêu cầu xây dựng định hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành tài nguyên môi trường. Tiến hành phân tích, đánh giá hiện trạng ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong ngành tài nguyên và môi trường. Đồng thời, phân tích, đánh giá xu thế ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và quản lý dữ liệu trong bối cảnh xu thế Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Qua đó, đề xuất định hướng ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ngành tài nguyên môi trường trong giai đoạn 2020 đến 2030 phù hợp với chủ trương, chính sách, quan điểm của Đảng và Nhà nước.

Số hồ sơ lưu: 19579

### **50702. Địa lý kinh tế và văn hoá**

80804.07-2022 **Giải pháp phát triển du lịch gắn với tăng cường quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh Lào Cai trong tình hình mới/** TS. Nguyễn Văn Đông, PGS. TS. Nguyễn Thanh Liêm; PGS. TS. Phạm Ngọc Hùng; PGS. TS. Phan Châu Diên; PGS. TS. Phạm Xuân Nguyên - Hà Nội - Viện Khoa học Nghệ thuật Quân sự, 2019; 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng, dự báo tình hình, những yếu tố tác động và những vấn đề mới đặt ra về phát triển du lịch gắn với tăng cường quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển du lịch gắn với tăng cường quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh Lào Cai trong tình hình mới. Nghiên cứu biên soạn, ban hành sách chuyên đề hướng dẫn về phát triển du lịch với tăng cường quốc phòng, an ninh trên địa bàn Lào Cai trong tình hình mới.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ - 2020-001

82263.07-2022 **Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn và đề xuất áp dụng mô hình tổ chức quản lý nhà nước theo hệ thống ngành dọc đối với một số lĩnh vực của ngành tài nguyên và môi trường từ Trung ương đến địa phương/** ThS. Nguyễn Thị Huyền, ThS. Nguyễn Quốc Hùng; ThS. Trần Đức Huân; ThS. Nguyễn Thị Như Quỳnh; TS. Chu Ngọc Kiên; ThS. Nguyễn Thị Mai Phương; TS. Tạ Đình Thi; ThS. Đào Thị Hương Giang; ThS. Đoàn Thị Thanh Mỹ; ThS. Nguyễn Thị Hà - Hà Nội - Viện Chiến lược, Chính sách Tài Nguyên Và Môi Trường, 2021; 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, mô hình tổ chức bộ máy quản lý nhà nước (QLNN) theo ngành dọc, mô hình quản lý theo vùng lãnh thổ, vùng sinh thái và QLNN về tài nguyên và môi trường (TN&MT). Đề xuất mô hình tổ chức

bộ máy QLNN theo ngành dọc đối với một số lĩnh vực về TN&MT, trong đó, nghiên cứu phạm vi quản lý theo địa phương, vùng lãnh thổ, vùng sinh thái, phục vụ việc kiện toàn tổ chức bộ máy ngành TN&MT từ Trung ương đến địa phương trong giai đoạn tới.

Số hồ sơ lưu: 19673

### **50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị**

81609.07-2022 **Nghiên cứu mô hình quản lý đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh trong điều kiện biến đổi khí hậu/** ThS. Trần Nhật Nguyên, ThS. Trịnh Thị Minh Châu; ThS. Vương Tịnh Mạch; TS. Du Phước Tân; NCS. Nguyễn Mai Anh; ThS. Chu Phạm Đăng Quang; TS. Ngô Nam Thịnh; TS. Đinh Ngọc Huy; ThS. Đậu Thị Dung; ThS. Nguyễn Huy Phương - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Phát triển TP. Hồ Chí Minh, 2020 - 12/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mô hình quản lý về biến đổi khí hậu tại TP. Hồ Chí Minh; Đánh giá các yếu tố của biến đổi khí hậu tác động đến mô hình quản lý đô thị tại TP. Hồ Chí Minh; Đánh giá khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của mô hình quản lý đô thị tại TP. Hồ Chí Minh; Nghiên cứu mô hình quản lý đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu của các thành phố trên thế giới, điều kiện áp dụng cho TP. Hồ Chí Minh; Đề xuất mô hình quản lý đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu tại TP. Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-015-2021

81740.07-2022 **Phát triển không gian ngầm tại thành phố Hồ Chí Minh: trường hợp khu trung tâm hiện hữu (930ha)/** Ths. Lương Công Định, Ths. Ngô Anh Vũ; Ths. Phạm Thị Thảo; KTS. Phạm Đức Minh; TS Nguyễn Cẩm Dương Ly; Ths. Trần Anh Đào; Ths. Ninh Việt Anh - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Phát triển TP. Hồ Chí Minh, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định cơ sở khoa học và thực tiễn áp dụng cho quy hoạch Không gian dịch vụ công cộng ngầm (KGDVCCN) trong khu vực Trung tâm hiện hữu 930 ha. Đánh giá các điều kiện để phát triển KGDVCCN trong khu vực Trung tâm hiện hữu 930 ha của TP. Hồ Chí Minh. Xây dựng khung cơ sở cho nội dung thực hiện quy hoạch KGDVCCN. Đề xuất áp dụng cho khu vực Trung tâm hiện hữu TP. Hồ Chí Minh 930ha.

Số hồ sơ lưu: HCM-023-2021

### **50801. Báo chí**

82000.07-2022 **Xuất bản Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam Series A phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ/** ThS. Nguyễn Thị Hải Hằng, Đặng Ngọc Bảo; Nguyễn Thị Hương Giang; Phạm Thị Minh Nguyệt; Vũ Văn Hưng; Phí Công Thường; Ninh Văn Diện; Chu Anh Trà; Đinh Thị Luận; Cao Thị Thu Hằng; Lương Ngọc Quang Hưng; Hoàng Hải Yến; Khổng Thị Thanh Thảo; Lê Thị Bắc; Tăng Xuân Bình - Hà Nội - Tạp chí Khoa học và Công

nghe Việt Nam, 2021; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tuyên truyền, phổ biến đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Trao đổi, phổ biến kinh nghiệm quản lý và tổ chức hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tuyên truyền các kết quả, thành tựu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân nhà khoa học. Giới thiệu những kinh nghiệm quản lý thành tựu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nổi bật của thế giới. Tạo diễn đàn cho các nhà quản lý, nhà khoa học về các vấn đề liên quan đến sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ của đất nước.

Số hồ sơ lưu: 19604

### **599. Khoa học xã hội khác**

80807.07-2022 **Giải pháp nâng cao chất lượng trong quyết định và giám sát ngân sách nhà nước của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Lào Cai/** CN. Vũ Xuân Cường, ThS. Bùi Khắc Hiền ThS. Nguyễn Phú Kiều Vân; ThS. Nguyễn Duy Hoà; ThS. Đỗ Đình Phúc; ThS. Phan Duy Hồng Dương; CN. Đỗ Hiếu Thảo; CN. Phạm Quang Hưng; ThS. Nguyễn Trung Triều; CN. Lê Anh Đức - Lào Cai - Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, 2020 - 03/2019 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận để làm rõ một số vấn đề về ngân sách nhà nước và hoạt động quyết định, giám

sát ngân sách cũng như vấn đề năng lực, thẩm tra giám sát của HĐND. Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng thực hiện quyết định và giám sát ngân sách của HĐND các cấp tỉnh Lào Cai. Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng trong quyết định và giám sát ngân sách nhà nước của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Lào Cai. Biên tập cẩm nang hướng dẫn thẩm tra dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước; cẩm nang hướng dẫn giám sát ngân sách nhà nước cho HĐND các cấp. Ban hành quy trình quyết định dự toán ngân sách, quy trình phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước của HĐND các cấp.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2020-002

## **6. Khoa học nhân văn**

### **60101. Lịch sử Việt Nam**

81615.07-2022 **Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh/** GS. TS Võ Văn Sen, PGS. TS Phan Xuân Biên PGS. TS Đặng Văn Thắng; PGS. TS Hà Minh Hồng; GS.TS Nguyễn Quang Ngọc; PGS. TS Trần Đức Cường; PGS. TS Huỳnh Thị Gấm; PGS. TS Tống Trung Tín; TS. Nguyễn Thị Hậu; TS. Lê Hữu Phước; PGS. TS Trần Thị Mai; PGS. TS Phạm Đức Mạnh; TS. Trần Thuận; PGS. TS Nguyễn Mạnh Hà; PGS. TS Hồ Sơn Đài; PGS; TS. Ngô Minh Oanh; PGS. TS Tôn Nữ Quỳnh Trân; ThS. Đặng Thanh Thúy; ThS. Dương Thành Thông - TP. Hồ Chí Minh - Hội Khoa học Lịch sử TP. Hồ Chí Minh, 2020 - 04/2015 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Lịch sử thành phố Hồ Chí Minh là bộ thông sử về quá trình hình thành, xây dựng, phát triển vùng đất, con người thành phố Hồ Chí Minh, quá trình hình thành, phát triển tổ chức quản lý xã hội đô thị Bến Nghé - Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh, quá trình tụ cư, tổ chức đời sống các tầng lớp dân cư, tổ chức chính trị, tầng lớp giai cấp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quân sự, an ninh, quốc phòng, đối nội và đối ngoại... Lịch sử thành phố Hồ Chí Minh là bộ lịch sử đầy đủ nhất, toàn diện nhất về lịch sử thành phố (từ thời sơ sử, tiền sử đến đầu thế kỷ XXI), phục vụ cho nghiên cứu, giảng dạy, học tập, tìm hiểu về thành phố Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực lịch sử và phát triển; góp phần vào việc phát huy truyền thống, khơi dậy niềm tự hào của mỗi người dân thành phố Hồ Chí Minh, ứng dụng vào giảng dạy Lịch sử địa phương trong các cấp học tại Tp Hồ Chí Minh, phục vụ cho phát triển kinh tế, văn hoá và du lịch

Số hồ sơ lưu: HCM-017-2021

### **60199. Các vấn đề lịch sử và khảo cổ học khác**

81776.07-2022 **Giáo dục truyền thống gia đình dòng họ ở Thành phố Hồ Chí Minh qua sử dụng gia phả/ PGS. TS. Võ Văn Lộc, PGS.TS. Võ Văn Lộc; ThS. Đinh Thị Nguyệt Nga; ThS. Phan Kim Dung; ThS. Võ Ngọc An; KS. Trần Văn Thuận; TS. Phạm Thị Lan Phương - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Dòng họ, 2020 -**

12/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về giáo dục truyền thống gia đình dòng họ qua sử dụng gia phả hiện nay. Khảo sát thực trạng của hoạt động giáo dục truyền thống gia đình dòng họ qua sử dụng gia phả ở một số địa bàn quận huyện trong Thành phố, làm cơ sở cho việc đề xuất biện pháp. Nghiên cứu lý luận và khảo sát thực trạng, đề xuất biện pháp đẩy mạnh hoạt động giáo dục truyền thống gia đình, dòng họ qua sử dụng gia phả tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-030-2021

### **60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam**

80809.07-2022 **Sưu tầm, nghiên cứu phân loại và đề xuất các giải pháp bảo tồn, truyền dạy đồng dao và trò chơi dân gian các dân tộc thiểu số Lào Cai cho học sinh các trường tiểu học, mầm non vùng cao trên địa bàn Tỉnh/ TS. Đặng Thị Oanh, GS. TS. Vũ Anh Tuấn TS. Nguyễn Thị Nhung; TS. Nguyễn Thị Dung; TS. Nguyễn Ngọc Ngân; TS. Trần Phạm Văn Cương; ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Xuân Chiến; ThS. Hà Vũ Quang - Lào Cai - Phân Hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai, 2020 - 06/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Tạo ra bộ tuyển tập đồng dao và trò chơi dân gian các dân tộc thiểu số Lào Cai: Sưu tầm đồng dao và trò chơi dân gian của các dân tộc thiểu số tỉnh Lào Cai. Nghiên cứu, phân

loại và đánh giá các giá trị nội dung, nghệ thuật của đồng dao và trò chơi dân gian các dân tộc thiểu số tỉnh Lào Cai. Biên tập tuyển tập đồng dao và trò chơi dân gian các dân tộc thiểu số Lào Cai. Khảo sát thực trạng truyền dạy đồng dao và trò chơi dân gian các dân tộc thiểu số Lào Cai tại các trường tiểu học, mầm non vùng cao. Đề xuất và khảo nghiệm giải pháp nâng cao hiệu quả truyền dạy đồng dao và trò chơi dân gian các dân tộc thiểu số Lào Cai.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2020-003

### **60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ**

82092.07-2022 **Quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm gạo Điện Biên của tỉnh Điện Biên**/ TS. Đàm Thế Chiến, ThS. Nguyễn Thị Thu Hoài; ThS. Thân Thị Thái; CN. Hoàng Thị Giang; TS. Trần Thị Huế; ThS. Nguyễn Đức Dũng; KS. Phạm Đình Lai; CN. Phạm Thị Thu Hoài; KS. Hồ Trung Kiên; CN. Hoàng Thị Hiền - Bắc Giang - Trung tâm Nghiên cứu Đất và Phân bón vùng Trung du, 2021; 06/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra, khảo sát, đánh giá hiệu quả hoạt động quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý gạo Điện Biên với thực tế hiện nay. Xây dựng và triển khai hệ thống các công cụ quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý gạo Điện Biên. Xây dựng và triển khai hệ thống thương mại hóa sản phẩm. Tổ chức kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý gạo Điện Biên. Xây dựng và triển khai mô hình liên kết sản xuất, phát

triển sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo chuỗi giá trị.

Số hồ sơ lưu: 19631

82129.07-2022 **Xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý "Trà Bồng" cho sản phẩm quế của 2 huyện Trà Bồng và Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi**/ ThS. Nguyễn Văn Thành, ThS. Phan Thị Cẩm Vân; Nguyễn Thị Thanh Trúc; Lê Anh Chiến; ThS. Phạm Ngọc Sơn; Nguyễn Văn Hân; ThS. Phạm Ngọc Tuấn; TS. Bùi Tân Yên; TS. Lương Đức Toàn; ThS. Lê Thị Mỹ Hào; ThS. Phạm Đức Thụ; KS. Bùi Bích Lương; KS. Trịnh Quang Thái; Đặng Quang Nam; TS. Đinh Thị Thủy; ThS. Hoàng Thanh Sơn; Nguyễn Đức Lương; Trần Thị Minh Hiếu - Quảng Ngãi - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi, 2021; 07/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, đánh giá hiện trạng nhằm xác định căn cứ thực tiễn và khoa học để xác lập quyền chỉ dẫn địa lý "Trà Bồng" cho các sản phẩm quế của hai huyện Trà Bồng và Tây Trà tỉnh Quảng Ngãi. Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý "Trà Bồng" cho các sản phẩm quế, xây dựng hồ sơ và nộp hồ sơ đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý "Trà Bồng" cho các sản phẩm quế của 2 huyện Trà Bồng và Tây Trà tỉnh Quảng Ngãi. Xây dựng hệ thống các công cụ phục vụ công tác quản lý và kiểm soát nguồn gốc, chất lượng sản phẩm quế Trà Bồng và vận hành thử nghiệm công tác quản lý chỉ dẫn địa lý, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sản phẩm

qué Trà Bồng. Đánh giá kết quả thực hiện dự án Xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý “Trà Bồng” cho sản phẩm qué của hai huyện Trà Bồng và Tây Trà tỉnh Quảng Ngãi.

Số hồ sơ lưu: 19641

82509.07-2022 **Thị trường khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh: thực trạng và giải pháp/** ThS. Triệu Thành Sơn, ThS. Huỳnh Ngọc Chương; ThS. Phạm Tiến Dũng; ThS. Nguyễn Xuân Đóa; ThS. Hồ Minh Nhật; ThS. Trần Văn Phúc; CN. Nguyễn Mạnh Quân; ThS. Nguyễn Duy Tâm; TS. Lê Thị Ánh Tuyết; PGS.TS. Nguyễn Văn Trình - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp phát triển thị trường khoa học và công nghệ TP. Hồ Chí Minh. Hệ thống hóa cơ sở lý luận về thị trường khoa học và công nghệ. Xây dựng khung phân tích đánh giá các yếu tố tác động đến sự phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển thị trường khoa học và công nghệ TP. Hồ Chí Minh thời gian qua. Đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm thúc đẩy sự phát triển của thị trường khoa học và công nghệ TP. Hồ Chí Minh trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: HCM-045-2021

### **699. Khoa học nhân văn khác**

82340.07-2022 **Nghiên cứu phát huy giá trị văn hóa làng Thổ Hà gắn với phát triển du lịch tỉnh**

**Bắc Giang/** ThS. Đỗ Tuấn Khoa, CN. Phùng Thị Mai anh; CN Trần Minh Hà; ThS Dương Hồng Cơ; TS Nguyễn Thị Thu Mai; CN Lưu Xuân San; CN Nguyễn Thị Thanh Huyền; Cn Dương Thị Ánh; CN Đồng Ngọc Dưỡng; CN Nguyễn Thị Thùy Linh - Bắc Giang - Bảo tàng tỉnh Bắc Giang, 2021; 03/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, đánh giá giá trị di sản văn hóa phi vật thể làng Thổ Hà gắn với phát triển du lịch và đề xuất giải pháp phát triển. Đề xuất các nhóm giải pháp nhằm phát huy các giá trị di sản văn hóa làng Thổ Hà gắn với phát triển du lịch như: Công tác quản lý nhà nước về phát triển du lịch dựa trên giá trị di sản; nâng cao nhận thức của các đối tượng tham gia; tăng cường khối liên kết, thu hút đầu tư; phát triển hạ tầng, sản phẩm du lịch... Số lượng di sản văn hóa truyền thống ở làng Thổ Hà rất phong phú, độc đáo bao gồm di sản văn hóa vật thể (đình, đền, chùa, từ chỉ, nhà cổ, diếm cổ...) và di sản văn hóa phi vật thể như: Tuồng, quan họ, lễ hội, các nghi lễ, tục thờ cúng tổ nghề, các món ẩm thực độc đáo, các kinh nghiệm tri thức làng nghề truyền thống... Đề tài triển khai góp phần nâng cao nhận thức về giá trị di sản văn hóa của làng Thổ Hà đối với người dân sở tại, hình thành các mô hình gắn kết phát huy bảo tồn di sản với phát triển kinh tế. Cùng đó, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người dân, bảo tồn nét đẹp phong tục tập quán truyền thống.

Số hồ sơ lưu: ĐTCT65/2021

**Phu lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN**

**1. Tên thủ tục hành chính:** Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

**2. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1:

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn



bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

### **3. Cách thức thực hiện:**

- Đăng ký trực tuyến tại một trong các trang dịch vụ công của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia: <https://dichvucong.vista.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ <https://dichvucong.most.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công quốc gia của Chính phủ <https://dichvucong.gov.vn>.

- Nộp trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;

- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Khi nhận được hồ sơ, Bộ phận Một cửa sẽ liên hệ để hướng dẫn tổ chức/cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

### **4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ/01 nhiệm vụ**

- 01 phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- 01 quyển báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đóng bìa mạ chữ vàng, gáy in tên chủ nhiệm vụ và tổ chức chủ trì nhiệm vụ, trang bìa lót bên trong có chữ ký của chủ nhiệm vụ và dấu xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.

- 01 bản điện tử báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.

- 01 biên bản họp hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bản sao);

- 01 văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).
- 01 văn bản minh chứng việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.
- 01 phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

**5. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**9. Lệ phí:** Không.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.
- Phiếu mô tả công nghệ.
- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.
- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.
- Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:**

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Một cửa - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.39349116; Fax: 024.39349127.

Email: quanly@vista.gov.vn

*\* Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 04.39349119*